

Trường Đại Học Mở - Địa chất  
Quản lý kế hoạch giảng dạy  
-oOo-

## THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH                            | Tên môn học                                  | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên                         |
|----------------------------------|----------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------|
| <b>Môn đã xếp thời khóa biểu</b> |                                              |     |       |       |     |         |         |         |                                                                               |              |                                   |
| 4000001                          | Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính | 100 |       | 18    | 5   | 6       | 2       | HNAA407 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp                      |
|                                  |                                              |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA407 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp                      |
| 4000002                          | Tâm lý học đại cương                         | 100 |       | 36    | 5   | 2       | 2       | HNAB505 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung             |
|                                  |                                              |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA404 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung             |
| 4000003                          | Tiếng Việt thực hành                         | 100 |       | 28    | 7   | 6       | 3       | HNAA408 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung               |
|                                  |                                              |     |       |       | 7   | 9       | 2       | HNAA408 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung               |
| 4000005                          | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm      | 100 |       | 31    | 5   | 2       | 2       | HNAD302 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0203         | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN |
|                                  |                                              |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA405 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0203         | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN |
| 4010101                          | Đại số                                       | MT  |       | 22    | 2   | 9       | 4       | HNAA404 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân                    |
|                                  |                                              |     |       |       | 4   | 9       | 4       | HNAA404 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân                    |
| 4010103                          | Giải tích 2                                  | 100 |       | 45    | 5   | 2       | 2       | HNAB507 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền                   |
|                                  |                                              |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAB501 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền                   |
| 4010105                          | Xác suất thống kê                            | 100 |       | 63    | 5   | 6       | 2       | HNAA409 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc                   |
|                                  |                                              |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA409 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc                   |
| 4010106                          | Phương pháp tính                             | 100 |       | 58    | 5   | 2       | 2       | HNAD303 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân                    |
|                                  |                                              |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA406 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân                    |
| 4010109                          | Logic đại cương                              | 100 |       | 22    | 5   | 6       | 2       | HNAB201 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0101-03      | Tô Văn Đình                       |
|                                  |                                              |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB201 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0101-03      | Tô Văn Đình                       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Toán (01 0101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4010110 | Toán tối ưu                   | 100 |       | 40    | 5   | 8       | 2       | HNAA403 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0101-03      | Tô Văn Đình       |
|         |                               |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAB505 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0101-03      | Tô Văn Đình       |
| 4010111 | Toán rời rạc                  | 100 |       | 63    | 5   | 8       | 2       | HNAA308 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc   |
|         |                               |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAD302 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc   |
| 4010112 | Lý thuyết đồ thị              | MT  |       | 9     | 4   | 4       | 2       | HNBG302 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc   |
|         |                               |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG401 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc   |
| 4010201 | Vật lý đại cương A1 + TN      | 100 |       | 44    | 5   | 2       | 2       | HNAB401 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh      |
|         |                               |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA203 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh      |
| 4010201 | Vật lý đại cương A1 + TN      | MT  |       | 44    | 3   | 10      | 4       | HNAA306 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu    |
|         |                               |     |       |       | 5   | 10      | 4       | HNAA203 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu    |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 100 |       | 68    | 5   | 2       | 2       | HNAB404 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung |
|         |                               |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA204 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung |
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | MT  |       | 34    | 7   | 8       | 4       | HNAA406 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0103-24      | Vũ Thị Minh Hồng  |
|         |                               |     |       |       | 8   | 6       | 4       | HNAA203 | 17/01/2021 - 31/01/2021<br>28/02/2021 - 14/03/2021                            | 0103-24      | Vũ Thị Minh Hồng  |
| 4010401 | Hình học họa hình             | 100 |       | 40    | 5   | 2       | 2       | HNAD304 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên      |
|         |                               |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA407 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên      |
| 4010402 | Vẽ kỹ thuật                   | BS  |       | 15    | 4   | 1       | 3       | HNAA406 | 21/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
|         |                               |     |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA305 | 22/04/2021 - 27/05/2021                                                       | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
| 4010403 | Autocad + TH                  | 100 |       | 64    | 5   | 8       | 2       | HNAA402 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0104-07      | Phạm Thị Mai Anh  |
|         |                               |     |       |       | 7   | 8       | 3       | HNAD303 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0104-07      | Phạm Thị Mai Anh  |
| 4010502 | Cơ học lý thuyết 2            | MT  |       | 12    | 2   | 4       | 2       | HNBG305 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung   |
|         |                               |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG107 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Cơ lý thuyết (01 0105)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên               |
|---------|-------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------|
| 4010504 | Cơ học ứng dụng                                 | BS  |       | 10    | 2   | 11      | 3       | HNAB505 | 19/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0105-07      | Bùi Thị Thủy            |
|         |                                                 |     |       |       | 3   | 1       | 2       | HNAA307 | 20/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0105-07      | Bùi Thị Thủy            |
| 4010613 | Tiếng Anh 1                                     | 100 |       | 44    | 5   | 8       | 2       | HNAA204 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0106-09      | Trần Đình Thước         |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA205 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0106-09      | Trần Đình Thước         |
| 4010614 | Tiếng Anh 2                                     | 100 |       | 50    | 5   | 6       | 2       | HNAB405 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0106-24      | Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAB405 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0106-24      | Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc |
| 4010701 | Giáo dục thể chất 1                             | 100 |       | 44    | 7   | 9       | 2       | SANTDB2 | 06/03/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0107-12      | Lã Ngọc Linh            |
| 4010701 | Giáo dục thể chất 1                             | MT  |       | 27    | 2   | 3       | 2       | SANTDB3 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0107-08      | Lương Anh Hùng          |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2                             | 100 |       | 43    | 5   | 9       | 2       | SANTDB2 | 04/03/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương          |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2                             | MT  |       | 20    | 6   | 1       | 2       | SANTDB3 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 16/04/2021 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh            |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3                             | 100 |       | 45    | 5   | 1       | 2       | SANTDB5 | 04/03/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021                            | 0107-18      | Đỗ Tiến Thiết           |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3                             | BS  |       | 24    | 2   | 8       | 2       | SANTDB3 | 05/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0107-12      | Lã Ngọc Linh            |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4                             | 100 |       | 43    | 7   | 1       | 2       | SANTDA1 | 06/03/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0107-18      | Đỗ Tiến Thiết           |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                             | 100 |       | 50    | 7   | 9       | 2       | SANTDA1 | 06/03/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương          |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1      | MT  |       | 48    | 8   | 1       | 5       | HNAA203 | 17/01/2021 - 31/01/2021<br>28/02/2021 - 14/03/2021                            | 0201-13      | Ngô Văn Hường           |
| 4020103 | Pháp luật đại cương                             | MT  |       | 37    | 3   | 4       | 2       | HNBG107 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết           |
|         |                                                 |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG305 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết           |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam  | 01  |       | 44    | 2   | 10      | 2       | HNAB404 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương       |
|         |                                                 |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA306 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương       |
| 4030103 | Quy trình công nghệ và thiết kế mô lộ thiên+ ĐA | 02  |       | 19    | 4   | 9       | 2       | HNBG106 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác lộ thiên (03 0301)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4030103 | Quy trình công nghệ và thiết kế mỏ lộ thiên+ ĐA | 02  |       | 19    | 6   | 9          | 3       | HNBG501 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn  |
| 4030103 | Quy trình công nghệ và thiết kế mỏ lộ thiên+ ĐA | 03  |       | 11    | 2   | 6          | 3       | HNBG501 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa   |
|         |                                                 |     |       |       | 4   | 6          | 2       | HNBG407 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa   |
| 4030106 | Khai thác bằng sức nước                         | 02  |       | 23    | 2   | 6          | 2       | HNBG106 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0301-15      | Lê Quý Thảo      |
|         |                                                 |     |       |       | 4   | 6          | 3       | HNBG106 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0301-15      | Lê Quý Thảo      |
| 4030106 | Khai thác bằng sức nước                         | 03  |       | 11    | 4   | 8          | 3       | HNBG501 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0301-15      | Lê Quý Thảo      |
|         |                                                 |     |       |       | 6   | 8          | 2       | HNBG502 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0301-15      | Lê Quý Thảo      |
| 4030112 | Thoát nước mỏ                                   | 100 |       | 29    | 5   | 2          | 2       | HNAA305 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0301-19      | Đỗ Ngọc Hoàn     |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 3          | 3       | HNAA408 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0301-19      | Đỗ Ngọc Hoàn     |
| 4030206 | Thiết kế mỏ hầm lò + ĐA                         | 02  |       | 23    | 2   | 8          | 2       | HNBG402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0302-11      | Vũ Trung Tiến    |
|         |                                                 |     |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG501 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0302-11      | Vũ Trung Tiến    |
| 4030206 | Thiết kế mỏ hầm lò + ĐA                         | 03  |       | 12    | 2   | 9          | 3       | HNBG501 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0302-16      | Lê Tiến Dũng     |
|         |                                                 |     |       |       | 6   | 6          | 2       | HNBG502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0302-16      | Lê Tiến Dũng     |
| 4030221 | Tiếng Anh chuyên ngành hầm lò                   | 100 |       | 25    | 5   | 6          | 2       | HNAB202 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0302-23      | Đặng Phương Thảo |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 6          | 3       | HNAB202 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0302-23      | Đặng Phương Thảo |
| 4030404 | Tuyển nổi                                       | 01  |       | 15    | 2   | 8          | 2       | HNBG502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung |
|         |                                                 |     |       |       | 4   | 7          | 2       | HNBG502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung |
| 4030408 | Lấy mẫu kiểm tra kỹ thuật                       | 01  |       | 16    | 3   | 6          | 3       | HNBG502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0304-08      | Vũ Thị Chinh     |
|         |                                                 |     |       |       | 6   | 9          | 2       | HNBG301 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0304-08      | Vũ Thị Chinh     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Tuyển khoáng (03 0304)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                             | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4030410 | Thiết kế xưởng tuyển                                    | 01  |       | 17    | 2   | 6       | 2       | HNBG502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0304-07      | Phạm Văn Luận     |
|         |                                                         |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG301 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0304-07      | Phạm Văn Luận     |
| 4030411 | Nghiên cứu tính khả tuyển                               | 01  |       | 16    | 3   | 9       | 2       | HNBG502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung  |
|         |                                                         |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG301 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung  |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng                                      | 01  |       | 48    | 4   | 2       | 2       | HNBG108 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật  |
|         |                                                         |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật  |
| 4030423 | An toàn và vệ sinh lao động trong xưởng tuyển           | 01  |       | 16    | 2   | 10      | 2       | HNBG408 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0304-15      | Trần Văn Đước     |
|         |                                                         |     |       |       | 3   | 6       | 3       | HNBG502 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0304-15      | Trần Văn Đước     |
| 4030504 | Sức bền vật liệu B                                      | MT  |       | 17    | 3   | 11      | 3       | HNAA206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                                                         |     |       |       | 6   | 12      | 2       | HNAA203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
| 4030508 | Cơ học kết cấu 2 + BTL2                                 | MT  |       | 18    | 2   | 12      | 2       | HNAA203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
|         |                                                         |     |       |       | 4   | 12      | 2       | HNAA203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
| 4030514 | Cơ học môi trường liên tục                              | MT  |       | 13    | 2   | 3       | 3       | HNAB201 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0305-10      | Trần Mạnh Tiến    |
|         |                                                         |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB201 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0305-10      | Trần Mạnh Tiến    |
| 4040111 | Địa chất môi trường                                     | 01  |       | 12    | 4   | 2       | 2       | HNBG108 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi   |
|         |                                                         |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG301 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi   |
| 4040204 | Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng | 01  |       | 10    | 2   | 1       | 3       | HNBG301 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0402-07      | Phan Viết Sơn     |
|         |                                                         |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG301 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0402-07      | Phan Viết Sơn     |
| 4040408 | Khoáng tướng + TH                                       | 01  |       | 8     | 2   | 4       | 2       | HNBG408 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa    |
|         |                                                         |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG406 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa    |
| 4040413 | Khoáng sản Việt Nam                                     | 100 |       | 23    | 5   | 2       | 2       | HNAA306 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0404-05      | Lê Thị Thu        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Khoáng sản (04 0404)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4040413 | Khoáng sản Việt Nam                                  | 100 |       | 23    | 7   | 3       | 3       | HNAA409 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0404-05      | Lê Thị Thu           |
| 4040504 | Nền và móng                                          | 01  |       | 33    | 3   | 3       | 3       | HNBG402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0405-14      | Nhữ Việt Hà          |
|         |                                                      |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0405-14      | Nhữ Việt Hà          |
| 4040506 | Địa chất động lực công trình                         | 01  |       | 21    | 2   | 6       | 2       | HNBG407 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương   |
|         |                                                      |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNBG402 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương   |
| 4040510 | Địa chất công trình Việt Nam                         | 01  |       | 21    | 2   | 1       | 2       | HNBG205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga    |
|         |                                                      |     |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG206 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga    |
| 4040515 | Đánh giá tác động môi trường địa chất trong xây dựng | 01  |       | 24    | 2   | 1       | 2       | HNBG205 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga    |
|         |                                                      |     |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG301 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga    |
| 4040525 | Kỹ thuật gia cố cải tạo đất đá                       | 01  |       | 24    | 2   | 3       | 3       | HNBG108 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga    |
|         |                                                      |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga    |
| 4040526 | Hồ móng sâu và các giải pháp ổn định                 | 01  |       | 23    | 3   | 3       | 3       | HNBG402 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng     |
|         |                                                      |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG402 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng     |
| 4050103 | Trắc địa công trình thành phố công nghiệp + ĐA       | 01  |       | 21    | 2   | 6       | 2       | HNBG507 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0501-11      | Nguyễn Hà            |
|         |                                                      |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG507 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0501-11      | Nguyễn Hà            |
| 4050103 | Trắc địa công trình thành phố công nghiệp + ĐA       | 02  |       | 19    | 2   | 6       | 2       | HNBG508 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà       |
|         |                                                      |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG408 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà       |
| 4050105 | Trắc địa công trình đường hầm + BTL                  | MT  |       | 19    | 3   | 6       | 4       | HNAF205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0501-12      | Phạm Trung Dũng      |
| 4050106 | Quan trắc biến dạng công trình                       | 01  |       | 19    | 2   | 8       | 3       | HNBG507 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0501-14      | Nguyễn Thị Kim Thanh |
|         |                                                      |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG401 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0501-14      | Nguyễn Thị Kim Thanh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                        | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|----------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4050112 | Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình | 01  |       | 24    | 2   | 8       | 3       | HNBG106 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh  |
|         |                                                    |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG201 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh  |
| 4050205 | Thiên văn cầu và định vị thiên văn                 | 01  |       | 21    | 2   | 8       | 3       | HNBG102 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                    |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG107 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
| 4050207 | Bình sai lưới trắc địa + BTL                       | 01  |       | 22    | 2   | 8       | 2       | HNBG407 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                    |     |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG108 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
| 4050509 | Kỹ thuật môi trường                                | 100 |       | 64    | 5   | 4       | 2       | HNAA409 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0505-30      | Cao Xuân Cường   |
|         |                                                    |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAD402 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0505-30      | Cao Xuân Cường   |
| 4050813 | Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa                    | MT  |       | 18    | 4   | 1       | 2       | HNBG403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                    |     |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
| 4060313 | Các phương pháp phân tích dụng cụ                  | BS  |       | 5     | 3   | 6       | 2       | HNAA408 | 20/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0603-09      | Phạm Xuân Núi    |
|         |                                                    |     |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAA403 | 22/04/2021 - 27/05/2021                                                       | 0603-09      | Phạm Xuân Núi    |
| 4060318 | Công nghệ lọc dầu                                  | 01  |       | 32    | 2   | 4       | 2       | HNBG301 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải    |
|         |                                                    |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG305 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải    |
| 4060319 | Tiếng Anh chuyên ngành                             | 01  |       | 35    | 4   | 2       | 2       | HNBG305 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0603-11      | Công Ngọc Thắng  |
|         |                                                    |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG407 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0603-11      | Công Ngọc Thắng  |
| 4060320 | Các sản phẩm dầu mỏ và phụ gia                     | 01  |       | 28    | 2   | 2       | 2       | HNBG302 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0603-14      | Ngô Hà Sơn       |
|         |                                                    |     |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0603-14      | Ngô Hà Sơn       |
| 4060320 | Các sản phẩm dầu mỏ và phụ gia                     | BS  |       | 15    | 3   | 8       | 2       | HNAB206 | 20/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0603-14      | Ngô Hà Sơn       |
|         |                                                    |     |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAA303 | 23/04/2021 - 28/05/2021                                                       | 0603-14      | Ngô Hà Sơn       |
| 4060338 | Hóa học dầu mỏ                                     | 01  |       | 23    | 4   | 7       | 2       | HNBG102 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy  |
|         |                                                    |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG408 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy  |
| 4060408 | Công nghệ khai thác dầu khí 2                      | 01  |       | 22    | 4   | 6       | 3       | HNBG406 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0604-04      | Vũ Thiết Thạch   |
|         |                                                    |     |       |       | 6   | 7       | 2       | HNBG407 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0604-04      | Vũ Thiết Thạch   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Khoan khai thác dầu khí (06 0604)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4060419 | Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên       | MT |       | 16    | 3   | 3       | 3       | HNAA207 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0604-07      | Lê Quang Duyệt     |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0604-07      | Lê Quang Duyệt     |
| 4060448 | Kỹ thuật mô dầu khí                      | 01 |       | 22    | 2   | 6       | 2       | HNBG408 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0604-12      | Nguyễn Văn Thành   |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNBG408 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0604-12      | Nguyễn Văn Thành   |
| 4060505 | Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác        | 01 |       | 18    | 3   | 8       | 2       | HNAB205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0605-09      | Triệu Hùng Trường  |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAD303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0605-09      | Triệu Hùng Trường  |
| 4060506 | Cơ sở Thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan | 01 |       | 21    | 2   | 10      | 2       | HNAB205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng     |
|         |                                          |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng     |
| 4060508 | Công trình đường ống và bể chứa          | 01 |       | 18    | 3   | 10      | 2       | HNAA205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh   |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh   |
| 4060514 | Tiếng Anh chuyên ngành thiết bị dầu khí  | 01 |       | 19    | 2   | 6       | 2       | HNAD304 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh   |
|         |                                          |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA208 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh   |
| 4060521 | Thiết bị khai thác dầu khí 1             | 01 |       | 20    | 2   | 8       | 2       | HNBG408 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0605-03      | Lê Đức Vinh        |
|         |                                          |    |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG406 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0605-03      | Lê Đức Vinh        |
| 4070103 | Kinh tế lượng                            | MT |       | 28    | 2   | 4       | 2       | HNAA405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh        |
|         |                                          |    |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAA408 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh        |
| 4070205 | Marketing căn bản                        | 01 |       | 24    | 2   | 4       | 2       | HNBG201 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-09      | Phan Thị Thùy Linh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                            | NH      | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|----------------------------------------|---------|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 4070205 | Marketing căn bản                      | 01      |       | 24    | 3   | 6          | 2       | HNBG106 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-09      | Phan Thị Thùy Linh    |
| 4070309 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh | BS      |       | 28    | 2   | 2          | 4       | HNAD304 | 19/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0703-07      | Lê Minh Thống         |
|         |                                        |         |       |       | 4   | 2          | 4       | HNAD302 | 21/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 0703-07      | Lê Minh Thống         |
| 4080101 | Nguyên lý Hệ điều hành + BTL           | MT      |       | 6     | 4   | 2          | 4       | HNAB203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến    |
| 4080105 | Lập trình .NET 1 + BTL                 | 01      |       | 66    | 2   | 6          | 2       | HNBG401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng         |
|         |                                        |         |       |       | 3   | 8          | 2       | HNBG401 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng         |
| 4080105 | Lập trình .NET 1 + BTL                 | 100     |       | 22    | 5   | 2          | 2       | HNAA203 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị         |
|         |                                        |         |       |       | 7   | 2          | 2       | HNAA303 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị         |
| 4080106 | Phát triển ứng dụng Web + BTL          | 100     |       | 47    | 5   | 4          | 2       | HNAB502 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0803-14      | Đinh Bảo Ngọc         |
|         |                                        |         |       |       | 7   | 4          | 2       | HNAB404 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0803-14      | Đinh Bảo Ngọc         |
| 4080110 | Mã nguồn mở                            | 100     |       | 49    | 5   | 6          | 2       | HNAB206 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0804-05      | Dương Thị Tâm         |
|         |                                        |         |       |       | 7   | 8          | 3       | HNAD304 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0804-05      | Dương Thị Tâm         |
| 4080113 | Cơ sở dữ liệu nâng cao                 | MT      |       | 39    | 2   | 3          | 3       | HNAA208 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0803-07      | Trần Mai Hương        |
|         |                                        |         |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAA208 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0803-07      | Trần Mai Hương        |
| 4080113 | Cơ sở dữ liệu nâng cao                 | MT<br>2 |       | 14    | 4   | 3          | 3       | HNAA206 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
|         |                                        |         |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAA305 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
| 4080114 | Ngôn ngữ mô hình hóa UML               | 01      |       | 62    | 3   | 8          | 2       | HNBG406 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
|         |                                        |         |       |       | 6   | 8          | 3       | HNBG406 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
| 4080114 | Ngôn ngữ mô hình hóa UML               | 02      |       | 63    | 2   | 3          | 3       | HNBG407 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
|         |                                        |         |       |       | 3   | 4          | 2       | HNBG407 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                              | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 4080114 | Ngôn ngữ mô hình hóa UML                 | 03  |       | 22    | 2   | 1       | 3       | HNBG201 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị         |
|         |                                          |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG205 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị         |
| 4080114 | Ngôn ngữ mô hình hóa UML                 | 04  |       | 35    | 3   | 2       | 2       | HNBG107 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị         |
|         |                                          |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG108 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị         |
| 4080116 | Lập trình .NET 2 + BTL                   | 01  |       | 33    | 3   | 6       | 4       | HNBG305 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0801-02      | Nguyễn Thế Lộc        |
| 4080116 | Lập trình .NET 2 + BTL                   | 02  |       | 62    | 6   | 2       | 4       | HNBG201 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0801-02      | Nguyễn Thế Lộc        |
| 4080117 | Quản trị dự án công nghệ thông tin       | 100 |       | 62    | 5   | 2       | 2       | HNAA307 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
|         |                                          |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAD302 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
| 4080119 | Chuyên đề 1                              | MT  |       | 59    | 4   | 3       | 3       | HNAA404 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0801-06      | Hoàng Anh Đức         |
|         |                                          |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA404 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0801-06      | Hoàng Anh Đức         |
| 4080121 | Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động | 01  |       | 63    | 2   | 6       | 4       | HNBG305 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
| 4080121 | Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động | 02  |       | 65    | 2   | 2       | 4       | HNBG107 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
| 4080121 | Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động | 100 |       | 47    | 5   | 6       | 2       | HNAB501 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
|         |                                          |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAB501 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
| 4080130 | An toàn và bảo mật thông tin             | 01  |       | 60    | 3   | 8       | 2       | HNBG107 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
|         |                                          |     |       |       | 6   | 8       | 3       | HNBG107 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
| 4080130 | An toàn và bảo mật thông tin             | 02  |       | 61    | 2   | 3       | 3       | HNBG205 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
|         |                                          |     |       |       | 3   | 4       | 2       | HNBG407 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
| 4080130 | An toàn và bảo mật thông tin             | 03  |       | 24    | 2   | 1       | 3       | HNBG201 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
|         |                                          |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG301 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
| 4080130 | An toàn và bảo mật thông tin             | 04  |       | 21    | 3   | 2       | 2       | HNBG102 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
|         |                                          |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG108 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|-------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)       | 100 |       | 70    | 5   | 6       | 2       | HNAA203 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu        |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA203 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu        |
| 4080208 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng trên C++ BTL | 01  |       | 54    | 4   | 6       | 2       | HNBG301 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu          |
|         |                                                 |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNBG503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu          |
| 4080208 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng trên C++ BTL | 100 |       | 62    | 5   | 1       | 2       | HNAA205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0804-12      | Trương Xuân Bình      |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA206 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0804-12      | Trương Xuân Bình      |
| 4080306 | Hệ thống tin địa lý + BTL                       | 01  |       | 63    | 3   | 6       | 2       | HNBG107 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo   |
|         |                                                 |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo   |
| 4080306 | Hệ thống tin địa lý + BTL                       | 02  |       | 62    | 2   | 1       | 2       | HNBG108 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo   |
|         |                                                 |     |       |       | 3   | 2       | 2       | HNBG205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo   |
| 4080306 | Hệ thống tin địa lý + BTL                       | 03  |       | 40    | 2   | 4       | 2       | HNBG401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo   |
|         |                                                 |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNBG107 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo   |
| 4080541 | Khai phá dữ liệu                                | 02  |       | 63    | 4   | 2       | 4       | HNBG201 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0805-06      | Nguyễn Thị Phương Bắc |
| 4080542 | Phân tích và thiết kế thuật toán                | 02  |       | 63    | 3   | 2       | 4       | HNBG201 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0805-03      | Nguyễn Thùy Dương     |
| 4080608 | Lập trình quản lý + TH                          | MT  |       | 20    | 4   | 1       | 3       | HNAA205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**  
**Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4080608 | Lập trình quản lý + TH                                | MT  |       | 20    | 5   | 2       | 2       | HNAA204 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến      |
| 4080609 | Kế toán máy (tin kinh tế)                             | 01  |       | 56    | 6   | 6       | 5       | HNAC502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 4080611 | Chuyên đề - thực hành I                               | 01  |       | 57    | 6   | 6       | 5       | HNBG507 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 4080616 | Phát triển phần mềm ứng dụng trong kinh tế và quản lý | BS  |       | 21    | 5   | 6       | 5       | HNBG108 | 22/04/2021 - 27/05/2021                                                       | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 4080621 | Thương mại điện tử                                    | 100 |       | 44    | 5   | 6       | 2       | HNAD503 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |
|         |                                                       |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB206 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |
| 4080703 | Tiếng Anh chuyên ngành mạng                           | MT  |       | 22    | 5   | 4       | 2       | HNAA206 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0801-07      | Đào Anh Thư          |
|         |                                                       |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0801-07      | Đào Anh Thư          |
| 4080707 | Lập trình mạng                                        | 150 |       | 63    | 2   | 10      | 2       | HNAA304 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung      |
|         |                                                       |     |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAA305 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung      |
| 4080707 | Lập trình mạng                                        | 151 |       | 28    | 3   | 2       | 4       | HNAB503 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-04      | Nguyễn Tuấn Anh      |
| 4080708 | Cơ sở truyền tin và truyền số liệu                    | 100 |       | 68    | 5   | 6       | 2       | HNAA408 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0802-11      | Trần Thị Thu Thủy    |
|         |                                                       |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA408 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0802-11      | Trần Thị Thu Thủy    |
| 4080712 | Hệ thống thông tin di động + BTL                      | 01  |       | 48    | 2   | 6       | 2       | HNBG402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ       |
|         |                                                       |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG401 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ       |
| 4080712 | Hệ thống thông tin di động + BTL                      | 02  |       | 67    | 3   | 6       | 2       | HNBG403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ       |
|         |                                                       |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG403 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ       |
| 4080713 | Lý thuyết mật mã + BTL                                | 01  |       | 45    | 4   | 9       | 2       | HNBG402 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-05      | Đỗ Như Hải           |
|         |                                                       |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG401 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-05      | Đỗ Như Hải           |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**  
**Bộ môn: Mạng máy tính (08 0807)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học            | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4080713 | Lý thuyết mật mã + BTL | 02  |       | 61    | 2   | 8       | 2       | HNBG403 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-05      | Đỗ Như Hải          |
|         |                        |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNBG403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-05      | Đỗ Như Hải          |
| 4080715 | Quản trị hệ thống + ĐA | 01  |       | 51    | 2   | 8       | 2       | HNBG401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0801-09      | Diễm Công Hoàng     |
|         |                        |     |       |       | 3   | 8       | 3       | HNBG402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0801-09      | Diễm Công Hoàng     |
| 4080715 | Quản trị hệ thống + ĐA | 02  |       | 67    | 3   | 8       | 2       | HNBG403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0801-15      | Phạm Đình Tân       |
|         |                        |     |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG403 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0801-15      | Phạm Đình Tân       |
| 4080718 | Chuyên đề 2            | 01  |       | 55    | 3   | 6       | 2       | HNBG401 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-04      | Nguyễn Tuấn Anh     |
|         |                        |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNBG401 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0803-04      | Nguyễn Tuấn Anh     |
| 4080718 | Chuyên đề 2            | 02  |       | 62    | 2   | 6       | 2       | HNBG403 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0803-04      | Nguyễn Tuấn Anh     |
|         |                        |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNBG403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0803-04      | Nguyễn Tuấn Anh     |
| 4080722 | Mô phỏng mạng + BTL    | 100 |       | 52    | 5   | 6       | 2       | HNAA204 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0801-09      | Diễm Công Hoàng     |
|         |                        |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA204 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0801-09      | Diễm Công Hoàng     |
| 4080725 | Thiết kế mạng          | BS  |       | 22    | 5   | 8       | 5       | HNBG107 | 22/04/2021 - 27/05/2021                                                       | 0801-07      | Đào Anh Thư         |
| 4090107 | An toàn điện           | 100 |       | 25    | 5   | 6       | 2       | HNAA207 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                        |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAD503 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 4090112 | Trang bị điện mỏ       | 01  |       | 39    | 2   | 6       | 2       | HNBG107 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                           | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090112 | Trang bị điện mô                      | 01  |       | 39    | 6   | 6       | 2       | HNBG205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 4090115 | Tin học chuyên ngành điện khí hóa     | MT  |       | 36    | 3   | 3       | 3       | HNBG401 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG402 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
| 4090125 | Nhà máy điện                          | 100 |       | 44    | 5   | 8       | 2       | HNAA404 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                       |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAD303 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                   | 03  |       | 38    | 2   | 4       | 2       | HNBG205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG106 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                   | 04  |       | 31    | 3   | 6       | 2       | HNBG102 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 8       | 3       | HNBG205 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 4090135 | Tối ưu hóa chế độ hệ thống điện       | 01  |       | 23    | 2   | 2       | 2       | HNBG102 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG102 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 4090137 | Cơ khí đường dây                      | 01  |       | 32    | 2   | 8       | 2       | HNBG108 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 8       | 3       | HNBG108 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
| 4090137 | Cơ khí đường dây                      | 02  |       | 23    | 3   | 3       | 3       | HNBG102 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNBG102 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
| 4090137 | Cơ khí đường dây                      | BS  |       | 15    | 3   | 10      | 2       | HNAD304 | 20/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAD304 | 23/04/2021 - 28/05/2021                                                       | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
| 4090145 | Tự động hóa trong hệ thống điện mô    | BS  |       | 36    | 4   | 2       | 2       | HNAA402 | 21/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 10      | 3       | HNAA409 | 21/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
| 4090147 | Hệ thống thông tin công nghiệp        | 01  |       | 25    | 2   | 2       | 2       | HNBG102 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG106 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
| 4090148 | Bảo vệ Role trong hệ thống điện + TN  | 01  |       | 23    | 2   | 4       | 2       | HNBG102 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG102 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 4090149 | Quy hoạch và phát triển hệ thống điện | 01  |       | 24    | 3   | 3       | 3       | HNBG106 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                           | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090149 | Quy hoạch và phát triển hệ thống điện | 01  |       | 24    | 6   | 2       | 2       | HNBG102 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 4090150 | Kinh tế năng lượng                    | 100 |       | 50    | 5   | 8       | 2       | HNAA403 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
|         |                                       |     |       |       | 7   | 8       | 3       | HNAA305 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
| 4090151 | Kỹ thuật chiếu sáng                   | 100 |       | 58    | 5   | 8       | 2       | HNAA405 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
|         |                                       |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAD304 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
| 4090152 | Vận hành hệ thống điện                | 100 |       | 62    | 5   | 4       | 2       | HNAA402 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
|         |                                       |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA402 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 4090153 | Khí cụ điện                           | MT  |       | 6     | 3   | 6       | 3       | HNAA408 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA408 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 4090159 | Chuyên đề điện khí hóa 1+2            | MT  |       | 37    | 4   | 6       | 3       | HNAA403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNAD302 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 4090160 | Hệ thống cung cấp điện                | MT  |       | 28    | 5   | 1       | 3       | HNAA305 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
|         |                                       |     |       |       | 7   | 1       | 2       | HNAA406 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
| 4090162 | Trạm biến áp và nhà máy điện          | 01  |       | 40    | 3   | 6       | 4       | HNBG301 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
| 4090164 | Điện khí hoá xí nghiệp                | BS  |       | 33    | 2   | 8       | 2       | HNBG107 | 19/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
|         |                                       |     |       |       | 3   | 3       | 3       | HNBG401 | 20/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
| 4090204 | Kỹ thuật lập trình tự động hóa        | MT  |       | 23    | 3   | 11      | 2       | HNAA303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0902-14      | Đào Hiếu            |
|         |                                       |     |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAA205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0902-14      | Đào Hiếu            |
| 4090208 | Điều khiển mờ và mạng noron           | MT  |       | 36    | 2   | 3       | 3       | HNAA408 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                       |     |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAA303 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 4090209 | Điều khiển số                         | 01  |       | 51    | 2   | 6       | 2       | HNAA303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|--------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090209 | Điều khiển số                                    | 02  |       | 47    | 3   | 6       | 2       | HNAA203 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 4090211 | Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình              | 03  |       | 61    | 3   | 6       | 2       | HNBG205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
| 4090211 | Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình              | 04  |       | 41    | 3   | 8       | 3       | HNBG205 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNBG205 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
| 4090212 | Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất       | 01  |       | 35    | 2   | 2       | 2       | HNBG301 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                  |     |       |       | 3   | 3       | 3       | HNBG301 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 4090216 | Điều khiển tự động truyền động điện              | BS  |       | 15    | 2   | 11      | 3       | HNAB504 | 19/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 12      | 2       | HNAA204 | 21/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
| 4090218 | Thiết kế hệ thống điều khiển tự động             | 03  |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNBG205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 9       | 2       | HNBG205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
| 4090218 | Thiết kế hệ thống điều khiển tự động             | 04  |       | 57    | 2   | 6       | 2       | HNBG301 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                  |     |       |       | 3   | 3       | 3       | HNBG108 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
| 4090219 | Mạng truyền thông công nghiệp                    | 03  |       | 62    | 3   | 3       | 3       | HNBG108 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0902-15      | Thái Hải Âu         |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG108 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0902-15      | Thái Hải Âu         |
| 4090219 | Mạng truyền thông công nghiệp                    | 04  |       | 44    | 2   | 4       | 2       | HNBG108 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0902-15      | Thái Hải Âu         |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG106 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0902-15      | Thái Hải Âu         |
| 4090222 | Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy khí | 03  |       | 61    | 3   | 8       | 2       | HNBG205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG102 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
| 4090222 | Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy khí | 04  |       | 62    | 4   | 8       | 3       | HNBG205 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG108 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
| 4090224 | Phương pháp lập trình CNC                        | 100 |       | 52    | 5   | 10      | 2       | HNAA203 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                           | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4090224 | Phương pháp lập trình CNC             | 100 |       | 52    | 7   | 3       | 3       | HNAB202 | 10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền  |
| 4090251 | Kỹ thuật Vi điều khiển                | MT  |       | 14    | 4   | 1       | 5       | HNBG401 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021 | 0902-19      | Nguyễn Thế Lực    |
| 4090316 | Thông tin số                          | 01  |       | 34    | 2   | 8       | 3       | HNAB504 | 05/04/2021 - 10/05/2021                            | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB203 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
| 4090316 | Thông tin số                          | 02  |       | 46    | 4   | 4       | 2       | HNAB201 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021 | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA405 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021 | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
| 4090319 | Hệ thống monitoring môi trường        | 01  |       | 46    | 3   | 4       | 2       | HNAA307 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAA404 | 07/04/2021 - 12/05/2021                            | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 4090319 | Hệ thống monitoring môi trường        | 02  |       | 38    | 3   | 10      | 2       | HNAB201 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAB204 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 4090321 | Thiết bị cơ điện lạnh                 | 01  |       | 42    | 2   | 8       | 2       | HNAD303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
| 4090321 | Thiết bị cơ điện lạnh                 | 02  |       | 47    | 3   | 8       | 2       | HNAA206 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB405 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
| 4090328 | Kỹ thuật máy tính và ghép nối         | 01  |       | 37    | 4   | 9       | 2       | HNAA208 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021 | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAD401 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021 | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
| 4090328 | Kỹ thuật máy tính và ghép nối         | 02  |       | 45    | 4   | 9       | 2       | HNAB504 | 07/04/2021 - 12/05/2021                            | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA406 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
| 4090331 | Tiếng Anh chuyên ngành điện - điện tử | 01  |       | 40    | 3   | 8       | 3       | HNAB203 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA405 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 4090331 | Tiếng Anh chuyên ngành điện - điện tử | 02  |       | 43    | 3   | 8       | 2       | HNAB504 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB201 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B                      | 100 |       | 35    | 5   | 6       | 2       | HNAA208 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021 | 0904-06      | Nguyễn Văn Tuệ    |
|         |                                       |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA207 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021 | 0904-06      | Nguyễn Văn Tuệ    |
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B                      | 03  |       | 29    | 2   | 9       | 2       | HNBG301 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021 | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Kỹ thuật cơ khí (09 0904)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B                                       | 03 |       | 29    | 4   | 3       | 3       | HNBG106 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng   |
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B                                       | 04 |       | 71    | 2   | 8       | 2       | HNBG301 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0904-07      | Phạm Đức Thiên    |
|         |                                                        |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG102 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0904-07      | Phạm Đức Thiên    |
| 4090439 | Hệ thống truyền động thủy khí trong máy và thiết bị mô | MT |       | 11    | 2   | 4       | 2       | HNAB203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng   |
|         |                                                        |    |       |       | 3   | 3       | 3       | HNAB203 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng   |
| 4090449 | Truyền động tự động thủy khí trong máy công cụ         | 01 |       | 48    | 2   | 4       | 2       | HNBG106 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại    |
|         |                                                        |    |       |       | 3   | 3       | 3       | HNBG107 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại    |
| 4090459 | Công nghệ chế tạo máy 2                                | 01 |       | 48    | 2   | 2       | 2       | HNBG106 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng |
|         |                                                        |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNBG107 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng |
| 4090460 | Đồ gá                                                  | 01 |       | 49    | 2   | 4       | 2       | HNBG106 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
|         |                                                        |    |       |       | 3   | 3       | 3       | HNBG106 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
| 4090463 | Công nghệ CAD/CAM/CNC + BTL                            | 01 |       | 51    | 3   | 1       | 2       | HNBG106 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0904-19      | Đoàn Kim Bình     |
|         |                                                        |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG107 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0904-19      | Đoàn Kim Bình     |
| 4090465 | Công nghệ chế tạo khuôn mẫu                            | MT |       | 24    | 5   | 6       | 5       | HNBG102 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng    |
| 4090466 | Công nghệ gia công áp lực                              | MT |       | 22    | 2   | 6       | 5       | HNAA404 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0904-05      | Phạm Thị Thủy     |
| 4090469 | Chuyên đề Chế tạo máy                                  | MT |       | 27    | 3   | 6       | 5       | HNBG501 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng |
| 4090474 | Tổ chức sản xuất cơ khí                                | MT |       | 26    | 6   | 6       | 5       | HNBG201 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng |
| 4090527 | Thiết kế ô tô F2                                       | 01 |       | 37    | 2   | 8       | 2       | HNBG108 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0905-13      | Kiều Đức Thịnh    |
|         |                                                        |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG301 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0905-13      | Kiều Đức Thịnh    |
| 4090535 | Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô                     | 01 |       | 37    | 2   | 6       | 2       | HNBG108 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0905-16      | Nguyễn Khắc Lĩnh  |
|         |                                                        |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNBG108 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0905-16      | Nguyễn Khắc Lĩnh  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Máy và thiết bị công nghiệp (09 0905)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4090541 | Máy thủy lực và máy nén khí     | MT |       | 9     | 4   | 4       | 2       | HNAA308 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0905-03      | Nguyễn Đăng Tấn  |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA304 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0905-03      | Nguyễn Đăng Tấn  |
| 4090547 | Máy khai thác và máy vận tải    | 01 |       | 17    | 3   | 1       | 2       | HNBG403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0905-16      | Nguyễn Khắc Lĩnh |
|         |                                 |    |       |       | 3   | 3       | 2       | HNBG403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0905-16      | Nguyễn Khắc Lĩnh |
| 4090550 | Máy xây dựng                    | 01 |       | 25    | 3   | 6       | 2       | HNBG402 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0905-02      | Đoàn Văn Giáp    |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG408 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0905-02      | Đoàn Văn Giáp    |
| 4090588 | Điện ô tô                       | 01 |       | 37    | 4   | 4       | 2       | HNBG108 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng   |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG108 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng   |
| 4100101 | Các phương pháp số              | 01 |       | 23    | 3   | 8       | 2       | HNBG408 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0303-21      | Vũ Minh Ngân     |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 8       | 3       | HNBG407 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0303-21      | Vũ Minh Ngân     |
| 4100169 | Thiết kế hàm và công trình ngầm | 01 |       | 23    | 4   | 6       | 2       | HNBG501 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0303-20      | Nguyễn Chí Thành |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG102 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0303-20      | Nguyễn Chí Thành |
| 4100208 | Tổ chức và quản lý thi công     | 01 |       | 38    | 2   | 1       | 2       | HNBG305 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0303-08      | Nguyễn Văn Mạnh  |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG305 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0303-08      | Nguyễn Văn Mạnh  |
| 4100208 | Tổ chức và quản lý thi công     | 02 |       | 21    | 2   | 8       | 3       | HNBG107 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0303-26      | Bùi Văn Đức      |
|         |                                 |    |       |       | 3   | 6       | 2       | HNBG408 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0303-26      | Bùi Văn Đức      |
| 4100217 | Kỹ thuật thi công               | MT |       | 32    | 3   | 4       | 2       | HNAA303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0303-15      | Phạm Thị Nhân    |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0303-15      | Phạm Thị Nhân    |
| 4100218 | Thi công nhà nhiều tầng         | MT |       | 29    | 2   | 6       | 2       | HNAA306 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn  |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA308 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn  |
| 4100224 | Nhà nhiều tầng                  | BS |       | 19    | 5   | 3       | 3       | HNAA403 | 22/04/2021 - 27/05/2021                                                       | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                   | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4100224 | Nhà nhiều tầng                                                                | BS  |       | 19    | 6   | 4       | 2       | HNAA402 | 23/04/2021 - 28/05/2021                                                       | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn    |
| 4100305 | Thiết kế công trình thủy                                                      | 01  |       | 24    | 2   | 6       | 2       | HNBG201 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 1003-05      | Bùi Anh Thắng      |
|         |                                                                               |     |       |       | 3   | 8       | 3       | HNBG106 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 1003-05      | Bùi Anh Thắng      |
| 4100318 | Cấp thoát nước trong công trình xây dựng                                      | 01  |       | 42    | 2   | 3       | 3       | HNBG305 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 1003-01      | Đặng Quang Huy     |
|         |                                                                               |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG107 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 1003-01      | Đặng Quang Huy     |
| 4110114 | Môi trường và phát triển bền vững                                             | 100 |       | 79    | 5   | 6       | 2       | HNAB506 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0402-12      | Nguyễn Thị Cúc     |
|         |                                                                               |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB506 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0402-12      | Nguyễn Thị Cúc     |
| 4110236 | Môi trường và con người                                                       | 100 |       | 66    | 5   | 6       | 2       | HNAB506 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0408-03      | Trần Thị Kim Hà    |
|         |                                                                               |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA208 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0408-03      | Trần Thị Kim Hà    |
| 4110305 | Công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn trong công nghiệp mỏ + BTL               | 01  |       | 30    | 3   | 9       | 2       | HNBG201 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
|         |                                                                               |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG408 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
| 4110306 | Kiểm soát sự cố và rủi ro chất thải quặng đuôi trong khai thác lộ thiên + BTL | 01  |       | 29    | 2   | 6       | 2       | HNBG506 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 1103-05      | Đào Trung Thành    |
|         |                                                                               |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG506 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 1103-05      | Đào Trung Thành    |
| 4110307 | Công nghệ môi trường trong công nghiệp dầu khí + BTL                          | 150 |       | 27    | 3   | 1       | 2       | HNAB205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 1103-04      | Đặng Thị Ngọc Thủy |
|         |                                                                               |     |       |       | 6   | 1       | 2       | HNAA204 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 1103-04      | Đặng Thị Ngọc Thủy |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng                                                    | 100 |       | 69    | 8   | 2       | 4       | HNAA207 | 17/01/2021 - 31/01/2021<br>28/02/2021 - 14/03/2021<br>11/04/2021 - 16/05/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám      |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh                                                 | 100 |       | 66    | 8   | 6       | 5       | HNAA207 | 11/04/2021 - 16/05/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đám      |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh                                                 | 101 |       | 28    | 2   | 6       | 5       | HNAB506 | 15/03/2021 - 15/03/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đám      |
|         |                                                                               |     |       |       | 3   | 6       | 5       | HNAB506 | 16/03/2021 - 16/03/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đám      |
|         |                                                                               |     |       |       | 4   | 6       | 5       | HNAB506 | 17/03/2021 - 17/03/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đám      |
|         |                                                                               |     |       |       | 5   | 6       | 5       | HNAB506 | 18/03/2021 - 18/03/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đám      |
|         |                                                                               |     |       |       | 6   | 6       | 5       | HNAB506 | 19/03/2021 - 19/03/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đám      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Khoa: Giáo dục quốc phòng

Bộ môn: Chính trị (30 3001)

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                             | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------------------|-----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh           | 101 |       | 28    | 7   | 6          | 5       | HNAB506 | 20/03/2021 - 20/03/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đam       |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật            | 100 |       | 53    | 2   | 1          | 5       | BAITAP1 | 17/05/2021 - 24/05/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đam       |
|         |                                         |     |       |       | 4   | 1          | 5       | BAITAP1 | 19/05/2021 - 26/05/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đam       |
|         |                                         |     |       |       | 6   | 1          | 5       | BAITAP1 | 21/05/2021 - 28/05/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đam       |
|         |                                         |     |       |       | 7   | 1          | 5       | BAITAP1 | 22/05/2021 - 29/05/2021                                                       | 3001-01      | Phạm Quốc Đam       |
| 7000001 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                  | 100 |       | 56    | 5   | 8          | 3       | HNAA404 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết       |
|         |                                         |     |       |       | 7   | 2          | 2       | HNAA403 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết       |
| 7000001 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                  | 150 |       | 20    | 3   | 1          | 2       | HNAB502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết       |
|         |                                         |     |       |       | 5   | 1          | 3       | HNAB203 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết       |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 100 |       | 71    | 5   | 3          | 3       | HNAD502 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
|         |                                         |     |       |       | 7   | 4          | 2       | HNAD502 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 101 |       | 70    | 5   | 3          | 3       | HNAD503 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
|         |                                         |     |       |       | 7   | 4          | 2       | HNAD503 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 102 |       | 139   | 7   | 9          | 3       | HNBG202 | 30/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 27/03/2021<br>01/05/2021 - 22/05/2021 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 103 |       | 138   | 2   | 9          | 3       | HNBG202 | 25/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 05/04/2021<br>10/05/2021 - 17/05/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 104 |       | 142   | 3   | 1          | 3       | HNBG202 | 16/03/2021 - 18/05/2021                                                       | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 105 |       | 139   | 5   | 9          | 3       | HNBG302 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 25/02/2021<br>01/04/2021 - 20/05/2021 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 106 |       | 115   | 7   | 6          | 3       | HNBG206 | 30/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>17/04/2021 - 22/05/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 107 |       | 140   | 4   | 6          | 3       | HNBG306 | 27/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 21/04/2021                            | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 108 |       | 63    | 5   | 3          | 3       | HNAA405 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
|         |                                         |     |       |       | 7   | 4          | 2       | HNAB507 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm | 109 |       | 64    | 5   | 3          | 3       | HNAB501 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
|         |                                         |     |       |       | 7   | 4          | 2       | HNAB507 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|----------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm      | 110 |       | 69    | 2   | 6       | 3       | HNBG302 | 05/04/2021 - 17/05/2021                            | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm   |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm      | 150 |       | 20    | 3   | 1       | 3       | HNAA203 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà    |
|         |                                              |     |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA308 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà    |
| 7000002 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm      | 151 |       | 54    | 4   | 6       | 3       | HNBG508 | 27/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 21/04/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà    |
| 7000003 | Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính | 100 |       | 66    | 5   | 6       | 2       | HNAD402 | 08/04/2021 - 13/05/2021                            | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp          |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAD402 | 10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp          |
| 7000003 | Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính | 101 |       | 63    | 7   | 3       | 3       | HNBG106 | 10/04/2021 - 22/05/2021                            | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp          |
| 7000003 | Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính | 102 |       | 61    | 5   | 10      | 2       | HNAB501 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp          |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAB207 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp          |
| 7000003 | Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính | 103 |       | 32    | 2   | 9       | 3       | HNBG106 | 05/04/2021 - 17/05/2021                            | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp          |
| 7000004 | Kỹ năng tư duy phản biện                     | 100 |       | 47    | 5   | 8       | 2       | HNAA405 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà         |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 8       | 3       | HNAA306 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà         |
| 7000005 | Tâm lý học đại cương                         | 100 |       | 63    | 5   | 8       | 2       | HNAA406 | 08/04/2021 - 13/05/2021                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAA305 | 10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 7000005 | Tâm lý học đại cương                         | 101 |       | 61    | 5   | 8       | 2       | HNAA208 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021 | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAB507 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021 | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 7000005 | Tâm lý học đại cương                         | 102 |       | 66    | 5   | 3       | 3       | HNAB501 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021 | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAB507 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021 | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 7000005 | Tâm lý học đại cương                         | 103 |       | 63    | 5   | 8       | 2       | HNAB201 | 08/04/2021 - 13/05/2021                            | 0201-13      | Ngô Văn Hường         |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAB507 | 10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0201-13      | Ngô Văn Hường         |
| 7000005 | Tâm lý học đại cương                         | 104 |       | 63    | 5   | 4       | 2       | HNAB404 | 08/04/2021 - 13/05/2021                            | 0201-13      | Ngô Văn Hường         |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA208 | 10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0201-13      | Ngô Văn Hường         |
| 7000006 | Tiếng Việt thực hành                         | 100 |       | 22    | 5   | 8       | 3       | HNAA406 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021 | 0202-06      | Lê Thị Yến            |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA404 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021 | 0202-06      | Lê Thị Yến            |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Toán (01 0101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                  | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7010101 | Biến đổi Laplace và ứng dụng | 01  |       | 80    | 4   | 9       | 3       | HNAD503 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh |
| 7010101 | Biến đổi Laplace và ứng dụng | 02  |       | 140   | 3   | 6       | 3       | HNAD301 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh |
| 7010102 | Đại số tuyến tính            | 01  |       | 62    | 3   | 8       | 3       | HNBG407 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân      |
|         |                              |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNBG108 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân      |
| 7010103 | Giải tích 1                  | 01  |       | 83    | 2   | 6       | 3       | HNAA208 | 05/04/2021 - 17/05/2021                                                       | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền     |
|         |                              |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD503 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền     |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 01  |       | 62    | 2   | 3       | 3       | HNAA207 | 05/04/2021 - 17/05/2021                                                       | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền     |
|         |                              |     |       |       | 3   | 3       | 3       | HNAA207 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền     |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 02  |       | 140   | 4   | 3       | 3       | HNAD301 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
|         |                              |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAD101 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 06  |       | 130   | 3   | 1       | 3       | HNBG302 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0101-20      | Lê Hương Giang      |
|         |                              |     |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG302 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0101-20      | Lê Hương Giang      |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 09  |       | 109   | 3   | 6       | 3       | HNBG202 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0101-20      | Lê Hương Giang      |
|         |                              |     |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG202 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0101-20      | Lê Hương Giang      |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 16  |       | 132   | 3   | 6       | 3       | HNAD101 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
|         |                              |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD201 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 18  |       | 131   | 3   | 3       | 3       | HNAD201 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
|         |                              |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAD101 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 20  |       | 130   | 3   | 9       | 3       | HNAD401 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
|         |                              |     |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAD101 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 22  |       | 130   | 2   | 3       | 3       | HNAD101 | 05/04/2021 - 17/05/2021                                                       | 0101-20      | Lê Hương Giang      |
|         |                              |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAD401 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0101-20      | Lê Hương Giang      |
| 7010104 | Giải tích 2                  | 24  |       | 132   | 2   | 9       | 3       | HNAD401 | 05/04/2021 - 17/05/2021                                                       | 0101-20      | Lê Hương Giang      |
|         |                              |     |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAD101 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0101-20      | Lê Hương Giang      |
| 7010108 | Logic đại cương              | 100 |       | 63    | 5   | 8       | 2       | HNAA205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0101-19      | Nguyễn Thu Hằng     |
|         |                              |     |       |       | 7   | 9       | 2       | HNAB404 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0101-19      | Nguyễn Thu Hằng     |
| 7010108 | Logic đại cương              | 101 |       | 63    | 5   | 10      | 2       | HNAB507 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0101-03      | Tô Văn Đình         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Toán (01 0101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7010108 | Logic đại cương  | 101 |       | 63    | 7   | 2       | 2       | HNAB507 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0101-03      | Tô Văn Đình          |
| 7010108 | Logic đại cương  | 102 |       | 141   | 5   | 4       | 2       | HNAD101 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0101-19      | Nguyễn Thu Hằng      |
|         |                  |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAD201 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0101-19      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 7010110 | Phương pháp tính | 01  |       | 19    | 4   | 6       | 3       | HNBG102 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân       |
| 7010110 | Phương pháp tính | 150 |       | 59    | 3   | 8       | 3       | HNAD403 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
|         |                  |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAA307 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
| 7010111 | Phương pháp tính | 01  |       | 47    | 3   | 4       | 2       | HNAA205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng      |
|         |                  |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng      |
| 7010111 | Phương pháp tính | 02  |       | 34    | 3   | 10      | 2       | HNAA203 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
|         |                  |     |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAB206 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
| 7010111 | Phương pháp tính | 06  |       | 132   | 3   | 9       | 2       | HNAD201 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng      |
|         |                  |     |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAD201 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng      |
| 7010111 | Phương pháp tính | 08  |       | 135   | 3   | 6       | 3       | HNAD201 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng      |
|         |                  |     |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAD201 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng      |
| 7010111 | Phương pháp tính | 10  |       | 136   | 3   | 6       | 3       | HNAD401 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
|         |                  |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD201 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
| 7010111 | Phương pháp tính | 12  |       | 135   | 3   | 1       | 3       | HNAD301 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
|         |                  |     |       |       | 6   | 1       | 2       | HNAD101 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
| 7010111 | Phương pháp tính | 14  |       | 138   | 2   | 6       | 3       | HNAD401 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng      |
|         |                  |     |       |       | 4   | 7       | 2       | HNAD101 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng      |
| 7010115 | Toán cao cấp 2   | 100 |       | 60    | 5   | 4       | 2       | HNAB405 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
|         |                  |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAB504 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
| 7010115 | Toán cao cấp 2   | 101 |       | 139   | 5   | 8       | 3       | HNBG206 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 25/03/2021<br>29/04/2021 - 13/05/2021 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Toán (01 0101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học       | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7010115 | Toán cao cấp 2    | 101 |       | 139   | 6   | 9       | 2       | HNBG202 | 29/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 26/03/2021<br>30/04/2021 - 14/05/2021 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
| 7010115 | Toán cao cấp 2    | 102 |       | 138   | 5   | 4       | 2       | HNBG206 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 08/04/2021<br>13/05/2021 - 13/05/2021 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
|         |                   |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG206 | 29/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 09/04/2021<br>14/05/2021 - 14/05/2021 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
| 7010115 | Toán cao cấp 2    | 103 |       | 141   | 4   | 9       | 2       | HNBG206 | 17/03/2021 - 12/05/2021                                                       | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
|         |                   |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG202 | 19/03/2021 - 14/05/2021                                                       | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
| 7010115 | Toán cao cấp 2    | 104 |       | 139   | 2   | 6       | 3       | HNBG202 | 25/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 22/02/2021<br>29/03/2021 - 10/05/2021 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
|         |                   |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG206 | 29/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 26/02/2021<br>02/04/2021 - 14/05/2021 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
| 7010115 | Toán cao cấp 2    | 105 |       | 114   | 3   | 4       | 2       | HNBG206 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>13/04/2021 - 11/05/2021 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
|         |                   |     |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG206 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>15/04/2021 - 13/05/2021 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
| 7010115 | Toán cao cấp 2    | 106 |       | 146   | 3   | 1       | 3       | HNBG206 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 13/04/2021                            | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
|         |                   |     |       |       | 5   | 2       | 2       | HNBG302 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 15/04/2021                            | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
| 7010115 | Toán cao cấp 2    | 107 |       | 68    | 3   | 6       | 2       | HNBG206 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
|         |                   |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG302 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
| 7010120 | Xác suất thống kê | 01  |       | 142   | 3   | 4       | 2       | HNBG202 | 16/03/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm       |
|         |                   |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG202 | 19/03/2021 - 14/05/2021                                                       | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm       |
| 7010120 | Xác suất thống kê | 014 |       | 56    | 3   | 6       | 2       | HNBG406 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-19      | Nguyễn Thu Hằng      |
|         |                   |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG503 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0101-19      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 7010120 | Xác suất thống kê | 015 |       | 139   | 2   | 9       | 2       | HNAD301 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc      |
|         |                   |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAD301 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc      |
| 7010120 | Xác suất thống kê | 02  |       | 139   | 2   | 9       | 2       | HNBG302 | 25/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 22/02/2021<br>29/03/2021 - 10/05/2021 | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm       |
|         |                   |     |       |       | 6   | 8       | 3       | HNBG302 | 29/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 26/02/2021<br>02/04/2021 - 14/05/2021 | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Toán (01 0101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7010120 | Xác suất thống kê   | 03  |       | 113   | 3   | 6       | 3       | HNBG306 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>13/04/2021 - 11/05/2021 | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm      |
|         |                     |     |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG302 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>15/04/2021 - 13/05/2021 | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm      |
| 7010120 | Xác suất thống kê   | 04  |       | 140   | 5   | 6       | 2       | HNBG206 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 25/03/2021<br>29/04/2021 - 13/05/2021 | 0101-24      | Lê Bích Phụng       |
|         |                     |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG306 | 29/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 26/03/2021<br>30/04/2021 - 14/05/2021 | 0101-24      | Lê Bích Phụng       |
| 7010120 | Xác suất thống kê   | 05  |       | 138   | 2   | 3       | 3       | HNBG206 | 25/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 05/04/2021<br>10/05/2021 - 10/05/2021 | 0101-24      | Lê Bích Phụng       |
|         |                     |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG206 | 27/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 07/04/2021<br>12/05/2021 - 12/05/2021 | 0101-24      | Lê Bích Phụng       |
| 7010120 | Xác suất thống kê   | 06  |       | 70    | 3   | 8       | 3       | HNBG206 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0101-24      | Lê Bích Phụng       |
|         |                     |     |       |       | 5   | 9       | 2       | HNBG202 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0101-24      | Lê Bích Phụng       |
| 7010120 | Xác suất thống kê   | 07  |       | 140   | 3   | 4       | 2       | HNBG302 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 13/04/2021                            | 0101-24      | Lê Bích Phụng       |
|         |                     |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG302 | 29/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 16/04/2021                            | 0101-24      | Lê Bích Phụng       |
| 7010120 | Xác suất thống kê   | 08  |       | 44    | 2   | 6       | 3       | HNBG503 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0101-19      | Nguyễn Thu Hằng     |
|         |                     |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNBG503 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0101-19      | Nguyễn Thu Hằng     |
| 7010120 | Xác suất thống kê   | 16  |       | 62    | 2   | 6       | 3       | HNBG102 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm      |
|         |                     |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG302 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm      |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 01  |       | 30    | 7   | 6       | 4       | HNAA508 | 10/04/2021 - 17/04/2021                                                       | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 02  |       | 40    | 2   | 2       | 4       | HNAA511 | 19/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 020 |       | 31    | 5   | 6       | 4       | HNAA508 | 08/04/2021 - 15/04/2021                                                       | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 021 |       | 38    | 5   | 6       | 4       | HNAA511 | 22/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung   |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 022 |       | 40    | 7   | 6       | 4       | HNAA511 | 24/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung   |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 023 |       | 30    | 4   | 6       | 4       | HNAA511 | 21/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải     |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 024 |       | 33    | 2   | 2       | 4       | HNAA511 | 05/04/2021 - 12/04/2021                                                       | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải     |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 025 |       | 32    | 4   | 2       | 4       | HNAA511 | 07/04/2021 - 14/04/2021                                                       | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung   |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 026 |       | 31    | 4   | 6       | 4       | HNAA511 | 07/04/2021 - 14/04/2021                                                       | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung   |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 027 |       | 32    | 2   | 2       | 4       | HNAA508 | 19/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0102-14      | Trần Thị Hà         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Vật Lý (01 0102)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 028 |       | 32    | 4   | 2       | 4       | HNAA508 | 21/04/2021 - 12/05/2021 | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 029 |       | 31    | 2   | 6       | 4       | HNAA508 | 19/04/2021 - 10/05/2021 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải     |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 03  |       | 28    | 5   | 6       | 4       | HNAA511 | 08/04/2021 - 15/04/2021 | 0102-14      | Trần Thị Hà         |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 030 |       | 32    | 4   | 6       | 4       | HNAA508 | 07/04/2021 - 14/04/2021 | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 031 |       | 32    | 2   | 6       | 4       | HNAA508 | 05/04/2021 - 12/04/2021 | 0102-16      | Đào Việt Thắng      |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 032 |       | 32    | 2   | 2       | 4       | HNAA508 | 05/04/2021 - 12/04/2021 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 033 |       | 30    | 4   | 6       | 4       | HNAA513 | 21/04/2021 - 12/05/2021 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 034 |       | 32    | 4   | 2       | 4       | HNAA513 | 21/04/2021 - 12/05/2021 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 035 |       | 31    | 2   | 6       | 4       | HNAA511 | 19/04/2021 - 10/05/2021 | 0102-14      | Trần Thị Hà         |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 036 |       | 32    | 2   | 2       | 4       | HNAA513 | 05/04/2021 - 12/04/2021 | 0102-16      | Đào Việt Thắng      |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 037 |       | 32    | 5   | 2       | 4       | HNAA513 | 08/04/2021 - 15/04/2021 | 0102-14      | Trần Thị Hà         |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 038 |       | 30    | 7   | 2       | 4       | HNAA513 | 10/04/2021 - 17/04/2021 | 0102-16      | Đào Việt Thắng      |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 04  |       | 30    | 5   | 6       | 4       | HNAA508 | 22/04/2021 - 13/05/2021 | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 05  |       | 29    | 3   | 6       | 4       | HNAA508 | 20/04/2021 - 11/05/2021 | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu      |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 06  |       | 31    | 7   | 6       | 4       | HNAA508 | 24/04/2021 - 15/05/2021 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 07  |       | 23    | 5   | 6       | 4       | HNAA513 | 22/04/2021 - 13/05/2021 | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu      |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 100 |       | 22    | 3   | 6       | 4       | HNAA511 | 20/04/2021 - 11/05/2021 | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung   |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 11  |       | 32    | 2   | 6       | 4       | HNAA511 | 05/04/2021 - 12/04/2021 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải     |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 13  |       | 32    | 4   | 6       | 4       | HNAA508 | 21/04/2021 - 12/05/2021 | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 15  |       | 32    | 4   | 2       | 4       | HNAA508 | 07/04/2021 - 14/04/2021 | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 17  |       | 33    | 2   | 6       | 4       | HNAA513 | 19/04/2021 - 10/05/2021 | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu      |
| 7010202 | Thí nghiệm vật lý 1 | 19  |       | 31    | 6   | 2       | 4       | HNAA513 | 09/04/2021 - 16/04/2021 | 0102-16      | Đào Việt Thắng      |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1  | 01  |       | 82    | 2   | 6       | 3       | HNAD301 | 05/04/2021 - 17/05/2021 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
|         |                     |     |       |       | 3   | 3       | 3       | HNAD101 | 06/04/2021 - 18/05/2021 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1  | 02  |       | 88    | 4   | 6       | 3       | HNBG202 | 07/04/2021 - 19/05/2021 | 0102-14      | Trần Thị Hà         |
|         |                     |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNBG306 | 10/04/2021 - 22/05/2021 | 0102-14      | Trần Thị Hà         |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1  | 022 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNAB206 | 05/04/2021 - 17/05/2021 | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung   |
|         |                     |     |       |       | 3   | 3       | 3       | HNAB501 | 06/04/2021 - 18/05/2021 | 0102-03      | Nguyễn Xuân Chung   |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1  | 023 |       | 59    | 6   | 1       | 3       | HNAB204 | 09/04/2021 - 21/05/2021 | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu      |
|         |                     |     |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAB204 | 10/04/2021 - 22/05/2021 | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Vật Lý (01 0102)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 024 |       | 60    | 5   | 6       | 3       | HNAB207 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải     |
|         |                               |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAD304 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải     |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 025 |       | 60    | 3   | 3       | 3       | HNAD304 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
|         |                               |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB204 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 026 |       | 58    | 5   | 1       | 3       | HNAB207 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
|         |                               |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB502 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 027 |       | 59    | 5   | 9       | 3       | HNAB207 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu      |
|         |                               |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAA207 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu      |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 06  |       | 65    | 5   | 3       | 3       | HNBG205 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải     |
|         |                               |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNBG205 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải     |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 11  |       | 83    | 6   | 1       | 3       | HNAD201 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
|         |                               |     |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAD101 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 13  |       | 76    | 5   | 6       | 3       | HNAD301 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng    |
|         |                               |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAD301 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng    |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 15  |       | 80    | 3   | 3       | 3       | HNAD401 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0102-16      | Đào Việt Thắng      |
|         |                               |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD401 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-16      | Đào Việt Thắng      |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 17  |       | 81    | 5   | 1       | 3       | HNAD301 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
|         |                               |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAD401 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn        |
| 7010204 | Vật lý đại cương 1            | 19  |       | 76    | 5   | 9       | 3       | HNAD401 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0102-16      | Đào Việt Thắng      |
|         |                               |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAD101 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0102-16      | Đào Việt Thắng      |
| 7010301 | Cân bằng pha và hóa keo + TN  | 01  |       | 35    | 2   | 1       | 2       | HNAA403 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0103-24      | Vũ Thị Minh Hồng    |
|         |                               |     |       |       | 5   | 1       | 2       | HNAA403 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0103-24      | Vũ Thị Minh Hồng    |
| 7010303 | Hóa đại cương phần 2          | 01  |       | 17    | 7   | 6       | 3       | HNBG102 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0103-16      | Vũ Kim Thư          |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 01  |       | 64    | 2   | 6       | 2       | HNAA207 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0103-18      | Lê Thị Phương Thảo  |
|         |                               |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA204 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0103-18      | Lê Thị Phương Thảo  |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 04  |       | 61    | 5   | 6       | 2       | HNAB507 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0103-10      | Đỗ Thị Hải          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Hoá (01 0103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 04  |       | 61    | 7   | 8       | 2       | HNAB501 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0103-10      | Đỗ Thị Hải          |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 05  |       | 60    | 5   | 8       | 2       | HNAB507 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0103-06      | Lê Thị Duyên        |
|         |                               |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAB504 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0103-06      | Lê Thị Duyên        |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 06  |       | 62    | 5   | 8       | 2       | HNAA307 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0103-13      | Nguyễn Thị Thu Hiền |
|         |                               |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAA404 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0103-13      | Nguyễn Thị Thu Hiền |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 08  |       | 84    | 5   | 4       | 2       | HNAD201 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-08      | Nguyễn Mạnh Hà      |
|         |                               |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAD201 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-08      | Nguyễn Mạnh Hà      |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 10  |       | 82    | 5   | 9       | 2       | HNAD301 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-12      | Hà Mạnh Hùng        |
|         |                               |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAD301 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-12      | Hà Mạnh Hùng        |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 12  |       | 82    | 5   | 4       | 2       | HNAD401 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-26      | Nguyễn Thị Kim Thoa |
|         |                               |     |       |       | 7   | 8       | 3       | HNAD401 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-26      | Nguyễn Thị Kim Thoa |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 14  |       | 81    | 5   | 4       | 2       | HNAD301 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-06      | Lê Thị Duyên        |
|         |                               |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAD301 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-06      | Lê Thị Duyên        |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 150 |       | 63    | 4   | 1       | 2       | HNAA307 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0103-08      | Nguyễn Mạnh Hà      |
|         |                               |     |       |       | 6   | 1       | 2       | HNAA303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0103-08      | Nguyễn Mạnh Hà      |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 151 |       | 58    | 5   | 4       | 2       | HNAB204 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-25      | Nguyễn Viết Hùng    |
|         |                               |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB204 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-25      | Nguyễn Viết Hùng    |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 152 |       | 60    | 5   | 9       | 2       | HNAB204 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-20      | Vũ Duy Thịnh        |
|         |                               |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA208 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-20      | Vũ Duy Thịnh        |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 153 |       | 60    | 5   | 4       | 2       | HNAA208 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-11      | Võ Thị Hạnh         |
|         |                               |     |       |       | 7   | 8       | 3       | HNAD503 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-11      | Võ Thị Hạnh         |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 154 |       | 58    | 5   | 4       | 2       | HNAB207 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-10      | Đỗ Thị Hải          |
|         |                               |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA207 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-10      | Đỗ Thị Hải          |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 155 |       | 60    | 3   | 4       | 2       | HNAA409 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0103-26      | Nguyễn Thị Kim Thoa |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Hoá (01 0103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 155 |       | 60    | 4   | 9       | 3       | HNAB204 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0103-26      | Nguyễn Thị Kim Thoa |
| 7010304 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 16  |       | 81    | 3   | 4       | 2       | HNAD301 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0103-16      | Vũ Kim Thư          |
|         |                               |     |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAD401 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0103-16      | Vũ Kim Thư          |
| 7010306 | Hoá học vô cơ phần 1 + TN     | 01  |       | 17    | 2   | 9       | 2       | HNBG201 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0103-21      | Lê Thị Vinh         |
|         |                               |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG201 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-21      | Lê Thị Vinh         |
| 7010307 | Hoá hữu cơ phần 1             | 01  |       | 21    | 6   | 9       | 3       | HNBG201 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0103-12      | Hà Mạnh Hùng        |
| 7010308 | Hóa phân tích phần 1+ TN      | 01  |       | 31    | 5   | 9       | 2       | HNBG201 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0103-09      | Nguyễn Thu Hà       |
|         |                               |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNBG201 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0103-09      | Nguyễn Thu Hà       |
| 7010312 | Hóa phân tích 2               | 01  |       | 21    | 2   | 6       | 3       | HNAB505 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0103-06      | Lê Thị Duyên        |
|         |                               |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB505 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0103-06      | Lê Thị Duyên        |
| 7010401 | Autocad + TH                  | 01  |       | 80    | 3   | 9       | 3       | HNAD503 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0104-06      | Hoàng Văn Tài       |
| 7010402 | Hình họa và vẽ kỹ thuật       | 01  |       | 39    | 4   | 6       | 3       | HNBG201 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên        |
| 7010403 | Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL | 01  |       | 35    | 2   | 9       | 3       | HNBG102 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0104-06      | Hoàng Văn Tài       |
|         |                               |     |       |       | 3   | 4       | 2       | HNBG102 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0104-06      | Hoàng Văn Tài       |
| 7010405 | Vẽ kỹ thuật và autocad + BTL  | 100 |       | 21    | 5   | 6       | 2       | HNAA205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0104-07      | Phạm Thị Mai Anh    |
|         |                               |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA205 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0104-07      | Phạm Thị Mai Anh    |
| 7010405 | Vẽ kỹ thuật và autocad + BTL  | 101 |       | 32    | 4   | 4       | 2       | HNAB206 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0104-08      | Đỗ Việt Anh         |
|         |                               |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB206 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0104-08      | Đỗ Việt Anh         |
| 7010407 | Vẽ kỹ thuật xây dựng          | 01  |       | 50    | 2   | 6       | 3       | HNBG205 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0104-01      | Trần Hồng Hải       |
|         |                               |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNBG205 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0104-01      | Trần Hồng Hải       |
| 7010501 | Cơ học chất lỏng              | 01  |       | 22    | 2   | 3       | 3       | HNAB203 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung     |
|         |                               |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAB203 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung     |
| 7010502 | Cơ học kỹ thuật               | 01  |       | 10    | 3   | 6       | 3       | HNBG201 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0105-07      | Bùi Thị Thủy        |
| 7010505 | Cơ lý thuyết 1                | 01  |       | 61    | 3   | 9       | 2       | HNBG108 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0105-03      | Trần Thị Trâm       |
|         |                               |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG106 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0105-03      | Trần Thị Trâm       |
| 7010505 | Cơ lý thuyết 1                | 02  |       | 66    | 6   | 1       | 3       | HNAB207 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0105-10      | Đinh Công Đạt       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Cơ lý thuyết (01 0105)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học            | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 7010505 | Cơ lý thuyết 1         | 02  |       | 66    | 7   | 2       | 2       | HNAA304 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0105-10      | Đinh Công Đạt         |
| 7010601 | Tiếng Anh 1            | BS  |       | 23    | 5   | 8       | 4       | HNAA408 | 22/04/2021 - 27/05/2021                                                       | 0106-12      | Lê Thị Thúy Hà        |
|         |                        |     |       |       | 7   | 8       | 4       | HNAA402 | 24/04/2021 - 29/05/2021                                                       | 0106-12      | Lê Thị Thúy Hà        |
| 7010601 | Tiếng Anh 1            | MT  |       | 39    | 5   | 6       | 2       | HNAB502 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0405-19      | Vũ Thái Linh          |
|         |                        |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAB502 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0405-19      | Vũ Thái Linh          |
| 7010602 | Tiếng Anh 2            | 01  |       | 46    | 5   | 2       | 2       | HNAB205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0106-08      | Cao Xuân Hiền         |
|         |                        |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAB401 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0106-08      | Cao Xuân Hiền         |
| 7010602 | Tiếng Anh 2            | BS  |       | 25    | 3   | 8       | 4       | HNAD502 | 20/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0106-19      | Nguyễn ánh Hoa        |
|         |                        |     |       |       | 6   | 8       | 4       | HNBG305 | 23/04/2021 - 28/05/2021                                                       | 0106-19      | Nguyễn ánh Hoa        |
| 7010603 | Tiếng Anh 3            | 100 |       | 40    | 5   | 8       | 2       | HNAA407 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0106-12      | Lê Thị Thúy Hà        |
|         |                        |     |       |       | 7   | 8       | 3       | HNAA307 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0106-12      | Lê Thị Thúy Hà        |
| 7010604 | Tiếng Anh 4            | 100 |       | 40    | 5   | 6       | 2       | HNAA409 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0106-23      | Đặng Thanh Mai        |
|         |                        |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB201 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0106-23      | Đặng Thanh Mai        |
| 7010604 | Tiếng Anh 4            | MT  |       | 30    | 5   | 6       | 2       | HNAB404 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0106-22      | Vũ Thanh Tâm          |
|         |                        |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB404 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0106-22      | Vũ Thanh Tâm          |
| 7010610 | Tiếng Anh tăng cường 1 | 011 |       | 20    | 3   | 1       | 3       | HNAB502 | 06/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0106-21      | Nguyễn Thị Cúc        |
|         |                        |     |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAB503 | 08/04/2021 - 27/05/2021                                                       | 0106-21      | Nguyễn Thị Cúc        |
| 7010610 | Tiếng Anh tăng cường 1 | 012 |       | 13    | 2   | 3       | 3       | HNAA409 | 05/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0106-19      | Nguyễn ánh Hoa        |
|         |                        |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB503 | 09/04/2021 - 28/05/2021                                                       | 0106-19      | Nguyễn ánh Hoa        |
| 7010610 | Tiếng Anh tăng cường 1 | 013 |       | 5     | 4   | 1       | 3       | HNAA308 | 07/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 0106-13      | Nguyễn Hồng Vân       |
|         |                        |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA409 | 09/04/2021 - 28/05/2021                                                       | 0106-13      | Nguyễn Hồng Vân       |
| 7010610 | Tiếng Anh tăng cường 1 | 014 |       | 15    | 2   | 1       | 3       | HNAA308 | 05/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0106-15      | Trương Thị Thanh Thủy |
|         |                        |     |       |       | 3   | 1       | 3       | HNAB203 | 06/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0106-15      | Trương Thị Thanh Thủy |
| 7010610 | Tiếng Anh tăng cường 1 | 015 |       | 10    | 2   | 11      | 3       | HNAA308 | 05/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0106-20      | Trịnh Thị Vân         |
|         |                        |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA304 | 07/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 0106-20      | Trịnh Thị Vân         |
| 7010610 | Tiếng Anh tăng cường 1 | 017 |       | 11    | 2   | 3       | 3       | HNAB502 | 05/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0106-16      | Nguyễn Thị Thảo       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Ngoại ngữ (01 0106)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học            | NH        | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên               |
|---------|------------------------|-----------|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------------|
| 7010610 | Tiếng Anh tăng cường 1 | 017       |       | 11    | 5   | 1       | 3       | HNAA308 | 08/04/2021 - 27/05/2021                            | 0106-16      | Nguyễn Thị Thảo         |
| 7010610 | Tiếng Anh tăng cường 1 | 07        |       | 14    | 4   | 11      | 3       | HNAA408 | 07/04/2021 - 26/05/2021                            | 0106-11      | Nguyễn Thị Thu Phúc     |
|         |                        |           |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAA305 | 09/04/2021 - 28/05/2021                            | 0106-11      | Nguyễn Thị Thu Phúc     |
| 7010611 | Tiếng Anh tăng cường 2 | 011       |       | 16    | 2   | 3       | 3       | HNAB202 | 05/04/2021 - 24/05/2021                            | 0106-20      | Trịnh Thị Vân           |
|         |                        |           |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAB204 | 07/04/2021 - 26/05/2021                            | 0106-20      | Trịnh Thị Vân           |
| 7010611 | Tiếng Anh tăng cường 2 | 013<br>_2 |       | 22    | 4   | 6       | 3       | HNAA403 | 07/04/2021 - 26/05/2021                            | 0106-21      | Nguyễn Thị Cúc          |
|         |                        |           |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA205 | 09/04/2021 - 28/05/2021                            | 0106-21      | Nguyễn Thị Cúc          |
| 7010611 | Tiếng Anh tăng cường 2 | 03        |       | 26    | 3   | 11      | 3       | HNAA303 | 06/04/2021 - 25/05/2021                            | 0106-24      | Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc |
|         |                        |           |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAA205 | 08/04/2021 - 27/05/2021                            | 0106-24      | Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc |
| 7010611 | Tiếng Anh tăng cường 2 | 04        |       | 11    | 2   | 3       | 3       | HNAB205 | 05/04/2021 - 24/05/2021                            | 0106-13      | Nguyễn Hồng Vân         |
|         |                        |           |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAA402 | 08/04/2021 - 27/05/2021                            | 0106-13      | Nguyễn Hồng Vân         |
| 7010611 | Tiếng Anh tăng cường 2 | 05        |       | 19    | 2   | 3       | 3       | HNAD302 | 05/04/2021 - 24/05/2021                            | 0106-24      | Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc |
|         |                        |           |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA404 | 08/04/2021 - 27/05/2021                            | 0106-24      | Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 011       |       | 41    | 2   | 7       | 2       | SANTDB2 | 22/03/2021 - 10/05/2021                            | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông      |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 012       |       | 40    | 5   | 1       | 2       | SANTDB2 | 01/04/2021 - 20/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương          |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 013       |       | 40    | 7   | 1       | 2       | SANTDB2 | 03/04/2021 - 22/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương          |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 014       |       | 40    | 7   | 3       | 2       | SANTDB2 | 03/04/2021 - 22/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương          |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 015       |       | 40    | 5   | 3       | 2       | SANTDB2 | 01/04/2021 - 20/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương          |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 016       |       | 38    | 5   | 9       | 2       | SANTDB3 | 25/02/2021 - 11/03/2021<br>15/04/2021 - 13/05/2021 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông      |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 017       |       | 38    | 5   | 7       | 2       | SANTDB3 | 25/02/2021 - 11/03/2021<br>15/04/2021 - 13/05/2021 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông      |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 018       |       | 39    | 5   | 9       | 2       | SANTDB1 | 25/02/2021 - 11/03/2021<br>15/04/2021 - 13/05/2021 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy        |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 019       |       | 40    | 3   | 3       | 2       | SANTDB3 | 23/02/2021 - 23/03/2021<br>27/04/2021 - 11/05/2021 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy        |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 020       |       | 40    | 5   | 1       | 2       | SANTDB3 | 25/02/2021 - 25/03/2021<br>29/04/2021 - 13/05/2021 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh            |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 021       |       | 37    | 3   | 1       | 2       | SANTDB3 | 23/02/2021 - 23/03/2021<br>27/04/2021 - 11/05/2021 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy        |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 022       |       | 40    | 5   | 3       | 2       | SANTDB3 | 25/02/2021 - 25/03/2021<br>29/04/2021 - 13/05/2021 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông      |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1    | 023       |       | 36    | 5   | 1       | 2       | SANTDB1 | 25/02/2021 - 08/04/2021<br>13/05/2021 - 13/05/2021 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 024 |       | 38    | 5   | 1       | 2       | SANTDB4 | 25/02/2021 - 08/04/2021<br>13/05/2021 - 13/05/2021 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 025 |       | 36    | 4   | 1       | 2       | SANTDB1 | 24/02/2021 - 07/04/2021<br>12/05/2021 - 12/05/2021 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 026 |       | 39    | 4   | 1       | 2       | SANTDB4 | 24/02/2021 - 07/04/2021<br>12/05/2021 - 12/05/2021 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 027 |       | 40    | 4   | 1       | 2       | SANTDB2 | 07/04/2021 - 05/05/2021                            | 0107-12      | Lê Ngọc Linh       |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 028 |       | 39    | 7   | 1       | 2       | SANTDB3 | 10/04/2021 - 08/05/2021                            | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 029 |       | 36    | 7   | 3       | 2       | SANTDB1 | 27/02/2021 - 17/04/2021                            | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 030 |       | 36    | 7   | 1       | 2       | SANTDB1 | 27/02/2021 - 17/04/2021                            | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 031 |       | 35    | 7   | 1       | 2       | SANTDB4 | 27/02/2021 - 17/04/2021                            | 0107-12      | Lê Ngọc Linh       |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 032 |       | 39    | 7   | 3       | 2       | SANTDB4 | 27/02/2021 - 17/04/2021                            | 0107-12      | Lê Ngọc Linh       |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 08  |       | 40    | 3   | 7       | 2       | SANTDB2 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 09  |       | 40    | 2   | 9       | 2       | SANTDB2 | 05/04/2021 - 10/05/2021                            | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 7010701 | Giáo dục thể chất 1 | 10  |       | 40    | 3   | 9       | 2       | SANTDB2 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 025 |       | 35    | 2   | 1       | 2       | SANTDB4 | 05/04/2021 - 10/05/2021                            | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 026 |       | 24    | 2   | 3       | 2       | SANTDB4 | 05/04/2021 - 10/05/2021                            | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 027 |       | 40    | 3   | 9       | 2       | SANTDA1 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-18      | Đỗ Tiến Thiết      |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 028 |       | 19    | 2   | 9       | 2       | SANTDA1 | 05/04/2021 - 10/05/2021                            | 0107-18      | Đỗ Tiến Thiết      |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 029 |       | 32    | 3   | 1       | 2       | SANTDA2 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-18      | Đỗ Tiến Thiết      |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 030 |       | 30    | 3   | 1       | 2       | SANTDA4 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 031 |       | 32    | 3   | 7       | 2       | SANTDA2 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-18      | Đỗ Tiến Thiết      |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 032 |       | 33    | 3   | 9       | 2       | SANTDA3 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 033 |       | 39    | 3   | 9       | 2       | SANTDA2 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 034 |       | 35    | 3   | 7       | 2       | SANTDA1 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 035 |       | 40    | 6   | 1       | 2       | SANTDA1 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 036 |       | 41    | 5   | 1       | 2       | SANTDA1 | 08/04/2021 - 13/05/2021                            | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 037 |       | 35    | 6   | 1       | 2       | SANTDA2 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 038 |       | 35    | 5   | 1       | 2       | SANTDA3 | 08/04/2021 - 13/05/2021                            | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 039 |       | 31    | 2   | 9       | 2       | SANTDA3 | 05/04/2021 - 10/05/2021                            | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 04  |       | 15    | 6   | 3       | 2       | SANTDB2 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2 | 040 |       | 33    | 4   | 9       | 2       | SANTDA2 | 07/04/2021 - 12/05/2021                            | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 041 |       | 27    | 2   | 1       | 2       | SANTDA2 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 042 |       | 36    | 4   | 1       | 2       | SANTDA2 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 043 |       | 32    | 3   | 1       | 2       | SANTDA3 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0107-17      | Trần Lan Hương     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 044 |       | 39    | 3   | 1       | 2       | SANTDA1 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 045 |       | 33    | 4   | 9       | 2       | SANTDA3 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 046 |       | 37    | 2   | 9       | 2       | SANTDA2 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 047 |       | 35    | 4   | 1       | 2       | SANTDA1 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 048 |       | 41    | 2   | 1       | 2       | SANTDA4 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 049 |       | 38    | 7   | 7       | 2       | SANTDA2 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 050 |       | 40    | 2   | 3       | 2       | SANTDA1 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0107-18      | Đỗ Tiến Thiết      |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 051 |       | 40    | 7   | 9       | 2       | SANTDA2 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 052 |       | 39    | 4   | 9       | 2       | SANTDA1 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 053 |       | 40    | 5   | 1       | 2       | SANTDA2 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 054 |       | 23    | 5   | 9       | 2       | SANTDA1 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 06  |       | 32    | 6   | 1       | 2       | SANTDB1 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0107-17      | Trần Lan Hương     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 07  |       | 20    | 7   | 7       | 2       | SANTDB3 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 08  |       | 39    | 7   | 3       | 2       | SANTDB5 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 10  |       | 17    | 6   | 1       | 2       | SANTDB2 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 11  |       | 29    | 7   | 1       | 2       | SANTDB5 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 12  |       | 30    | 6   | 3       | 2       | SANTDB1 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 7010702 | Giáo dục thể chất 2                              | 13  |       | 27    | 4   | 3       | 2       | SANTDB5 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0107-18      | Đỗ Tiến Thiết      |
| 7010703 | Giáo dục thể chất 3                              | 02  |       | 25    | 4   | 1       | 2       | SANTDA3 | 03/03/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương     |
| 7010703 | Giáo dục thể chất 3                              | 03  |       | 22    | 7   | 7       | 2       | SANTDA1 | 06/03/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0107-17      | Trần Lan Hương     |
| 7010703 | Giáo dục thể chất 3                              | 04  |       | 41    | 7   | 7       | 2       | SANTDA3 | 06/03/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021                            | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 7020103 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 01  |       | 30    | 2   | 8       | 2       | HNAA409 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA406 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|--------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 7020103 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 02  |       | 64    | 2   | 8       | 2       | HNAB205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương    |
|         |                                                  |     |       |       | 3   | 6       | 2       | HNAA409 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương    |
| 7020103 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 03  |       | 55    | 2   | 10      | 2       | HNAB203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương    |
|         |                                                  |     |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAB202 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương    |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 01  |       | 64    | 2   | 6       | 2       | HNAA205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA304 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 02  |       | 64    | 2   | 4       | 2       | HNAA303 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAA206 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 03  |       | 64    | 2   | 1       | 3       | HNAA303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA203 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 04  |       | 62    | 2   | 3       | 3       | HNAB502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 05  |       | 63    | 2   | 2       | 2       | HNAB501 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 07  |       | 141   | 5   | 6       | 3       | HNBG202 | 18/03/2021 - 20/05/2021                                                       | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 08  |       | 139   | 7   | 6       | 3       | HNBG306 | 30/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 27/02/2021<br>03/04/2021 - 22/05/2021 | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 09  |       | 114   | 7   | 3       | 3       | HNBG206 | 30/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>17/04/2021 - 22/05/2021 | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 10  |       | 140   | 2   | 6       | 3       | HNBG306 | 25/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 22/03/2021<br>26/04/2021 - 17/05/2021 | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương                              | 100 |       | 63    | 5   | 6       | 2       | HNAA405 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA405 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học           | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|-----------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 7020104 | Pháp luật đại cương   | 101 |       | 65    | 6   | 9       | 3       | HNBG106 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 7020104 | Pháp luật đại cương   | 102 |       | 69    | 7   | 9       | 3       | HNBG302 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 7020104 | Pháp luật đại cương   | 11  |       | 138   | 6   | 9       | 3       | HNBG206 | 29/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 09/04/2021<br>14/05/2021 - 21/05/2021 | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương   | 12  |       | 87    | 4   | 6       | 3       | HNBG302 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 7020104 | Pháp luật đại cương   | 13  |       | 140   | 3   | 9       | 3       | HNBG202 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 20/04/2021                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 7020105 | Triết học Mác - Lênin | 01  |       | 133   | 4   | 3       | 3       | HNAD101 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương    |
|         |                       |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAD101 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương    |
| 7020105 | Triết học Mác - Lênin | 03  |       | 41    | 3   | 6       | 2       | HNBG108 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương    |
|         |                       |     |       |       | 6   | 8       | 3       | HNBG108 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương    |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 01  |       | 71    | 3   | 4       | 2       | HNAB506 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
|         |                       |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD503 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 015 |       | 71    | 2   | 3       | 3       | HNBG202 | 15/03/2021 - 17/05/2021                                                       | 0202-03      | Trần Thị Phúc An      |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 02  |       | 71    | 2   | 3       | 3       | HNAD502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0202-03      | Trần Thị Phúc An      |
|         |                       |     |       |       | 3   | 6       | 2       | HNAD402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0202-03      | Trần Thị Phúc An      |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 03  |       | 69    | 3   | 1       | 3       | HNAD503 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
|         |                       |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB506 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 04  |       | 71    | 2   | 4       | 2       | HNAB204 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
|         |                       |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB204 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 05  |       | 71    | 2   | 1       | 2       | HNAD402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
|         |                       |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB506 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 06  |       | 70    | 4   | 3       | 3       | HNAD402 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
|         |                       |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAD503 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 07  |       | 71    | 4   | 3       | 3       | HNAA207 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0202-03      | Trần Thị Phúc An      |
|         |                       |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0202-03      | Trần Thị Phúc An      |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 08  |       | 70    | 3   | 2       | 2       | HNAB303 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0202-03      | Trần Thị Phúc An      |
|         |                       |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA208 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0202-03      | Trần Thị Phúc An      |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 09  |       | 35    | 3   | 2       | 2       | HNAA204 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 0202)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 09 |       | 35    | 7   | 1       | 3       | HNAD101 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 14 |       | 69    | 7   | 6       | 3       | HNBG302 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 16 |       | 70    | 4   | 3       | 3       | HNBG202 | 17/03/2021 - 19/05/2021                                                       | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 17 |       | 69    | 3   | 9       | 3       | HNBG302 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 23/02/2021<br>30/03/2021 - 18/05/2021 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 18 |       | 74    | 5   | 6       | 3       | HNBG306 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 25/02/2021<br>01/04/2021 - 20/05/2021 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 19 |       | 57    | 3   | 1       | 3       | HNBG305 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>13/04/2021 - 18/05/2021 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 20 |       | 58    | 2   | 1       | 3       | HNBG401 | 25/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>12/04/2021 - 17/05/2021 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 21 |       | 71    | 7   | 6       | 3       | HNBG202 | 30/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 27/03/2021<br>01/05/2021 - 22/05/2021 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 22 |       | 69    | 3   | 9       | 3       | HNBG306 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 23/03/2021<br>27/04/2021 - 18/05/2021 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 23 |       | 70    | 7   | 9       | 3       | HNBG206 | 30/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 10/04/2021<br>15/05/2021 - 22/05/2021 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 24 |       | 68    | 4   | 6       | 3       | HNBG206 | 27/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 07/04/2021<br>12/05/2021 - 19/05/2021 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 25 |       | 71    | 4   | 9       | 3       | HNBG306 | 27/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 21/04/2021                            | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 7020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | 26 |       | 69    | 7   | 9       | 3       | HNBG306 | 30/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 24/04/2021                            | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 01 |       | 49    | 3   | 10      | 2       | HNAA206 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
|         |                           |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB202 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 02 |       | 45    | 3   | 6       | 3       | HNAB502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
|         |                           |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 03 |       | 141   | 5   | 3       | 3       | HNBG202 | 18/03/2021 - 20/05/2021                                                       | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 04 |       | 139   | 3   | 6       | 3       | HNBG302 | 26/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 23/02/2021<br>30/03/2021 - 18/05/2021 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Khoa: Lý luận chính trị

Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 0202)

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                      | 05  |       | 113   | 2   | 6       | 3       | HNBG206 | 25/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>12/04/2021 - 17/05/2021 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                      | 06  |       | 139   | 2   | 9       | 3       | HNBG306 | 25/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 22/03/2021<br>26/04/2021 - 17/05/2021 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                      | 07  |       | 138   | 7   | 3       | 3       | HNBG302 | 30/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 10/04/2021<br>15/05/2021 - 22/05/2021 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                      | 08  |       | 47    | 2   | 9       | 3       | HNBG206 | 05/04/2021 - 17/05/2021                                                       | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                      | 09  |       | 140   | 5   | 9       | 3       | HNBG306 | 28/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 22/04/2021                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 7020202 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                      | 10  |       | 69    | 4   | 9       | 3       | HNBG302 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 7020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 02  |       | 44    | 2   | 2       | 2       | HNAB405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp        |
|         |                                                |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAB404 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp        |
| 7020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 03  |       | 46    | 2   | 6       | 2       | HNAA307 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp        |
|         |                                                |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA307 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp        |
| 7020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 107 |       | 63    | 2   | 4       | 2       | HNAA204 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
|         |                                                |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
| 7020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 16  |       | 20    | 2   | 2       | 2       | HNAA306 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
|         |                                                |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAB502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
| 7020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 18  |       | 46    | 2   | 4       | 2       | HNAA206 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
|         |                                                |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà  |
| 7020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 19  |       | 22    | 3   | 2       | 2       | HNAA303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 19  |       | 22    | 4   | 8       | 2       | HNAA406 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 01  |       | 39    | 3   | 8       | 3       | HNAA206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |     |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA306 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 02  |       | 51    | 2   | 3       | 3       | HNAA304 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |     |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAA308 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 04  |       | 111   | 6   | 9       | 3       | HNBG306 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 09  |       | 22    | 2   | 6       | 3       | HNAD302 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB505 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 11  |       | 129   | 6   | 6       | 3       | HNAD201 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0201-08      | Phí Mạnh Phong       |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 13  |       | 123   | 3   | 9       | 3       | HNAD101 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0201-08      | Phí Mạnh Phong       |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 15  |       | 136   | 7   | 3       | 3       | HNAD401 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0201-08      | Phí Mạnh Phong       |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 17  |       | 134   | 7   | 9       | 3       | HNAD301 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0201-08      | Phí Mạnh Phong       |
| 7020302 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | 19  |       | 125   | 4   | 3       | 3       | HNAD401 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 7020303 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                 | 01  |       | 36    | 2   | 6       | 2       | HNAA205 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA204 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
| 7030108 | Khai thác bằng sức nước                        | 01  |       | 36    | 3   | 8       | 3       | HNAA303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0301-15      | Lê Quý Thảo          |
|         |                                                |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0301-15      | Lê Quý Thảo          |
| 7030112 | Nhập môn kỹ thuật khai thác lộ thiên           | 01  |       | 26    | 4   | 2       | 2       | HNAA203 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0301-16      | Phạm Văn Việt        |
|         |                                                |     |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAD502 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0301-16      | Phạm Văn Việt        |
| 7030113 | Ổn định bờ mô và sườn dốc                      | 01  |       | 37    | 3   | 8       | 3       | HNAB401 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0301-16      | Phạm Văn Việt        |
|         |                                                |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB205 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0301-16      | Phạm Văn Việt        |
| 7030117 | Thiết kế mô lộ thiên                           | 01  |       | 37    | 3   | 6       | 2       | HNAB206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa       |
|         |                                                |     |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAA306 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa       |
| 7030203 | Cấp thoát nước mỏ                              | 100 |       | 35    | 5   | 8       | 3       | HNAA402 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh     |
|         |                                                |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA403 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7030204 | Chống giữ mỏ hầm lò                                      | 01 |       | 36    | 2   | 6       | 2       | HNAD403 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0302-19      | Nguyễn Hồng Cường |
|         |                                                          |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD302 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0302-19      | Nguyễn Hồng Cường |
| 7030207 | Công nghệ khai thác than hầm lò                          | 01 |       | 36    | 2   | 4       | 2       | HNAA308 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn        |
|         |                                                          |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA304 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn        |
| 7030214 | Nhập môn kỹ thuật khai thác hầm lò                       | 01 |       | 26    | 2   | 3       | 3       | HNAB507 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0302-24      | Vũ Thái Tiến Dũng |
|         |                                                          |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA203 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0302-24      | Vũ Thái Tiến Dũng |
| 7030217 | Thiết kế mỏ hầm lò                                       | 01 |       | 36    | 2   | 9       | 2       | HNAA208 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng     |
|         |                                                          |    |       |       | 4   | 9       | 2       | HNAA408 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng     |
| 7030401 | An toàn và vệ sinh lao động trong xưởng tuyển khoáng     | 01 |       | 8     | 4   | 4       | 2       | HNAA305 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0304-15      | Trần Văn Đước     |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0304-15      | Trần Văn Đước     |
| 7030415 | Lấy mẫu kiểm tra và điều khiển quá trình công nghệ tuyển | 01 |       | 10    | 3   | 2       | 2       | HNAB504 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0304-08      | Vũ Thị Chinh      |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB504 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0304-08      | Vũ Thị Chinh      |
| 7030421 | Nhập môn kỹ thuật tuyển khoáng                           | 01 |       | 8     | 4   | 6       | 3       | HNBG106 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0304-07      | Phạm Văn Luận     |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG107 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0304-07      | Phạm Văn Luận     |
| 7030422 | Nhiệt động học & động học ứng dụng                       | 01 |       | 10    | 2   | 3       | 3       | HNAB504 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0304-09      | Trần Trung Tới    |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB504 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0304-09      | Trần Trung Tới    |
| 7030423 | Tái chế kim loại                                         | 01 |       | 10    | 3   | 4       | 2       | HNAB505 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0304-09      | Trần Trung Tới    |
|         |                                                          |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAB504 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0304-09      | Trần Trung Tới    |
| 7030425 | Thí nghiệm 2                                             | 01 |       | 8     | 4   | 2       | 2       | HNAA203 | 19/05/2021 - 26/05/2021                                                       | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật  |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA203 | 21/05/2021 - 28/05/2021                                                       | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Tuyển khoáng (03 0304)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7030426 | Thiết kế xưởng tuyển khoáng               | 01 |       | 8     | 4   | 2       | 2       | HNAA305 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0304-07      | Phạm Văn Luận     |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 1       | 2       | HNAB405 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0304-07      | Phạm Văn Luận     |
| 7030429 | Tiêu chuẩn phân tích vật liệu khoáng sản  | 01 |       | 9     | 5   | 2       | 2       | HNAB206 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0304-08      | Vũ Thị Chinh      |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAB201 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0304-08      | Vũ Thị Chinh      |
| 7030431 | Tuyển nổi                                 | 01 |       | 10    | 4   | 2       | 2       | HNAB505 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung  |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAB202 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung  |
| 7030501 | Cơ học kết cấu + BTL                      | 01 |       | 53    | 3   | 10      | 2       | HNAD303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 8       | 3       | HNAB506 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
| 7030503 | Sức bền vật liệu + BTL                    | 01 |       | 63    | 3   | 6       | 2       | HNAA207 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA207 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
| 7030504 | Sức bền vật liệu + BTL                    | MT |       | 21    | 2   | 11      | 3       | HNBG107 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0305-10      | Trần Mạnh Tiến    |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 11      | 2       | HNBG107 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0305-10      | Trần Mạnh Tiến    |
| 7030506 | Sức bền vật liệu 1                        | 01 |       | 19    | 2   | 6       | 3       | HNBG201 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0305-10      | Trần Mạnh Tiến    |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG201 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0305-10      | Trần Mạnh Tiến    |
| 7040104 | Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất | 01 |       | 21    | 3   | 8       | 2       | HNAB503 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành    |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB503 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành    |
| 7040105 | Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất    | 01 |       | 44    | 6   | 2       | 2       | HNAA308 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0401-26      | Bùi Vinh Hậu      |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAB502 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0401-26      | Bùi Vinh Hậu      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất (04 0401)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                   | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7040106 | Địa chất cơ sở                                                | 02  |       | 35    | 7   | 6          | 3       | HNBG107 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0401-24      | Phan Văn Bình       |
| 7040107 | Địa chất đại cương                                            | 100 |       | 32    | 5   | 6          | 2       | HNAB401 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng    |
|         |                                                               |     |       |       | 7   | 6          | 2       | HNAB401 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng    |
| 7040121 | Nhập môn Ngành Địa chất học                                   | 01  |       | 10    | 3   | 6          | 2       | HNBG205 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0401-06      | Trần Thanh Hải      |
|         |                                                               |     |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG201 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0401-06      | Trần Thanh Hải      |
| 7040201 | Các phương pháp điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản + TH | 01  |       | 9     | 3   | 4          | 2       | HNAA305 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0407-08      | Phạm Thị Thanh Hiền |
|         |                                                               |     |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAA404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0407-08      | Phạm Thị Thanh Hiền |
| 7040210 | Địa chất mỏ                                                   | 01  |       | 13    | 2   | 1          | 2       | HNAD101 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh      |
|         |                                                               |     |       |       | 4   | 1          | 3       | HNAA203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh      |
| 7040213 | GIS và viễn thám                                              | 01  |       | 21    | 2   | 4          | 2       | HNAA307 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh      |
|         |                                                               |     |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAB502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh      |
| 7040216 | Khoáng sản Việt Nam                                           | BS  |       | 8     | 4   | 6          | 4       | HNAA404 | 21/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 0404-05      | Lê Thị Thu          |
|         |                                                               |     |       |       | 7   | 6          | 4       | HNAB303 | 24/04/2021 - 29/05/2021                                                       | 0404-05      | Lê Thị Thu          |
| 7040217 | Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng                            | BS  |       | 8     | 5   | 2          | 2       | HNAA405 | 22/04/2021 - 27/05/2021                                                       | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa      |
|         |                                                               |     |       |       | 7   | 3          | 3       | HNAB206 | 24/04/2021 - 29/05/2021                                                       | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa      |
| 7040303 | Khoáng vật học + TH                                           | 01  |       | 30    | 3   | 10         | 2       | HNAB202 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0403-17      | Lê Thị Ngọc Tú      |
|         |                                                               |     |       |       | 6   | 10         | 2       | HNAB203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0403-17      | Lê Thị Ngọc Tú      |
| 7040502 | Các thiết bị khảo sát trong địa chất công trình               | 01  |       | 10    | 5   | 4          | 2       | HNAB507 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng     |
|         |                                                               |     |       |       | 7   | 3          | 3       | HNAA405 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng     |
| 7040503 | Cơ học đá                                                     | 01  |       | 11    | 3   | 4          | 2       | HNAA304 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0405-10      | Bùi Trường Sơn      |
|         |                                                               |     |       |       | 6   | 3          | 3       | HNAB505 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0405-10      | Bùi Trường Sơn      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7040508 | Đánh giá tác động môi trường địa chất trong xây dựng | 01 |       | 10    | 5   | 6       | 2       | HNAB203 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga  |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB206 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga  |
| 7040509 | Đất xây dựng + TH                                    | 01 |       | 21    | 2   | 8       | 2       | HNAB503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ      |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ      |
| 7040511 | Địa chất công trình                                  | 01 |       | 33    | 2   | 9       | 2       | HNAD302 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng    |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB505 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng    |
| 7040522 | Kỹ thuật gia cố cải tạo đất đá                       | 01 |       | 10    | 2   | 6       | 2       | HNAA305 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ      |
|         |                                                      |    |       |       | 3   | 6       | 3       | HNAD304 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ      |
| 7040524 | Nền và móng                                          | 01 |       | 12    | 3   | 4       | 2       | HNAA304 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB505 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương |
| 7040531 | Tin học ứng dụng trong địa chất công trình           | 01 |       | 11    | 5   | 4       | 2       | HNAB507 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng    |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAB502 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng    |
| 7040532 | Vật liệu xây dựng +TN                                | 01 |       | 10    | 5   | 2       | 2       | HNAB405 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng    |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 2       | HNAA405 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng    |
| 7040607 | Địa chất thủy văn đại cương +TN                      | 01 |       | 19    | 2   | 10      | 2       | HNAB503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0406-15      | Đào Đức Bằng       |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0406-15      | Đào Đức Bằng       |
| 7040615 | Thoát nước công trình ngầm và mô                     | BS |       | 8     | 2   | 6       | 4       | HNBG406 | 19/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 0406-11      | Trần Vũ Long       |
|         |                                                      |    |       |       | 3   | 6       | 4       | HNAB504 | 20/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 0406-11      | Trần Vũ Long       |
| 7040620 | Vận động của nước dưới đất                           | 01 |       | 20    | 3   | 2       | 2       | HNAA305 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7040620 | Vận động của nước dưới đất                   | 01  |       | 20    | 6   | 1       | 2       | HNAB505 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo   |
| 7050103 | Công nghệ đo đạc điện tử và quét 3D          | 01  |       | 22    | 4   | 1       | 2       | HNAA404 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0501-10      | Lê Đức Tình        |
|         |                                              |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0501-10      | Lê Đức Tình        |
| 7050103 | Công nghệ đo đạc điện tử và quét 3D          | 02  |       | 25    | 3   | 10      | 2       | HNAA405 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0501-12      | Phạm Trung Dũng    |
|         |                                              |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0501-12      | Phạm Trung Dũng    |
| 7050122 | Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động | 01  |       | 21    | 2   | 1       | 2       | HNAB205 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0501-15      | Trần Thùy Linh     |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAB303 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0501-15      | Trần Thùy Linh     |
| 7050202 | Định vị vệ tinh (GPS) - B                    | 101 |       | 23    | 2   | 6       | 2       | HNAD304 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0502-11      | Lê Thị Thanh Tâm   |
|         |                                              |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD304 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0502-11      | Lê Thị Thanh Tâm   |
| 7050301 | Cơ sở đo ảnh và viễn thám                    | 02  |       | 29    | 2   | 3       | 3       | HNAA305 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0503-17      | Lê Thanh Nghị      |
|         |                                              |     |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAA203 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0503-17      | Lê Thanh Nghị      |
| 7050303 | Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)              | 100 |       | 27    | 5   | 2       | 2       | HNAB502 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAB505 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
| 7050303 | Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)              | 102 |       | 46    | 2   | 4       | 2       | HNAA407 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
|         |                                              |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA406 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
| 7050351 | Nhập môn Địa tin học                         | 01  |       | 18    | 3   | 9       | 3       | HNBG107 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0503-05      | Trần Trung Anh     |
|         |                                              |     |       |       | 6   | 7       | 2       | HNBG106 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0503-05      | Trần Trung Anh     |
| 7050404 | Lý thuyết sai số + BTL                       | 01  |       | 38    | 4   | 4       | 2       | HNAB404 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0504-10      | Lưu Anh Tuấn       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa phổ thông (05 0504)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                    | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|----------------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7050404 | Lý thuyết sai số + BTL                                         | 01  |       | 38    | 6   | 4       | 2       | HNAA203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0504-10      | Lưu Anh Tuấn         |
| 7050411 | Trắc địa cơ sở 1 + BTL                                         | 01  |       | 35    | 2   | 6       | 3       | HNBG106 | 05/04/2021 - 17/05/2021                                                       | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy       |
|         |                                                                |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG107 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy       |
| 7050412 | Trắc địa cơ sở 2 +BTL                                          | 01  |       | 29    | 3   | 6       | 2       | HNAD403 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0504-08      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                                |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB201 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0504-08      | Nguyễn Thị Thu Hương |
| 7050421 | Cơ sở xử lý số liệu đo đạc + BTL                               | 01  |       | 5     | 6   | 2       | 4       | HNAB203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh    |
| 7050502 | Các phương pháp TD - BD trong quan trắc TN&MT                  | 100 |       | 40    | 5   | 6       | 2       | HNAA304 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0505-30      | Cao Xuân Cường       |
|         |                                                                |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA304 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0505-30      | Cao Xuân Cường       |
| 7050504 | Cơ sở trắc địa mở                                              | 01  |       | 26    | 4   | 2       | 2       | HNAB507 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0505-11      | Lê Văn Cảnh          |
|         |                                                                |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0505-11      | Lê Văn Cảnh          |
| 7050508 | Đánh giá tai biến môi trường bằng phương pháp viễn thám và GIS | 100 |       | 18    | 5   | 8       | 2       | HNAA303 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0505-30      | Cao Xuân Cường       |
|         |                                                                |     |       |       | 7   | 9       | 2       | HNAA203 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0505-30      | Cao Xuân Cường       |
| 7050525 | Trắc địa đại cương +TH                                         | 01  |       | 22    | 3   | 6       | 2       | HNAB503 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0505-08      | Võ Ngọc Dũng         |
|         |                                                                |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB503 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0505-08      | Võ Ngọc Dũng         |
| 7050526 | Trắc địa đại cương và trắc địa mở                              | 01  |       | 29    | 2   | 1       | 2       | HNAD101 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0505-08      | Võ Ngọc Dũng         |
|         |                                                                |     |       |       | 3   | 1       | 3       | HNAA203 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0505-08      | Võ Ngọc Dũng         |
| 7050602 | Biên tập bản đồ số                                             | 01  |       | 24    | 2   | 8       | 2       | HNAD304 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0506         | Địa chính            |
|         |                                                                |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNAD304 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0506         | Địa chính            |
| 7050606 | Đăng ký thống kê đất                                           | 01  |       | 57    | 2   | 4       | 2       | HNAA402 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0506-05      | Trần Đình Thành      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-----------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7050606 | Đăng ký thống kê đất              | 01 |       | 57    | 4   | 3       | 3       | HNAA306 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0506-05      | Trần Đình Thành    |
| 7050607 | Đánh giá đất                      | 01 |       | 39    | 4   | 3       | 3       | HNAB504 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA305 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
| 7050610 | Định giá bất động sản + BTL       | 01 |       | 42    | 2   | 2       | 2       | HNAA307 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga |
|         |                                   |    |       |       | 4   | 1       | 2       | HNAA303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga |
| 7050616 | Hệ thống chính sách đất đai       | 01 |       | 24    | 2   | 6       | 2       | HNAD303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung    |
|         |                                   |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD304 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung    |
| 7050624 | Kỹ thuật lập trình trong trắc địa | 01 |       | 28    | 2   | 4       | 2       | HNAA404 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA307 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
| 7050624 | Kỹ thuật lập trình trong trắc địa | 02 |       | 28    | 2   | 10      | 2       | HNAA405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0506-14      | Phùng Minh Sơn     |
|         |                                   |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA305 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0506-14      | Phùng Minh Sơn     |
| 7050626 | Phương pháp lập dự án đầu tư      | 01 |       | 29    | 3   | 6       | 3       | HNAD304 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0506-05      | Trần Đình Thành    |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD304 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0506-05      | Trần Đình Thành    |
| 7050629 | Quản lý tài chính đất đai         | 01 |       | 30    | 2   | 10      | 2       | HNAD304 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAD304 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga |
| 7050637 | Thị trường bất động sản           | 01 |       | 30    | 3   | 9       | 3       | HNAD304 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0506-09      | Phạm Thị Kim Thoa  |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAD304 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0506-09      | Phạm Thị Kim Thoa  |
| 7050642 | Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính  | 01 |       | 50    | 2   | 4       | 2       | HNAA303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0506-05      | Trần Đình Thành    |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA305 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0506-05      | Trần Đình Thành    |
| 7050708 | Cơ sở dữ liệu GIS                 | 01 |       | 22    | 3   | 2       | 2       | HNAB507 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0507-11      | Phạm Văn Hiệp      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Bản đồ (05 0507)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 7050708 | Cơ sở dữ liệu GIS                                          | 01 |       | 22    | 5   | 4       | 2       | HNAA203 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0507-11      | Phạm Văn Hiệp    |
| 7050718 | Thiết kế thành lập bản đồ và cơ sở dữ liệu địa lý          | 01 |       | 24    | 3   | 4       | 2       | HNAA306 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0507-11      | Phạm Văn Hiệp    |
|         |                                                            |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAA307 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0507-11      | Phạm Văn Hiệp    |
| 7050718 | Thiết kế thành lập bản đồ và cơ sở dữ liệu địa lý          | 02 |       | 25    | 3   | 8       | 2       | HNAA407 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi   |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAA405 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi   |
| 7050726 | Ứng dụng viễn thám và GIS trong thành lập bản đồ chuyên đề | 01 |       | 20    | 2   | 2       | 2       | HNAA404 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0507-07      | Dương Anh Quân   |
|         |                                                            |    |       |       | 3   | 2       | 2       | HNAA304 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0507-07      | Dương Anh Quân   |
| 7051001 | Nhập môn kỹ thuật TD - BD                                  | 01 |       | 26    | 3   | 9       | 3       | HNBG106 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 2       | HNBG106 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
| 7060001 | Nhập môn Ngành kỹ thuật dầu khí                            | 01 |       | 19    | 5   | 3       | 3       | HNAA304 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0604-19      | Nguyễn Tiến Hùng |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA306 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0604-19      | Nguyễn Tiến Hùng |
| 7060109 | Địa vật lý giếng khoan dầu khí                             | 03 |       | 33    | 2   | 7       | 2       | HNAD301 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0601-14      | Vũ Hồng Dương    |
|         |                                                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0601-14      | Vũ Hồng Dương    |
| 7060113 | Thăm dò địa chấn                                           | 01 |       | 16    | 3   | 6       | 2       | HNAB205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0601-09      | Phan Thiên Hương |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB202 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0601-09      | Phan Thiên Hương |
| 7060206 | Địa chất dầu khí đại cương                                 | 01 |       | 23    | 3   | 6       | 2       | HNAB203 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0602-08      | Lê Ngọc ánh      |
|         |                                                            |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0602-08      | Lê Ngọc ánh      |
| 7060210 | Địa chất khai thác dầu khí + TH                            | 01 |       | 22    | 2   | 6       | 2       | HNAB203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0602-12      | Bùi Thị Ngân     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Địa chất dầu (06 0602)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7060210 | Địa chất khai thác dầu khí + TH                 | 01  |       | 22    | 6   | 4       | 2       | HNAA308 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0602-12      | Bùi Thị Ngân         |
| 7060213 | Địa hoá dầu khí                                 | 100 |       | 16    | 5   | 8       | 2       | HNAB501 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAB401 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
| 7060219 | Quản lý phát triển mỏ dầu khí                   | 01  |       | 23    | 6   | 6       | 3       | HNAB203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAB502 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
| 7060223 | Tin học ứng dụng địa chất dầu khí               | 100 |       | 16    | 6   | 2       | 2       | HNAB202 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0602-13      | Nguyễn Minh Hòa      |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAB201 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0602-13      | Nguyễn Minh Hòa      |
| 7060224 | Trầm tích, tướng đá, cổ địa lý + TH             | 100 |       | 15    | 5   | 6       | 2       | HNAB503 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0602-10      | Nguyễn Duy Mười      |
|         |                                                 |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAB503 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0602-10      | Nguyễn Duy Mười      |
| 7060302 | An toàn và Kỹ thuật môi trường trong CN Hóa học | 01  |       | 30    | 2   | 8       | 2       | HNAB504 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
|         |                                                 |     |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAB504 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
| 7060306 | Các quá trình thủy lực                          | 01  |       | 43    | 2   | 10      | 3       | HNAD402 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0603-13      | Vũ Văn Toàn          |
|         |                                                 |     |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA306 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0603-13      | Vũ Văn Toàn          |
| 7060307 | Cơ khí và Thiết bị trong CN Hóa học             | 01  |       | 21    | 3   | 6       | 2       | HNAB202 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
|         |                                                 |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA409 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
| 7060311 | Công nghệ lọc dầu                               | 01  |       | 24    | 3   | 2       | 2       | HNAA409 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải        |
|         |                                                 |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB501 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải        |
| 7060312 | Công nghệ sinh học đại cương                    | 01  |       | 25    | 2   | 8       | 2       | HNAA204 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
|         |                                                 |     |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAA204 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|--------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7060318 | Hóa học các hợp chất polyme                      | 01  |       | 24    | 2   | 2       | 2       | HNAB503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0000-03      | Nguyễn Thiên Vương   |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAB503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0000-03      | Nguyễn Thiên Vương   |
| 7060319 | Hóa học các hợp chất tự nhiên                    | 01  |       | 23    | 2   | 10      | 2       | HNAB504 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                                  |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD101 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
| 7060322 | Hóa học và sản phẩm dầu mỏ                       | 01  |       | 22    | 3   | 4       | 2       | HNAB201 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB202 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
| 7060324 | Hóa Hữu cơ 2                                     | 01  |       | 24    | 3   | 6       | 2       | HNAB504 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                                  |     |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAD101 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
| 7060326 | Kỹ thuật đo và điều khiển trong Kỹ thuật Hóa học | 01  |       | 24    | 2   | 4       | 2       | HNAB505 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên      |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA409 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên      |
| 7060331 | Nhiên liệu sạch                                  | 01  |       | 32    | 3   | 9       | 2       | HNAA303 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
|         |                                                  |     |       |       | 5   | 8       | 3       | HNAB203 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
| 7060332 | Nhiệt động học kỹ thuật hóa học (Phần 1)         | 01  |       | 28    | 2   | 6       | 2       | HNAB503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0603-11      | Công Ngọc Thắng      |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB504 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0603-11      | Công Ngọc Thắng      |
| 7060335 | Quy hoạch thực nghiệm                            | 100 |       | 21    | 3   | 8       | 2       | HNAB206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0603-07      | Phạm Trung Kiên      |
|         |                                                  |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB404 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0603-07      | Phạm Trung Kiên      |
| 7060412 | Dung dịch khoan và vữa trám                      | 03  |       | 32    | 2   | 9       | 2       | HNAB505 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0604-17      | Trương Văn Từ        |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNAA407 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0604-17      | Trương Văn Từ        |
| 7060417 | Khoan khảo sát công trình và giếng kỹ thuật      | 01  |       | 32    | 6   | 2       | 2       | HNAA308 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Khoan khai thác dầu khí (06 0604)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|----------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7060417 | Khoan khảo sát công trình và giếng kỹ thuật  | 01  |       | 32    | 7   | 1       | 3       | HNAB203 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn  |
| 7060418 | Khoan thăm dò - khảo sát                     | 01  |       | 48    | 2   | 4       | 2       | HNAA304 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0604-16      | Nguyễn Khắc Long  |
|         |                                              |     |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAA303 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0604-16      | Nguyễn Khắc Long  |
| 7060423 | Kỹ thuật dầu khí đại cương                   | 01  |       | 30    | 3   | 2       | 2       | HNAA403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0604-09      | Doãn Thị Trâm     |
|         |                                              |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAA403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0604-09      | Doãn Thị Trâm     |
| 7060502 | Cơ sở Thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan     | 102 |       | 18    | 5   | 9       | 2       | HNAD302 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng    |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAB203 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng    |
| 7060508 | Kỹ thuật an toàn trên các công trình dầu khí | 01  |       | 18    | 5   | 6       | 3       | HNAB202 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0605-08      | Nguyễn Thanh Tuấn |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAB202 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0605-08      | Nguyễn Thanh Tuấn |
| 7060511 | Nhiệt động học trong kỹ thuật dầu khí        | 03  |       | 33    | 2   | 6       | 2       | HNAD302 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh  |
|         |                                              |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB504 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh  |
| 7060515 | Thiết bị khai thác dầu khí 1                 | 02  |       | 18    | 3   | 10      | 2       | HNAB205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0605-03      | Lê Đức Vinh       |
|         |                                              |     |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA204 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0605-03      | Lê Đức Vinh       |
| 7060516 | Thiết bị khoan Dầu khí 1                     | 02  |       | 18    | 3   | 8       | 2       | HNAB202 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0605-08      | Nguyễn Thanh Tuấn |
|         |                                              |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB202 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0605-08      | Nguyễn Thanh Tuấn |
| 7070101 | Kinh doanh quốc tế                           | 01  |       | 46    | 7   | 1       | 2       | HNAD502 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo |
|         |                                              |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAD502 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo |
| 7070107 | Luật Kinh tế                                 | 01  |       | 58    | 3   | 6       | 2       | HNAB507 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0701-05      | Phí Mạnh Cường    |
|         |                                              |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB507 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0701-05      | Phí Mạnh Cường    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|--------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 02 |       | 59    | 2   | 3       | 3       | HNAB404 | 05/04/2021 - 10/05/2021                            | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
|         |                    |    |       |       | 3   | 6       | 2       | HNAB404 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 03 |       | 50    | 2   | 8       | 2       | HNAB405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
|         |                    |    |       |       | 4   | 7       | 3       | HNAA204 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 04 |       | 38    | 4   | 10      | 2       | HNAB404 | 07/04/2021 - 12/05/2021                            | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
|         |                    |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB401 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 05 |       | 39    | 2   | 10      | 2       | HNAB501 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
|         |                    |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB401 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 06 |       | 57    | 3   | 8       | 2       | HNAB303 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAD403 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0701-05      | Phí Mạnh Cường      |
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 07 |       | 71    | 3   | 6       | 2       | HNAD502 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB303 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh |
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 08 |       | 58    | 3   | 6       | 2       | HNAB506 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0701-07      | Phạm Thu Trang      |
|         |                    |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAD402 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0701-07      | Phạm Thu Trang      |
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 09 |       | 58    | 3   | 9       | 3       | HNAB207 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0701-07      | Phạm Thu Trang      |
|         |                    |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD403 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0701-07      | Phạm Thu Trang      |
| 7070107 | Luật Kinh tế       | 10 |       | 62    | 3   | 3       | 3       | HNAB401 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 0701-07      | Phạm Thu Trang      |
|         |                    |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB401 | 09/04/2021 - 14/05/2021                            | 0701-07      | Phạm Thu Trang      |
| 7070109 | Nguyên lý thống kê | 01 |       | 62    | 3   | 9       | 3       | HNAD403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo   |
|         |                    |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAA207 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo   |
| 7070109 | Nguyên lý thống kê | 02 |       | 70    | 3   | 6       | 2       | HNAB506 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo   |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAD502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo   |
| 7070109 | Nguyên lý thống kê | 03 |       | 70    | 3   | 6       | 2       | HNAA208 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021 | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh |
|         |                    |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAD402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021 | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh |
| 7070109 | Nguyên lý thống kê | 04 |       | 71    | 2   | 6       | 2       | HNAA208 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021 | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh |
|         |                    |    |       |       | 3   | 3       | 3       | HNAA208 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021 | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH      | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|--------------------------------|---------|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7070109 | Nguyên lý thống kê             | 05      |       | 47    | 3   | 8       | 3       | HNAB401 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh  |
|         |                                |         |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB401 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh  |
| 7070109 | Nguyên lý thống kê             | MT      |       | 40    | 5   | 1       | 2       | HNAA303 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh  |
|         |                                |         |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAA304 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0701-09      | Nguyễn Thị Ngọc Anh  |
| 7070111 | Thống kê kinh tế doanh nghiệp  | 01      |       | 57    | 2   | 8       | 2       | HNAB507 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                |         |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAB507 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 7070111 | Thống kê kinh tế doanh nghiệp  | 02      |       | 61    | 2   | 6       | 2       | HNAB404 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                                |         |       |       | 3   | 8       | 2       | HNAB404 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 7070111 | Thống kê kinh tế doanh nghiệp  | 03      |       | 54    | 3   | 8       | 2       | HNAB405 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
|         |                                |         |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
| 7070111 | Thống kê kinh tế doanh nghiệp  | 04      |       | 46    | 2   | 10      | 2       | HNAB405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                |         |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAB405 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
| 7070111 | Thống kê kinh tế doanh nghiệp  | 05      |       | 51    | 2   | 6       | 2       | HNAB501 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                |         |       |       | 3   | 8       | 2       | HNAB501 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 7070115 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | MT      |       | 56    | 5   | 4       | 2       | HNAA308 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
|         |                                |         |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA308 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
| 7070115 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | MT<br>2 |       | 42    | 3   | 4       | 2       | HNAA406 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH      | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------------|---------|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7070115 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | MT<br>2 |       | 42    | 4   | 4       | 2       | HNAA405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0701-04      | Trần Anh Dũng      |
| 7070207 | Marketing căn bản              | 01      |       | 58    | 2   | 6       | 2       | HNAA304 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà      |
|         |                                |         |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB507 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà      |
| 7070207 | Marketing căn bản              | 02      |       | 53    | 4   | 10      | 2       | HNAB401 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà      |
|         |                                |         |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA306 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà      |
| 7070207 | Marketing căn bản              | 03      |       | 59    | 3   | 4       | 2       | HNAA204 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà      |
|         |                                |         |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA204 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà      |
| 7070207 | Marketing căn bản              | 04      |       | 44    | 2   | 8       | 2       | HNAB401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương   |
|         |                                |         |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB401 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương   |
| 7070207 | Marketing căn bản              | 05      |       | 45    | 4   | 6       | 2       | HNAB501 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-09      | Phan Thị Thùy Linh |
|         |                                |         |       |       | 6   | 7       | 2       | HNAB405 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-09      | Phan Thị Thùy Linh |
| 7070207 | Marketing căn bản              | 06      |       | 52    | 2   | 8       | 2       | HNAD503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà      |
|         |                                |         |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAD502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà      |
| 7070207 | Marketing căn bản              | 07      |       | 70    | 2   | 8       | 2       | HNAD502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-09      | Phan Thị Thùy Linh |
|         |                                |         |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-09      | Phan Thị Thùy Linh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học               | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7070207 | Marketing căn bản         | 08  |       | 65    | 2   | 8       | 2       | HNAB506 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thường |
|         |                           |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB506 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thường |
| 7070207 | Marketing căn bản         | 09  |       | 60    | 2   | 4       | 2       | HNAD401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thường |
|         |                           |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB207 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thường |
| 7070207 | Marketing căn bản         | 10  |       | 45    | 2   | 2       | 2       | HNAB401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương  |
|         |                           |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAB401 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương  |
| 7070209 | Quản lý dự án công nghiệp | 150 |       | 53    | 5   | 1       | 2       | HNAA206 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0702-05      | Đông Thị Bích     |
|         |                           |     |       |       | 7   | 1       | 2       | HNAA306 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0702-05      | Đông Thị Bích     |
| 7070214 | Quản trị học              | 01  |       | 60    | 3   | 8       | 2       | HNAB507 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống     |
|         |                           |     |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAB507 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống     |
| 7070214 | Quản trị học              | 02  |       | 56    | 2   | 8       | 2       | HNAB404 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống     |
|         |                           |     |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAB404 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống     |
| 7070214 | Quản trị học              | 03  |       | 51    | 2   | 6       | 2       | HNAB405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống     |
|         |                           |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống     |
| 7070214 | Quản trị học              | 04  |       | 39    | 3   | 8       | 2       | HNAA304 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-15      | Lê Văn Chiến      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                         | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|-------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 7070214 | Quản trị học                        | 04  |       | 39    | 6   | 7       | 2       | HNAA405 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-15      | Lê Văn Chiến          |
| 7070214 | Quản trị học                        | 05  |       | 47    | 3   | 6       | 2       | HNAB501 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-10      | Nguyễn Đức Thắng      |
|         |                                     |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB501 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-10      | Nguyễn Đức Thắng      |
| 7070214 | Quản trị học                        | 06  |       | 70    | 2   | 2       | 2       | HNAD403 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-12      | Lê Đình Chiêu         |
|         |                                     |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-12      | Lê Đình Chiêu         |
| 7070214 | Quản trị học                        | 07  |       | 67    | 2   | 10      | 2       | HNAD502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-10      | Nguyễn Đức Thắng      |
|         |                                     |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAD502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-10      | Nguyễn Đức Thắng      |
| 7070214 | Quản trị học                        | 08  |       | 69    | 4   | 6       | 2       | HNAB303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo |
|         |                                     |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA208 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo |
| 7070214 | Quản trị học                        | 09  |       | 58    | 2   | 2       | 2       | HNAB204 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo |
|         |                                     |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA208 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo |
| 7070214 | Quản trị học                        | 10  |       | 44    | 4   | 6       | 2       | HNAB401 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-15      | Lê Văn Chiến          |
|         |                                     |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB401 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-15      | Lê Văn Chiến          |
| 7070220 | Quản trị tri thức                   | 100 |       | 46    | 5   | 6       | 2       | HNAB303 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga   |
|         |                                     |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB303 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga   |
| 7070226 | Quản trị thương mại điện tử căn bản | 01  |       | 38    | 3   | 6       | 2       | HNAA205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-13      | Phạm Kiên Trung       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7070226 | Quản trị thương mại điện tử căn bản            | 01 |       | 38    | 6   | 4       | 2       | HNAB404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-13      | Phạm Kiên Trung     |
| 7070226 | Quản trị thương mại điện tử căn bản            | 02 |       | 46    | 3   | 10      | 2       | HNAB501 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-13      | Phạm Kiên Trung     |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB501 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-13      | Phạm Kiên Trung     |
| 7070227 | Quản trị Marketing điện tử                     | 01 |       | 48    | 2   | 10      | 2       | HNAB201 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 7070227 | Quản trị Marketing điện tử                     | 02 |       | 51    | 4   | 6       | 2       | HNAB206 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA403 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 7070228 | Chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử | 01 |       | 38    | 3   | 8       | 2       | HNAB201 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-12      | Lê Đình Chiều       |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA206 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-12      | Lê Đình Chiều       |
| 7070228 | Chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử | 02 |       | 60    | 3   | 8       | 2       | HNAA404 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-10      | Nguyễn Đức Thắng    |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA403 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-10      | Nguyễn Đức Thắng    |
| 7070229 | Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử         | 01 |       | 47    | 3   | 6       | 2       | HNAB201 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
| 7070229 | Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử         | 02 |       | 51    | 2   | 9       | 2       | HNAB206 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB206 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                               | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 7070230 | Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT                        | 01  |       | 47    | 2   | 6       | 2       | HNAB205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương |
|         |                                                           |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB201 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương |
| 7070230 | Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT                        | 02  |       | 49    | 3   | 6       | 2       | HNAA404 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương |
|         |                                                           |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA403 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương |
| 7070303 | Định mức kinh tế - kỹ thuật                               | 01  |       | 46    | 2   | 10      | 2       | HNAB501 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0703-03      | Phan Thị Thái    |
|         |                                                           |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA303 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0703-03      | Phan Thị Thái    |
| 7070303 | Định mức kinh tế - kỹ thuật                               | 02  |       | 36    | 4   | 9       | 3       | HNAA304 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0703-03      | Phan Thị Thái    |
|         |                                                           |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0703-03      | Phan Thị Thái    |
| 7070310 | Kinh tế công nghiệp                                       | 01  |       | 61    | 4   | 8       | 2       | HNAA402 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn   |
|         |                                                           |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA409 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn   |
| 7070310 | Kinh tế công nghiệp                                       | 02  |       | 58    | 4   | 6       | 2       | HNAB404 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn   |
|         |                                                           |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA206 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn   |
| 7070310 | Kinh tế công nghiệp                                       | 03  |       | 53    | 3   | 6       | 2       | HNAB405 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn   |
|         |                                                           |     |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn   |
| 7070313 | Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản | 100 |       | 61    | 5   | 6       | 2       | HNAA308 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0703-07      | Lê Minh Thống    |
|         |                                                           |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB205 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0703-07      | Lê Minh Thống    |
| 7070315 | Kinh tế và quản trị doanh nghiệp                          | 05  |       | 27    | 3   | 4       | 2       | HNAA403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|----------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 7070315 | Kinh tế và quản trị doanh nghiệp | 05 |       | 27    | 4   | 4       | 2       | HNAA403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn        |
| 7070315 | Kinh tế và quản trị doanh nghiệp | 06 |       | 27    | 3   | 4       | 2       | HNAB507 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thương     |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA306 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thương     |
| 7070319 | Quản trị chiến lược              | 01 |       | 51    | 2   | 4       | 2       | HNAA403 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân   |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân   |
| 7070319 | Quản trị chiến lược              | 02 |       | 54    | 3   | 10      | 2       | HNAA304 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân   |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA406 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân   |
| 7070325 | Quản trị nhân lực                | 01 |       | 45    | 2   | 8       | 2       | HNAA405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái         |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái         |
| 7070325 | Quản trị nhân lực                | 02 |       | 53    | 3   | 8       | 2       | HNAB505 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái         |
|         |                                  |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái         |
| 7070328 | Quản trị sản xuất                | 01 |       | 54    | 2   | 6       | 2       | HNAA405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB501 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo |
| 7070328 | Quản trị sản xuất                | 02 |       | 45    | 3   | 6       | 2       | HNAB505 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo |
|         |                                  |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA403 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo |
| 7070335 | Văn hóa doanh nghiệp             | 01 |       | 65    | 5   | 3       | 3       | HNAA205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|----------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 7070335 | Văn hóa doanh nghiệp | 01  |       | 65    | 7   | 4       | 2       | HNAA205 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân    |
| 7070407 | Kế toán bảo hiểm     | 100 |       | 60    | 5   | 8       | 3       | HNAA408 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                      |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA308 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 7070407 | Kế toán bảo hiểm     | 101 |       | 46    | 5   | 6       | 2       | HNAA406 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                      |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA406 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 7070415 | Kế toán quản trị     | 01  |       | 64    | 3   | 4       | 2       | HNAA407 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
|         |                      |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA407 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
| 7070415 | Kế toán quản trị     | 02  |       | 54    | 2   | 8       | 2       | HNAA308 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
|         |                      |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA308 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
| 7070415 | Kế toán quản trị     | 03  |       | 62    | 2   | 6       | 2       | HNAA408 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
|         |                      |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA409 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
| 7070415 | Kế toán quản trị     | 04  |       | 60    | 3   | 6       | 2       | HNAA407 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
|         |                      |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA407 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
| 7070415 | Kế toán quản trị     | 05  |       | 42    | 2   | 6       | 2       | HNAA409 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
|         |                      |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB201 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
| 7070415 | Kế toán quản trị     | 06  |       | 49    | 3   | 6       | 2       | HNAA406 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
|         |                      |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA406 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7070418 | Kế toán tài chính 2 | 01  |       | 62    | 3   | 2       | 2       | HNAA407 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                     |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA407 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 7070418 | Kế toán tài chính 2 | 02  |       | 45    | 2   | 6       | 2       | HNAA407 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                     |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA408 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 7070418 | Kế toán tài chính 2 | 03  |       | 35    | 2   | 8       | 2       | HNAA306 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                     |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA306 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 7070418 | Kế toán tài chính 2 | 04  |       | 49    | 3   | 8       | 2       | HNAA305 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                     |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA305 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 7070418 | Kế toán tài chính 2 | 05  |       | 68    | 2   | 8       | 2       | HNAA407 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
|         |                     |     |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAA403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
| 7070418 | Kế toán tài chính 2 | 06  |       | 63    | 2   | 10      | 2       | HNAA406 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
|         |                     |     |       |       | 3   | 8       | 2       | HNAA306 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
| 7070420 | Kế toán thuế        | 100 |       | 28    | 5   | 8       | 2       | HNAA407 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
|         |                     |     |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAA306 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
| 7070420 | Kế toán thuế        | 101 |       | 37    | 5   | 6       | 2       | HNAA407 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
|         |                     |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA407 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
| 7070420 | Kế toán thuế        | 102 |       | 61    | 5   | 6       | 2       | HNAB205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0704-19      | Phan Minh Quang     |
|         |                     |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB205 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0704-19      | Phan Minh Quang     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|----------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 7070421 | Kế toán thương mại dịch vụ | 01  |       | 61    | 2   | 2       | 2       | HNAA407 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                            |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAA407 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 7070421 | Kế toán thương mại dịch vụ | 02  |       | 42    | 3   | 8       | 2       | HNAA308 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                            |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA308 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 7070421 | Kế toán thương mại dịch vụ | 03  |       | 45    | 3   | 6       | 2       | HNAA308 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                            |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 7070421 | Kế toán thương mại dịch vụ | 04  |       | 63    | 2   | 8       | 2       | HNAA303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                            |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB505 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
| 7070421 | Kế toán thương mại dịch vụ | 05  |       | 65    | 2   | 10      | 2       | HNAA403 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                            |     |       |       | 3   | 6       | 2       | HNAA403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 7070421 | Kế toán thương mại dịch vụ | 06  |       | 65    | 2   | 8       | 2       | HNAA406 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                            |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 7070422 | Kế toán xây dựng cơ bản    | 100 |       | 30    | 5   | 3       | 3       | HNAA404 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                            |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA404 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 7070423 | Kiểm toán căn bản          | 01  |       | 68    | 2   | 4       | 2       | HNAA406 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                            |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA407 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học        | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|--------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 7070423 | Kiểm toán căn bản  | 02  |       | 50    | 3   | 6       | 2       | HNAA305 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                    |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA308 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
| 7070423 | Kiểm toán căn bản  | 03  |       | 41    | 3   | 8       | 2       | HNAA204 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                    |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB504 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
| 7070423 | Kiểm toán căn bản  | 04  |       | 61    | 2   | 6       | 2       | HNAA406 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                    |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA407 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
| 7070423 | Kiểm toán căn bản  | 05  |       | 60    | 3   | 8       | 2       | HNAA403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                    |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 7070423 | Kiểm toán căn bản  | 06  |       | 62    | 2   | 6       | 2       | HNAB201 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                    |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 7070425 | Lý thuyết bảo hiểm | 100 |       | 65    | 5   | 8       | 3       | HNAA409 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                    |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAA402 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 7070425 | Lý thuyết bảo hiểm | 101 |       | 59    | 5   | 6       | 2       | HNAA405 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                    |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA405 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán  | 01  |       | 57    | 2   | 10      | 2       | HNAB507 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                    |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB507 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán  | 02  |       | 61    | 4   | 8       | 2       | HNAB404 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|-------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 7070432 | Nguyên lý kế toán | 02 |       | 61    | 6   | 10      | 2       | HNAB404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán | 03 |       | 52    | 2   | 10      | 2       | HNAA305 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
|         |                   |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA402 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán | 04 |       | 61    | 2   | 6       | 2       | HNAB401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
|         |                   |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA305 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán | 05 |       | 56    | 2   | 8       | 2       | HNAA305 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
|         |                   |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA305 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán | 06 |       | 55    | 2   | 10      | 2       | HNAB207 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-14      | Hoàng Thị Thủy         |
|         |                   |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAD403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-14      | Hoàng Thị Thủy         |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán | 07 |       | 64    | 2   | 6       | 2       | HNAB303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư        |
|         |                   |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAD402 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư        |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán | 08 |       | 62    | 2   | 6       | 2       | HNAD201 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-14      | Hoàng Thị Thủy         |
|         |                   |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB506 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-14      | Hoàng Thị Thủy         |
| 7070432 | Nguyên lý kế toán | 09 |       | 65    | 2   | 8       | 2       | HNAB207 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-14      | Hoàng Thị Thủy         |
|         |                   |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA208 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-14      | Hoàng Thị Thủy         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                 | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 7070432 | Nguyên lý kế toán                           | 10  |       | 60    | 2   | 4       | 2       | HNAB401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư  |
|         |                                             |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB401 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư  |
| 7070436 | Tài chính tiền tệ                           | 01  |       | 69    | 3   | 6       | 2       | HNAD503 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-16      | Lê Thị Thu Hồng  |
|         |                                             |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAD403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-16      | Lê Thị Thu Hồng  |
| 7070436 | Tài chính tiền tệ                           | 02  |       | 70    | 3   | 8       | 2       | HNAB506 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-16      | Lê Thị Thu Hồng  |
|         |                                             |     |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAD502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-16      | Lê Thị Thu Hồng  |
| 7070436 | Tài chính tiền tệ                           | 03  |       | 64    | 2   | 10      | 2       | HNAB506 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0704-11      | Dương Thị Nhân   |
|         |                                             |     |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAB303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-11      | Dương Thị Nhân   |
| 7070436 | Tài chính tiền tệ                           | 04  |       | 53    | 4   | 6       | 2       | HNAD401 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-11      | Dương Thị Nhân   |
|         |                                             |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB207 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0704-11      | Dương Thị Nhân   |
| 7070436 | Tài chính tiền tệ                           | 05  |       | 45    | 3   | 6       | 2       | HNAB401 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0704-11      | Dương Thị Nhân   |
|         |                                             |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0704-11      | Dương Thị Nhân   |
| 7070438 | Thị trường chứng khoán                      | 100 |       | 40    | 5   | 2       | 2       | HNAD302 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư  |
|         |                                             |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA406 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư  |
| 7080105 | Đạo đức máy tính                            | 100 |       | 67    | 5   | 3       | 3       | HNAA304 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0801-06      | Hoàng Anh Đức    |
|         |                                             |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA303 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0801-06      | Hoàng Anh Đức    |
| 7080107 | Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm+BTL | 100 |       | 63    | 5   | 10      | 2       | HNAB401 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0801-13      | Nguyễn Thị Thanh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Công nghệ phần mềm (08 0801)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                 | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7080107 | Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm+BTL | 100 |       | 63    | 7   | 9       | 2       | HNAA204 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0801-13      | Nguyễn Thị Thanh  |
| 7080107 | Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm+BTL | 101 |       | 23    | 5   | 8       | 2       | HNAA203 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0801-13      | Nguyễn Thị Thanh  |
|         |                                             |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAB405 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0801-13      | Nguyễn Thị Thanh  |
| 7080108 | Lập trình .NET 1 + BTL                      | 100 |       | 44    | 5   | 8       | 2       | HNAA304 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị     |
|         |                                             |     |       |       | 7   | 9       | 2       | HNAA205 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị     |
| 7080108 | Lập trình .NET 1 + BTL                      | 101 |       | 90    | 3   | 9       | 2       | HNAD402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị     |
|         |                                             |     |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAB207 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị     |
| 7080108 | Lập trình .NET 1 + BTL                      | 102 |       | 83    | 2   | 8       | 2       | HNAD101 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị     |
|         |                                             |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAD403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị     |
| 7080109 | Lập trình .NET 2 + BTL                      | 100 |       | 26    | 5   | 8       | 2       | HNAB502 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0801-02      | Nguyễn Thế Lộc    |
|         |                                             |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAD302 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0801-02      | Nguyễn Thế Lộc    |
| 7080111 | Mã nguồn mở                                 | 150 |       | 60    | 3   | 8       | 3       | HNAD302 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0804-07      | Ngô Hùng Long     |
|         |                                             |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA204 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0804-07      | Ngô Hùng Long     |
| 7080115 | Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động    | 100 |       | 47    | 5   | 8       | 2       | HNAD403 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang |
|         |                                             |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAD403 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang |
| 7080115 | Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động    | MT  |       | 42    | 3   | 6       | 2       | HNBG407 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Công nghệ phần mềm (08 0801)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                              | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7080115 | Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động | MT  |       | 42    | 6   | 6       | 2       | HNAD302 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang |
| 7080118 | Thiết kế Website                         | 100 |       | 63    | 5   | 3       | 3       | HNAA403 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0804-12      | Trương Xuân Bình  |
|         |                                          |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA403 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0804-12      | Trương Xuân Bình  |
| 7080118 | Thiết kế Website                         | 101 |       | 62    | 2   | 8       | 2       | HNAB201 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0801-06      | Hoàng Anh Đức     |
|         |                                          |     |       |       | 4   | 8       | 3       | HNAB205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0801-06      | Hoàng Anh Đức     |
| 7080118 | Thiết kế Website                         | 102 |       | 45    | 2   | 6       | 3       | HNAB505 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0801-06      | Hoàng Anh Đức     |
|         |                                          |     |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAA404 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0801-06      | Hoàng Anh Đức     |
| 7080120 | Tiếng Anh cho ngành CNTT                 | 100 |       | 64    | 5   | 6       | 2       | HNAD403 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0801-01      | Lê Văn Hưng       |
|         |                                          |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAD403 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0801-01      | Lê Văn Hưng       |
| 7080120 | Tiếng Anh cho ngành CNTT                 | MT  |       | 44    | 3   | 3       | 3       | HNAA405 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
|         |                                          |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA405 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
| 7080122 | Trí tuệ nhân tạo + BTL                   | 100 |       | 62    | 5   | 8       | 2       | HNAB401 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0801-01      | Lê Văn Hưng       |
|         |                                          |     |       |       | 7   | 9       | 2       | HNAB405 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0801-01      | Lê Văn Hưng       |
| 7080202 | An toàn và bảo mật hệ thống thông tin    | 100 |       | 63    | 5   | 6       | 2       | HNAD502 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-03      | Dương Chí Thiện   |
|         |                                          |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAD502 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-03      | Dương Chí Thiện   |
| 7080205 | Các hệ thống thông tin thông minh        | 100 |       | 62    | 5   | 8       | 2       | HNAB503 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-10      | Vương Như Quỳnh   |
|         |                                          |     |       |       | 7   | 9       | 2       | HNAA206 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-10      | Vương Như Quỳnh   |
| 7080206 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật           | 01  |       | 70    | 2   | 4       | 2       | HNAD503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu      |
|         |                                          |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAD503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7080206 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 02 |       | 70    | 2   | 6       | 2       | HNAD402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu       |
|         |                                |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAD502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu       |
| 7080206 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 03 |       | 70    | 2   | 6       | 2       | HNAD503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0804-12      | Trương Xuân Bình   |
|         |                                |    |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAD402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0804-12      | Trương Xuân Bình   |
| 7080206 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 04 |       | 72    | 2   | 6       | 2       | HNAB204 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến |
|         |                                |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAB204 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến |
| 7080206 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 05 |       | 70    | 2   | 4       | 2       | HNAD402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-03      | Dương Chí Thiện    |
|         |                                |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAD403 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-03      | Dương Chí Thiện    |
| 7080206 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 06 |       | 70    | 2   | 6       | 2       | HNAD502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-03      | Dương Chí Thiện    |
|         |                                |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAD502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-03      | Dương Chí Thiện    |
| 7080206 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 07 |       | 72    | 2   | 2       | 2       | HNAB207 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-09      | Vũ Lan Phương      |
|         |                                |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA207 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-09      | Vũ Lan Phương      |
| 7080206 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 08 |       | 70    | 3   | 4       | 2       | HNAB303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0802-09      | Vũ Lan Phương      |
|         |                                |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB207 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-09      | Vũ Lan Phương      |
| 7080208 | Cơ sở lập trình                | 01 |       | 65    | 3   | 6       | 2       | HNAA206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học               | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|---------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------|
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 01  |       | 65    | 6   | 6       | 2       | HNAA206 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu    |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 015 |       | 70    | 3   | 3       | 3       | HNAA208 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0804-04      | Phạm Đức Hậu    |
|         |                           |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD502 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0804-04      | Phạm Đức Hậu    |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 016 |       | 75    | 5   | 2       | 2       | HNAB204 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
|         |                           |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAB506 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 017 |       | 72    | 6   | 6       | 3       | HNAD502 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
|         |                           |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAD401 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 018 |       | 68    | 3   | 4       | 2       | HNAD503 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
|         |                           |     |       |       | 5   | 8       | 3       | HNAA208 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 019 |       | 71    | 3   | 7       | 3       | HNAB204 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
|         |                           |     |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAB204 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 02  |       | 64    | 2   | 1       | 2       | HNAA204 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
|         |                           |     |       |       | 3   | 2       | 2       | HNAA404 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 06  |       | 70    | 5   | 1       | 3       | HNAA208 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0802-09      | Vũ Lan Phương   |
|         |                           |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAB204 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0802-09      | Vũ Lan Phương   |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 08  |       | 70    | 5   | 2       | 2       | HNAB506 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
|         |                           |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAB207 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 10  |       | 70    | 6   | 6       | 3       | HNAB204 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
|         |                           |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAD503 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 12  |       | 73    | 3   | 4       | 2       | HNAD502 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
|         |                           |     |       |       | 5   | 8       | 3       | HNAD503 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
| 7080208 | Cơ sở lập trình           | 14  |       | 66    | 3   | 7       | 3       | HNAA208 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
|         |                           |     |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAA208 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
| 7080211 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | 01  |       | 70    | 3   | 1       | 3       | HNAD502 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
|         |                           |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD503 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
| 7080211 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | 02  |       | 67    | 3   | 2       | 2       | HNAD503 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
|         |                           |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 7080211 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                        | 03 |       | 57    | 2   | 2       | 2       | HNAD502 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD502 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
| 7080211 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                        | 04 |       | 70    | 2   | 8       | 3       | HNAA207 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0802-03      | Dương Chí Thiện  |
|         |                                                  |    |       |       | 4   | 9       | 2       | HNAA207 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0802-03      | Dương Chí Thiện  |
| 7080211 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                        | 05 |       | 70    | 3   | 3       | 3       | HNAB204 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0803-07      | Trần Mai Hương   |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB506 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0803-07      | Trần Mai Hương   |
| 7080211 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                        | 06 |       | 64    | 3   | 9       | 2       | HNAD502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0802-03      | Dương Chí Thiện  |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAD402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0802-03      | Dương Chí Thiện  |
| 7080211 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                        | 07 |       | 69    | 3   | 6       | 2       | HNAB303 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0804-05      | Dương Thị Tâm    |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB207 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0804-05      | Dương Thị Tâm    |
| 7080211 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                        | 08 |       | 65    | 3   | 6       | 3       | HNAB303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0804-05      | Dương Thị Tâm    |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB207 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0804-05      | Dương Thị Tâm    |
| 7080212 | Hệ thống phân tán                                | 02 |       | 60    | 6   | 10      | 2       | HNAA304 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 2       | HNAA305 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
| 7080212 | Hệ thống phân tán                                | 03 |       | 31    | 2   | 8       | 2       | HNAA402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
|         |                                                  |    |       |       | 2   | 10      | 2       | HNAA402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 01 |       | 71    | 3   | 3       | 3       | HNAD502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0804-04      | Phạm Đức Hậu     |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD503 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0804-04      | Phạm Đức Hậu     |
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 02 |       | 71    | 3   | 6       | 3       | HNAD402 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0804-12      | Trương Xuân Bình |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAD402 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0804-12      | Trương Xuân Bình |
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 03 |       | 70    | 2   | 2       | 2       | HNAB506 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0804-04      | Phạm Đức Hậu     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 03  |       | 70    | 6   | 1       | 3       | HNAD503 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0804-04      | Phạm Đức Hậu     |
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 04  |       | 70    | 3   | 6       | 2       | HNAA207 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA207 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 05  |       | 70    | 2   | 1       | 3       | HNAB506 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0804-12      | Trương Xuân Bình |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD402 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0804-12      | Trương Xuân Bình |
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 06  |       | 70    | 3   | 6       | 3       | HNAD403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0804-12      | Trương Xuân Bình |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB204 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0804-12      | Trương Xuân Bình |
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 07  |       | 73    | 3   | 2       | 2       | HNAB207 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAA207 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
| 7080216 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng với C++ + BTL | 08  |       | 70    | 3   | 2       | 2       | HNAB207 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB207 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
| 7080220 | Ngôn ngữ lập trình Python                        | 100 |       | 61    | 5   | 10      | 2       | HNAB404 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu   |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAA403 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu   |
| 7080220 | Ngôn ngữ lập trình Python                        | 101 |       | 57    | 5   | 8       | 2       | HNAA206 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu   |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 10      | 2       | HNAA403 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu   |
| 7080226 | Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật)           | 01  |       | 63    | 2   | 6       | 2       | HNAB502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
| 7080226 | Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật)           | 02  |       | 46    | 3   | 4       | 2       | HNBG305 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0802-10      | Vương Như Quỳnh  |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG102 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0802-10      | Vương Như Quỳnh  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                            | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7080226 | Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật) | 03  |       | 39    | 5   | 2       | 2       | HNAA408 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-10      | Vương Như Quỳnh     |
|         |                                        |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA304 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-10      | Vương Như Quỳnh     |
| 7080226 | Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật) | 04  |       | 59    | 5   | 4       | 2       | HNAA204 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu      |
|         |                                        |     |       |       | 7   | 1       | 2       | HNAA409 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu      |
| 7080226 | Tin học đại cương + TH (khối kỹ thuật) | 05  |       | 36    | 4   | 6       | 2       | HNAD303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-07      | Đào Thu Vân         |
|         |                                        |     |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAB505 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-07      | Đào Thu Vân         |
| 7080231 | Kho dữ liệu                            | 100 |       | 63    | 5   | 2       | 2       | HNAD402 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0802-07      | Đào Thu Vân         |
|         |                                        |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAD402 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0802-07      | Đào Thu Vân         |
| 7080302 | Cơ sở xử lý ảnh số                     | 01  |       | 45    | 2   | 8       | 2       | HNAA307 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0803-07      | Trần Mai Hương      |
|         |                                        |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA307 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0803-07      | Trần Mai Hương      |
| 7080313 | Thông tin địa học đại cương            | 01  |       | 22    | 3   | 6       | 2       | HNAA306 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                                        |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA306 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
| 7080313 | Thông tin địa học đại cương            | 02  |       | 33    | 3   | 6       | 2       | HNAA307 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                        |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA307 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
| 7080321 | Phân tích thông tin địa lý             | 02  |       | 42    | 2   | 10      | 2       | HNAA307 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo |
|         |                                        |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA307 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Trắc địa (08 0803)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 7080324 | Phát triển ứng dụng web GIS với Python và javascript | 01  |       | 35    | 3   | 10      | 2       | HNAA307 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-14      | Đinh Bảo Ngọc         |
|         |                                                      |     |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA307 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0803-14      | Đinh Bảo Ngọc         |
| 7080324 | Phát triển ứng dụng web GIS với Python và javascript | 02  |       | 23    | 3   | 4       | 2       | HNAB405 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long     |
|         |                                                      |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA306 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long     |
| 7080325 | Phát triển ứng dụng di động đa nền tảng 1            | 02  |       | 28    | 3   | 8       | 2       | HNAA307 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên     |
|         |                                                      |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA307 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên     |
| 7080505 | Điện toán di động                                    | 100 |       | 38    | 5   | 8       | 2       | HNAB504 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0805-05      | Nguyễn Duy Huy        |
|         |                                                      |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAD303 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0805-05      | Nguyễn Duy Huy        |
| 7080508 | Khai phá dữ liệu                                     | 100 |       | 37    | 5   | 8       | 2       | HNAB505 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0805-06      | Nguyễn Thị Phương Bắc |
|         |                                                      |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAD304 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0805-06      | Nguyễn Thị Phương Bắc |
| 7080508 | Khai phá dữ liệu                                     | MT  |       | 16    | 3   | 6       | 2       | HNBG503 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0805-06      | Nguyễn Thị Phương Bắc |
|         |                                                      |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG305 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0805-06      | Nguyễn Thị Phương Bắc |
| 7080511 | Lập trình game trên di động                          | 100 |       | 63    | 5   | 1       | 2       | HNAA207 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0803-14      | Đinh Bảo Ngọc         |
|         |                                                      |     |       |       | 7   | 1       | 2       | HNAA207 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0803-14      | Đinh Bảo Ngọc         |
| 7080511 | Lập trình game trên di động                          | 101 |       | 55    | 5   | 6       | 2       | HNBG107 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0803-14      | Đinh Bảo Ngọc         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**  
**Bộ môn: Tin học Trắc địa (08 0803)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                        | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7080511 | Lập trình game trên di động        | 101 |       | 55    | 7   | 6       | 2       | HNBG301 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0803-14      | Đinh Bảo Ngọc        |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 01  |       | 50    | 2   | 6       | 4       | HNAC503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh          |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 02  |       | 51    | 4   | 6       | 4       | HNAC503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh          |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 03  |       | 50    | 4   | 2       | 4       | HNAC503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh          |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 04  |       | 66    | 3   | 10      | 2       | HNAA204 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0805-05      | Nguyễn Duy Huy       |
|         |                                    |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB506 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0805-05      | Nguyễn Duy Huy       |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 05  |       | 64    | 2   | 6       | 2       | HNAB507 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0805-05      | Nguyễn Duy Huy       |
|         |                                    |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB506 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0805-05      | Nguyễn Duy Huy       |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 06  |       | 63    | 2   | 8       | 2       | HNAD402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
|         |                                    |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAD402 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 07  |       | 63    | 2   | 4       | 2       | HNAB207 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
|         |                                    |     |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAB207 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 08  |       | 64    | 2   | 4       | 2       | HNAB303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
|         |                                    |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB207 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java | 150 |       | 50    | 4   | 10      | 2       | HNAA308 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                           | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|---------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java    | 150 |       | 50    | 5   | 10      | 2       | HNAA204 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiền      |
| 7080512 | Lập trình hướng đối tượng với Java    | 151 |       | 46    | 5   | 10      | 4       | HNAC503 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh          |
| 7080515 | Phân tích và thiết kế hướng đối tượng | 01  |       | 56    | 3   | 2       | 2       | HNAA308 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB405 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
| 7080515 | Phân tích và thiết kế hướng đối tượng | 04  |       | 62    | 3   | 6       | 2       | HNAA405 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA305 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
| 7080515 | Phân tích và thiết kế hướng đối tượng | 05  |       | 19    | 2   | 2       | 2       | HNAA405 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAA405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
| 7080601 | Chuyên đề 1 + TH                      | 09  |       | 24    | 6   | 6       | 5       | HNBG503 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 7080601 | Chuyên đề 1 + TH                      | 10  |       | 63    | 4   | 6       | 5       | HNBG501 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 7080602 | Chuyên đề 2 + TH                      | 01  |       | 54    | 4   | 6       | 5       | HNAC501 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
| 7080605 | Hệ thống Thông tin quản lý            | 100 |       | 36    | 5   | 2       | 2       | HNAB504 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
|         |                                       |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA307 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 7080607 | Kinh tế thông tin                     | 09  |       | 48    | 2   | 2       | 2       | HNAA308 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
|         |                                       |     |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAA308 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
| 7080607 | Kinh tế thông tin                     | 10  |       | 31    | 2   | 4       | 2       | HNAA402 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
|         |                                       |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
| 7080610 | Marketing điện tử cơ bản              | 100 |       | 63    | 5   | 3       | 3       | HNAA205 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |
|         |                                       |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA203 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**  
**Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|--------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7080611 | Phát triển phần mềm quản lý + TH                 | 01  |       | 62    | 3   | 2       | 2       | HNAA402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến      |
|         |                                                  |     |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAA402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến      |
| 7080611 | Phát triển phần mềm quản lý + TH                 | 02  |       | 26    | 2   | 4       | 2       | HNAA203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến      |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA306 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến      |
| 7080613 | Quản trị các nguồn lực thông tin                 | 01  |       | 53    | 6   | 6       | 5       | HNBG508 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 7080614 | Quản trị dự án CNTT                              | 102 |       | 60    | 6   | 6       | 5       | HNBG106 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |
| 7080621 | Tin học văn phòng nâng cao                       | 100 |       | 31    | 5   | 6       | 2       | HNAC501 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAC501 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 7080622 | Tối ưu hóa thuật toán                            | 100 |       | 43    | 5   | 6       | 2       | HNAB205 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB206 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
| 7080624 | Ứng dụng tin học trong phân tích dữ liệu kinh tế | 09  |       | 40    | 2   | 2       | 2       | HNAB501 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB405 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 7080624 | Ứng dụng tin học trong phân tích dữ liệu kinh tế | 10  |       | 41    | 2   | 4       | 2       | HNAB501 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA402 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 7080633 | Kế toán máy                                      | 09  |       | 56    | 3   | 6       | 4       | HNAC503 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 7080633 | Kế toán máy                                      | 10  |       | 31    | 2   | 8       | 4       | HNAC504 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 7080634 | Quản trị dự án CNTT                              | 103 |       | 26    | 5   | 1       | 2       | HNAA304 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 1       | 2       | HNAA307 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |
| 7080634 | Quản trị dự án CNTT                              | 105 |       | 62    | 2   | 6       | 4       | HNAA403 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**  
**Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                        | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 7080636 | Tin học văn phòng nâng cao         | 01  |       | 25    | 5   | 4       | 2       | HNAC503 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến      |
|         |                                    |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAC503 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến      |
| 7080636 | Tin học văn phòng nâng cao         | 03  |       | 60    | 5   | 4       | 2       | HNAC501 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
|         |                                    |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAC501 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 7080636 | Tin học văn phòng nâng cao         | 04  |       | 60    | 5   | 1       | 2       | HNAC501 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
|         |                                    |     |       |       | 7   | 1       | 2       | HNAC501 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 7080716 | Mã nguồn mở chuyên ngành mạng +BTL | 100 |       | 51    | 5   | 8       | 2       | HNAD303 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0801-15      | Phạm Đình Tân        |
|         |                                    |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA308 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0801-15      | Phạm Đình Tân        |
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL                | 02  |       | 51    | 2   | 2       | 2       | HNAD503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung      |
|         |                                    |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAD503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung      |
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL                | 03  |       | 70    | 3   | 4       | 2       | HNAD403 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung      |
|         |                                    |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA208 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung      |
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL                | 04  |       | 57    | 2   | 4       | 2       | HNAB506 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung      |
|         |                                    |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD503 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung      |
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL                | 05  |       | 69    | 3   | 8       | 2       | HNAA207 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**  
**Bộ môn: Mạng máy tính (08 0807)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL | 05 |       | 69    | 6   | 6       | 2       | HNAB506 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy |
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL | 06 |       | 63    | 4   | 4       | 2       | HNAD502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
|         |                     |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD402 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL | 07 |       | 63    | 2   | 4       | 2       | HNAD403 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
|         |                     |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB204 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL | 08 |       | 71    | 2   | 6       | 2       | HNAB207 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
|         |                     |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB207 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
| 7080717 | Mạng máy tính + BTL | 09 |       | 70    | 2   | 2       | 2       | HNAB303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
|         |                     |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAB207 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
| 7080721 | Quản trị mạng + BTL | 01 |       | 23    | 3   | 4       | 2       | HNAB502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0801-09      | Diễm Công Hoàng   |
|         |                     |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA204 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0801-09      | Diễm Công Hoàng   |
| 7080721 | Quản trị mạng + BTL | 02 |       | 48    | 2   | 2       | 2       | HNAA205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy |
|         |                     |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAA204 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy |
| 7080721 | Quản trị mạng + BTL | 03 |       | 59    | 2   | 4       | 2       | HNAA205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy |
|         |                     |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB501 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|--------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7080730 | Lập trình mạng +BTL            | MT  |       | 44    | 3   | 6       | 4       | HNBG506 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung     |
| 7090105 | Cơ sở cung cấp điện            | 101 |       | 41    | 5   | 6       | 2       | HNAA206 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
|         |                                |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA206 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
| 7090115 | Hệ thống cung cấp điện         | 01  |       | 48    | 4   | 6       | 2       | HNAA206 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
|         |                                |     |       |       | 5   | 10      | 2       | HNAA206 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
| 7090115 | Hệ thống cung cấp điện         | 02  |       | 52    | 4   | 4       | 2       | HNAB507 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
|         |                                |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB507 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 7090116 | Hệ thống thông tin công nghiệp | 01  |       | 28    | 6   | 6       | 2       | HNAA303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
|         |                                |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA304 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
| 7090118 | Khí cụ điện                    | 01  |       | 47    | 2   | 6       | 2       | HNAA206 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                |     |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA206 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 7090118 | Khí cụ điện                    | 02  |       | 56    | 5   | 4       | 2       | HNAB205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAD503 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 7090120 | Kinh tế năng lượng             | 100 |       | 43    | 5   | 6       | 2       | HNAD302 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
|         |                                |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAD302 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                       | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7090123 | Lưới điện                         | 01  |       | 28    | 2   | 4       | 2       | HNAD303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
|         |                                   |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 7090124 | Lưới điện thông minh (Smart Grid) | 100 |       | 38    | 5   | 6       | 2       | HNAD304 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                   |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAD304 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 7090125 | Máy điện                          | 01  |       | 65    | 3   | 8       | 2       | HNAA205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến    |
|         |                                   |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến    |
| 7090125 | Máy điện                          | 02  |       | 67    | 2   | 6       | 2       | HNAA203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
|         |                                   |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
| 7090135 | Quá điện áp trong hệ thống điện   | 01  |       | 25    | 4   | 4       | 2       | HNAB202 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
|         |                                   |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
| 7090142 | Thiết kế mạng điện CN và dân dụng | 100 |       | 22    | 5   | 8       | 2       | HNAD304 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
|         |                                   |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAA304 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn      |
| 7090142 | Thiết kế mạng điện CN và dân dụng | 101 |       | 53    | 2   | 8       | 2       | HNAA206 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
|         |                                   |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA206 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
| 7090149 | Trạm biến áp và nhà máy điện      | 01  |       | 28    | 2   | 8       | 2       | HNAA304 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|--------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7090149 | Trạm biến áp và nhà máy điện                     | 01  |       | 28    | 3   | 6       | 2       | HNAA303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 7090152 | Ứng dụng tin học trong điện công nghiệp          | MT  |       | 24    | 2   | 10      | 2       | HNAA306 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                  |     |       |       | 3   | 8       | 2       | HNAA405 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 7090153 | Ứng dụng tin học trong HTĐ                       | MT  |       | 19    | 4   | 2       | 2       | HNAB202 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                  |     |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAA406 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 7090154 | Vận hành và điều khiển hệ thống điện             | 100 |       | 26    | 5   | 8       | 2       | HNAA305 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAB502 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 7090201 | Cơ sở điện tử công suất                          | 01  |       | 58    | 3   | 6       | 2       | HNAA204 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 7090201 | Cơ sở điện tử công suất                          | 02  |       | 52    | 2   | 10      | 2       | HNAA203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 7090203 | Cơ sở tự động hóa                                | 05  |       | 27    | 2   | 3       | 3       | HNAB507 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0902-14      | Đào Hiếu            |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA203 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 0902-14      | Đào Hiếu            |
| 7090206 | Điều khiển hệ thống truyền động thủy lực khí nén | 100 |       | 63    | 5   | 8       | 2       | HNAA306 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0902-12      | Uông Quang Tuyến    |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAB503 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0902-12      | Uông Quang Tuyến    |
| 7090206 | Điều khiển hệ thống truyền động thủy lực khí nén | 101 |       | 21    | 5   | 6       | 2       | HNAA303 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0902-12      | Uông Quang Tuyến    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 7090206 | Điều khiển hệ thống truyền động thủy lực khí nén | 101 |       | 21    | 7   | 6       | 2       | HNAA303 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0902-12      | Uông Quang Tuyền |
| 7090208 | Điều khiển số                                    | 100 |       | 35    | 5   | 8       | 2       | HNAD502 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                                  |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAD502 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
| 7090209 | Đo lường công nghiệp                             | 01  |       | 63    | 2   | 8       | 2       | HNAA205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí     |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí     |
| 7090209 | Đo lường công nghiệp                             | 02  |       | 62    | 3   | 8       | 2       | HNAA203 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0902-15      | Thái Hải Âu      |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB501 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-15      | Thái Hải Âu      |
| 7090213 | Kỹ thuật đo lường và điều khiển bằng máy tính    | 01  |       | 27    | 2   | 10      | 2       | HNAB401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí     |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA406 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí     |
| 7090213 | Kỹ thuật đo lường và điều khiển bằng máy tính    | 02  |       | 36    | 3   | 8       | 2       | HNAA409 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí     |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA409 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí     |
| 7090213 | Kỹ thuật đo lường và điều khiển bằng máy tính    | 03  |       | 59    | 3   | 2       | 2       | HNAB202 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí     |
|         |                                                  |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA408 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí     |
| 7090218 | Lý thuyết điều khiển tự động                     | 01  |       | 42    | 2   | 10      | 2       | HNAA206 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-09      | Phạm Minh Hải    |
|         |                                                  |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA206 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0902-09      | Phạm Minh Hải    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                  | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7090218 | Lý thuyết điều khiển tự động | 02  |       | 54    | 6   | 4       | 2       | HNAB205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
|         |                              |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA204 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
| 7090218 | Lý thuyết điều khiển tự động | 04  |       | 56    | 2   | 10      | 2       | HNAA205 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                              |     |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 7090218 | Lý thuyết điều khiển tự động | 05  |       | 59    | 3   | 6       | 2       | HNAA402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                              |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB501 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 7090221 | Ngoại ngữ chuyên ngành       | 100 |       | 30    | 5   | 6       | 2       | HNAA305 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                              |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA305 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 7090223 | Nhập môn về kỹ thuật         | 01  |       | 140   | 3   | 9       | 2       | HNAD301 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                              |     |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAD301 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 7090224 | SCADA                        | 100 |       | 57    | 5   | 10      | 2       | HNAB405 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                              |     |       |       | 7   | 10      | 2       | HNAA304 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 7090233 | Tín hiệu và hệ thống         | 01  |       | 57    | 2   | 6       | 2       | HNAA204 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
|         |                              |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
| 7090233 | Tín hiệu và hệ thống         | 02  |       | 58    | 2   | 8       | 2       | HNAA203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
|         |                              |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB405 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7090236 | Tự động hóa quá trình sản xuất công nghiệp | 01  |       | 49    | 2   | 6       | 2       | HNAA308 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh   |
|         |                                            |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA406 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh   |
| 7090236 | Tự động hóa quá trình sản xuất công nghiệp | 02  |       | 37    | 2   | 10      | 2       | HNAD303 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh   |
|         |                                            |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA409 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh   |
| 7090236 | Tự động hóa quá trình sản xuất công nghiệp | 03  |       | 35    | 2   | 8       | 2       | HNAB203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh   |
|         |                                            |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA408 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh   |
| 7090305 | Điện tử ứng dụng                           | 01  |       | 26    | 3   | 2       | 2       | HNAA206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                            |     |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA304 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 7090310 | Hệ thống viễn thông                        | 01  |       | 22    | 3   | 4       | 2       | HNAA206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0903-17      | Tổng Ngọc Anh     |
|         |                                            |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA206 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0903-17      | Tổng Ngọc Anh     |
| 7090311 | Internet vạn vật và ứng dụng               | 100 |       | 26    | 5   | 6       | 2       | HNAA307 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ    |
|         |                                            |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA307 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ    |
| 7090312 | Kỹ thuật điện - điện tử                    | 01  |       | 19    | 4   | 4       | 2       | HNAB505 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh   |
|         |                                            |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB504 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh   |
| 7090315 | Kỹ thuật xung - số                         | 01  |       | 42    | 5   | 8       | 2       | HNAB303 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Kỹ thuật điện - Điện tử (09 0903)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7090315 | Kỹ thuật xung - số                | 01 |       | 42    | 6   | 8       | 2       | HNAA203 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh     |
| 7090315 | Kỹ thuật xung - số                | 02 |       | 53    | 4   | 2       | 2       | HNAB205 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh     |
|         |                                   |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAB201 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh     |
| 7090316 | Lý thuyết mạch                    | 01 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNAB207 | 06/04/2021 - 18/05/2021                                                       | 0903-06      | Kim Ngọc Linh       |
|         |                                   |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAD503 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0903-06      | Kim Ngọc Linh       |
| 7090316 | Lý thuyết mạch                    | 02 |       | 79    | 2   | 3       | 3       | HNAA208 | 05/04/2021 - 17/05/2021                                                       | 0903-06      | Kim Ngọc Linh       |
|         |                                   |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA208 | 07/04/2021 - 19/05/2021                                                       | 0903-06      | Kim Ngọc Linh       |
| 7090316 | Lý thuyết mạch                    | 03 |       | 42    | 5   | 9       | 3       | HNAA207 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0903-06      | Kim Ngọc Linh       |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA207 | 09/04/2021 - 21/05/2021                                                       | 0903-06      | Kim Ngọc Linh       |
| 7090316 | Lý thuyết mạch                    | 04 |       | 66    | 5   | 6       | 3       | HNAD101 | 08/04/2021 - 20/05/2021                                                       | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh   |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAD101 | 10/04/2021 - 22/05/2021                                                       | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh   |
| 7090317 | Mô phỏng mạch điện và điện tử     | MT |       | 25    | 2   | 8       | 2       | HNBG506 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0903-10      | Nguyễn Trường Giang |
|         |                                   |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNBG305 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0903-10      | Nguyễn Trường Giang |
| 7090323 | Thiết kế mạch điện tử             | 01 |       | 27    | 2   | 1       | 2       | HNAB507 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0903-06      | Kim Ngọc Linh       |
|         |                                   |    |       |       | 4   | 1       | 2       | HNAB501 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0903-06      | Kim Ngọc Linh       |
| 7090329 | Trang bị điện - điện tử trên ô tô | 01 |       | 25    | 3   | 6       | 2       | HNAA304 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0903-07      | Đình Văn Thắng      |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA304 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0903-07      | Đình Văn Thắng      |
| 7090406 | Cơ sở thiết kế máy                | 01 |       | 57    | 2   | 6       | 2       | HNAB202 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0305-02      | Phạm Tuấn Long      |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAB202 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0305-02      | Phạm Tuấn Long      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Sức bền vật liệu (03 0305)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7090406 | Cơ sở thiết kế máy          | 02  |       | 31    | 5   | 10      | 2       | HNAB205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0305-02      | Phạm Tuấn Long    |
|         |                             |     |       |       | 7   | 3       | 2       | HNAA305 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0305-02      | Phạm Tuấn Long    |
| 7090407 | Công nghệ CAD/CAM/CNC       | 01  |       | 34    | 2   | 4       | 2       | HNAB503 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0904-19      | Đoàn Kim Bình     |
|         |                             |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAA304 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0904-19      | Đoàn Kim Bình     |
| 7090410 | Công nghệ chế tạo máy 2     | 01  |       | 30    | 3   | 4       | 2       | HNAB404 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng |
|         |                             |     |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB503 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng |
| 7090417 | Đồ gá                       | MT  |       | 30    | 5   | 2       | 4       | HNAB503 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
| 7090422 | Kỹ thuật đo + BTL           | 01  |       | 56    | 2   | 8       | 2       | HNAB202 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng    |
|         |                             |     |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB202 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng    |
| 7090422 | Kỹ thuật đo + BTL           | 02  |       | 35    | 3   | 9       | 2       | HNAB502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng    |
|         |                             |     |       |       | 7   | 9       | 2       | HNAA303 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng    |
| 7090432 | Phương pháp gia công áp lực | 100 |       | 30    | 5   | 6       | 2       | HNAA402 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0904-05      | Phạm Thị Thủy     |
|         |                             |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA402 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0904-05      | Phạm Thị Thủy     |
| 7090445 | Vật liệu kỹ thuật + TN      | 02  |       | 39    | 5   | 8       | 2       | HNAB205 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0904-05      | Phạm Thị Thủy     |
|         |                             |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB502 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0904-05      | Phạm Thị Thủy     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Máy và thiết bị công nghiệp (09 0905)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                        | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 7090504 | Cấu tạo ô tô                       | 01  |       | 52    | 2   | 10      | 2       | HNAB202 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0905-14      | Trần Viết Linh   |
|         |                                    |     |       |       | 4   | 8       | 3       | HNAB202 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0905-14      | Trần Viết Linh   |
| 7090508 | Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô | 01  |       | 35    | 2   | 4       | 2       | HNAA306 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0905-08      | Phạm Văn Tiến    |
|         |                                    |     |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAA303 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0905-08      | Phạm Văn Tiến    |
| 7090510 | Điều hòa không khí trong ô tô      | 100 |       | 35    | 5   | 2       | 2       | HNAD304 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng |
|         |                                    |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA409 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng |
| 7090516 | Kết cấu, tính toán ô tô 2          | 01  |       | 35    | 3   | 4       | 2       | HNAA303 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0905-13      | Kiều Đức Thịnh   |
|         |                                    |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA305 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0905-13      | Kiều Đức Thịnh   |
| 7090518 | Kỹ thuật truyền động thủy khí      | 02  |       | 35    | 2   | 8       | 2       | HNAB502 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng |
|         |                                    |     |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB502 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng |
| 7090529 | Năng lượng mới trên ô tô           | MT  |       | 30    | 2   | 4       | 2       | HNBG302 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0905-14      | Trần Viết Linh   |
|         |                                    |     |       |       | 3   | 3       | 3       | HNBG301 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0905-14      | Trần Viết Linh   |
| 7090530 | Nguyên lý động cơ đốt trong        | 02  |       | 46    | 3   | 3       | 3       | HNAB205 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0905-03      | Nguyễn Đăng Tấn  |
|         |                                    |     |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB205 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0905-03      | Nguyễn Đăng Tấn  |
| 7090531 | Nhập môn Kỹ thuật                  | 01  |       | 58    | 5   | 3       | 3       | HNAA207 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0904-09      | Nguyễn Văn Xô    |
|         |                                    |     |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA207 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0904-09      | Nguyễn Văn Xô    |
| 7090540 | Thiết kế xưởng sản xuất ô tô       | 100 |       | 33    | 5   | 6       | 2       | HNAB206 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0905-08      | Phạm Văn Tiến    |
|         |                                    |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB507 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0905-08      | Phạm Văn Tiến    |
| 7090543 | Thủy lực - cung cấp nước và khí    | 01  |       | 11    | 2   | 3       | 3       | HNAB504 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0905-03      | Nguyễn Đăng Tấn  |
|         |                                    |     |       |       | 2   | 6       | 2       | HNAB504 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0905-03      | Nguyễn Đăng Tấn  |
| 7090544 | Tiếng anh chuyên ngành             | 01  |       | 36    | 2   | 1       | 3       | HNAA203 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0905-03      | Nguyễn Đăng Tấn  |
|         |                                    |     |       |       | 3   | 1       | 2       | HNAA306 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0905-03      | Nguyễn Đăng Tấn  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Máy và thiết bị công nghiệp (09 0905)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                            | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7090547 | Tổ chức công tác kho vận trong xưởng tuyển khoáng      | 01  |       | 9     | 4   | 4       | 2       | HNAA402 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0905-14      | Trần Viết Linh     |
|         |                                                        |     |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB201 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0905-14      | Trần Viết Linh     |
| 7100104 | Cấu tạo và tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm | 01  |       | 23    | 3   | 2       | 2       | HNAD303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0303-11      | Trần Tuấn Minh     |
|         |                                                        |     |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAD303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0303-11      | Trần Tuấn Minh     |
| 7100106 | Cơ học đá                                              | 100 |       | 39    | 5   | 8       | 3       | HNAB202 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0303-05      | Ngô Doãn Hào       |
|         |                                                        |     |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAB201 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0303-05      | Ngô Doãn Hào       |
| 7100120 | Nhập môn Kỹ thuật xây dựng                             | 01  |       | 49    | 2   | 9       | 2       | HNBG205 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 1003-01      | Đặng Quang Huy     |
|         |                                                        |     |       |       | 7   | 8       | 3       | HNBG205 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 1003-01      | Đặng Quang Huy     |
| 7100123 | Quy hoạch không gian ngầm thành phố                    | 100 |       | 19    | 5   | 6       | 2       | HNAD503 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |
|         |                                                        |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA207 | 10/04/2021 - 15/05/2021                                                       | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |
| 7100126 | Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm            | MT  |       | 21    | 2   | 2       | 2       | HNAA203 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0303-09      | Đặng Trung Thành   |
|         |                                                        |     |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAA206 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0303-09      | Đặng Trung Thành   |
| 7100136 | Tổ chức và quản lý thi công                            | MT  |       | 20    | 2   | 8       | 2       | HNAB201 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0303-20      | Nguyễn Chí Thành   |
|         |                                                        |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA408 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 0303-20      | Nguyễn Chí Thành   |
| 7100137 | Xây dựng các công trình trên mặt đất                   | 100 |       | 21    | 5   | 2       | 2       | HNAA306 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                        |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAB203 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
| 7100139 | Xây dựng công trình ngầm                               | 01  |       | 22    | 3   | 6       | 2       | HNAD502 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái       |
|         |                                                        |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAD201 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái       |
| 7100215 | Giám sát thi công                                      | 100 |       | 29    | 5   | 6       | 2       | HNAA403 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0303-26      | Bùi Văn Đức        |
|         |                                                        |     |       |       | 7   | 6       | 2       | HNAA403 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0303-26      | Bùi Văn Đức        |
| 7100217 | Hệ thống kỹ thuật trong công trình XD                  | 100 |       | 26    | 5   | 2       | 2       | HNAA307 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 1002-02      | Tăng Văn Lâm       |
|         |                                                        |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAB205 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 1002-02      | Tăng Văn Lâm       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Kỹ thuật xây dựng (10 1002)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 7100221 | Kết cấu nhà bê tông cốt thép                  | 01 |       | 28    | 3   | 8       | 2       | HNAA406 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 1002-04      | Lê Huy Việt       |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA407 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 1002-04      | Lê Huy Việt       |
| 7100226 | Kiến trúc công trình công nghiệp              | 01 |       | 26    | 3   | 2       | 2       | HNAA205 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 1002-02      | Tăng Văn Lâm      |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB303 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 1002-02      | Tăng Văn Lâm      |
| 7100228 | Kỹ thuật thi công I                           | 01 |       | 30    | 2   | 2       | 2       | HNAB505 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn   |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAD302 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn   |
| 7100231 | Môi trường và an toàn lao động trong xây dựng | 01 |       | 24    | 2   | 3       | 3       | HNAD302 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0303-15      | Phạm Thị Nhân     |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAB505 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0303-15      | Phạm Thị Nhân     |
| 7100241 | Tin học ứng dụng trong xây dựng               | 01 |       | 38    | 2   | 6       | 3       | HNAD303 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 1002-04      | Lê Huy Việt       |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD303 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 1002-04      | Lê Huy Việt       |
| 7100246 | Vật liệu xây dựng                             | 01 |       | 31    | 3   | 8       | 2       | HNAD303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0303-24      | Phạm Đức Thọ      |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAD303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0303-24      | Phạm Đức Thọ      |
| 7100304 | Cơ học đất xây dựng                           | 01 |       | 30    | 3   | 6       | 2       | HNAD303 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0303-25      | Hoàng Đình Phúc   |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAD303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 0303-25      | Hoàng Đình Phúc   |
| 7100316 | Ổn định và gia cố mái dốc công trình          | BS |       | 19    | 2   | 9       | 3       | HNAD403 | 19/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 1003-04      | Phạm Văn Hùng     |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAD402 | 21/04/2021 - 26/05/2021                                                       | 1003-04      | Phạm Văn Hùng     |
| 7100317 | Quy hoạch giao thông và thiết kế đường        | 02 |       | 19    | 2   | 6       | 3       | HNAD401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 0303-25      | Hoàng Đình Phúc   |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB303 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0303-25      | Hoàng Đình Phúc   |
| 7100321 | Thiết kế công trình cầu                       | 01 |       | 19    | 2   | 9       | 3       | HNAD401 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021                            | 1003-02      | Nguyễn Trọng Dũng |
|         |                                               |    |       |       | 3   | 8       | 2       | HNAB203 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 1003-02      | Nguyễn Trọng Dũng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng Hạ tầng cơ sở (10 1003)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 7100326 | Tin học ứng dụng trong xây dựng hạ tầng cơ sở | BS  |       | 12    | 2   | 3       | 3       | HNBG402 | 19/04/2021 - 24/05/2021                                                       | 1003-05      | Bùi Anh Thắng       |
|         |                                               |     |       |       | 3   | 8       | 2       | HNBG503 | 20/04/2021 - 25/05/2021                                                       | 1003-05      | Bùi Anh Thắng       |
| 7100327 | Tổ chức và quản lý giao thông đô thị          | 03  |       | 21    | 2   | 6       | 2       | HNAD101 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 1003-04      | Phạm Văn Hùng       |
|         |                                               |     |       |       | 3   | 6       | 3       | HNAB502 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 1003-04      | Phạm Văn Hùng       |
| 7110107 | Hóa học môi trường + TN (2+1)                 | 01  |       | 11    | 3   | 10      | 2       | HNAB206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0103-02      | Hoàng Thị Chung     |
|         |                                               |     |       |       | 7   | 9       | 2       | HNAB206 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0103-02      | Hoàng Thị Chung     |
| 7110112 | Môi trường và phát triển bền vững             | 100 |       | 67    | 5   | 2       | 2       | HNAA308 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 1101-09      | Vũ Thị Lan Anh      |
|         |                                               |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAB206 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 1101-09      | Vũ Thị Lan Anh      |
| 7110117 | Quá trình chuyển khối trong CNMT              | 01  |       | 21    | 2   | 4       | 2       | HNAB206 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0601-06      | Nguyễn Văn Dũng     |
|         |                                               |     |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAB206 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0601-06      | Nguyễn Văn Dũng     |
| 7110202 | Bảo vệ và cải tạo đất                         | 01  |       | 20    | 3   | 6       | 2       | HNAB404 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                               |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA207 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021                            | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
| 7110206 | Cơ sở Địa sinh thái - Địa môi trường          | 01  |       | 10    | 5   | 6       | 2       | HNAD301 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0408-09      | Đỗ Cao Cường        |
|         |                                               |     |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAD101 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0408-09      | Đỗ Cao Cường        |
| 7110213 | Giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải  | 01  |       | 21    | 2   | 8       | 2       | HNAD201 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 0408-05      | Phạm Khánh Huy      |
|         |                                               |     |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAD201 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 0408-05      | Phạm Khánh Huy      |
| 7110215 | Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn       | 01  |       | 22    | 2   | 10      | 2       | HNAA204 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa      |
|         |                                               |     |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAA404 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa      |
| 7110217 | Kỹ thuật môi trường đô thị và công nghiệp     | 100 |       | 21    | 5   | 6       | 2       | HNAA404 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021<br>08/04/2021 - 13/05/2021 | 0408-10      | Nguyễn Quang Minh   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH  | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                                                 | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------------------------------------|-----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 7110217 | Kỹ thuật môi trường đô thị và công nghiệp         | 100 |       | 21    | 7   | 6       | 2       | HNAA404 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0408-10      | Nguyễn Quang Minh  |
| 7110219 | Môi trường và con người                           | 01  |       | 63    | 5   | 8       | 3       | HNAA207 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa     |
|         |                                                   |     |       |       | 7   | 8       | 2       | HNAD402 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa     |
| 7110221 | Nhập môn kỹ thuật công nghệ môi trường            | 01  |       | 14    | 3   | 9       | 2       | HNBG102 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0408-09      | Đỗ Cao Cường       |
|         |                                                   |     |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG102 | 08/04/2021 - 13/05/2021                                                       | 0408-09      | Đỗ Cao Cường       |
| 7110223 | Quản lý môi trường                                | 01  |       | 25    | 4   | 6       | 3       | HNAD201 | 07/04/2021 - 12/05/2021                                                       | 1101-09      | Vũ Thị Lan Anh     |
|         |                                                   |     |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB401 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 1101-09      | Vũ Thị Lan Anh     |
| 7110226 | Quản lý tài nguyên khoáng sản                     | 100 |       | 38    | 5   | 2       | 2       | HNAA402 | 14/01/2021 - 28/01/2021<br>25/02/2021 - 11/03/2021                            | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa     |
|         |                                                   |     |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA207 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021                            | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa     |
| 7110228 | Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước   | 01  |       | 21    | 3   | 6       | 2       | HNAB507 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0408-11      | Đỗ Thị Hải         |
|         |                                                   |     |       |       | 3   | 8       | 3       | HNAA402 | 06/04/2021 - 11/05/2021                                                       | 0408-11      | Đỗ Thị Hải         |
| 7110238 | Vi hóa sinh môi trường                            | 01  |       | 23    | 3   | 4       | 2       | HNAB206 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
|         |                                                   |     |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA206 | 16/01/2021 - 30/01/2021<br>27/02/2021 - 13/03/2021<br>10/04/2021 - 15/05/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
| 7110308 | Kỹ thuật môi trường trong công nghiệp khai khoáng | 01  |       | 10    | 2   | 8       | 2       | HNAB501 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021<br>05/04/2021 - 10/05/2021 | 1103-04      | Đặng Thị Ngọc Thủy |
|         |                                                   |     |       |       | 4   | 9       | 2       | HNAA303 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021<br>07/04/2021 - 12/05/2021 | 1103-04      | Đặng Thị Ngọc Thủy |
| 7110311 | Mô hình hoá trong kỹ thuật môi trường             | 01  |       | 10    | 2   | 10      | 2       | HNAA303 | 05/04/2021 - 10/05/2021                                                       | 1103-06      | Nguyễn Thị Hòa     |
|         |                                                   |     |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB507 | 09/04/2021 - 14/05/2021                                                       | 1103-06      | Nguyễn Thị Hòa     |
| 7110317 | Quan trắc và xử lý số liệu môi trường             | 01  |       | 21    | 3   | 8       | 2       | HNAA402 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021                            | 1103-05      | Đào Trung Thành    |
|         |                                                   |     |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB204 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021                            | 1103-05      | Đào Trung Thành    |
| 7110322 | Thiết kế wetland cho xử lý nước thải + ĐA         | 01  |       | 12    | 3   | 6       | 2       | HNAD302 | 12/01/2021 - 26/01/2021<br>23/02/2021 - 09/03/2021<br>06/04/2021 - 11/05/2021 | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
|         |                                                   |     |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAD302 | 15/01/2021 - 29/01/2021<br>26/02/2021 - 12/03/2021<br>09/04/2021 - 14/05/2021 | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Kỹ thuật môi trường (11 1103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------|
| 7110325 | Tự động hóa thiết bị đo và kiểm soát chất lượng môi trường | 01 |       | 12    | 2   | 6       | 2       | HNAB504 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021 | 1103-06      | Nguyễn Thị Hòa  |
|         |                                                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD302 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021 | 1103-06      | Nguyễn Thị Hòa  |
| 7110326 | Ứng dụng hoá học trong xử lý nước                          | 01 |       | 10    | 3   | 8       | 2       | HNAD302 | 06/04/2021 - 11/05/2021                            | 1103-10      | Trần Thị Ngọc   |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA207 | 08/04/2021 - 13/05/2021                            | 1103-10      | Trần Thị Ngọc   |
| 7110327 | Ứng dụng tin học trong MT + TH                             | 01 |       | 22    | 2   | 8       | 2       | HNAA204 | 11/01/2021 - 25/01/2021<br>22/02/2021 - 08/03/2021 | 1103-07      | Nguyễn Thị Hồng |
|         |                                                            |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAA409 | 13/01/2021 - 27/01/2021<br>24/02/2021 - 10/03/2021 | 1103-07      | Nguyễn Thị Hồng |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN              | 01 |       | 139   | 2   | 1       | 5       | HNBG202 | 25/01/2021 - 25/01/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG202 | 26/01/2021 - 26/01/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG202 | 27/01/2021 - 27/01/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG202 | 28/01/2021 - 28/01/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG202 | 29/01/2021 - 29/01/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG202 | 30/01/2021 - 30/01/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN              | 02 |       | 139   | 2   | 1       | 5       | HNBG306 | 01/03/2021 - 01/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG306 | 02/03/2021 - 02/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG306 | 03/03/2021 - 03/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG306 | 04/03/2021 - 04/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG306 | 05/03/2021 - 05/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG306 | 06/03/2021 - 06/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN              | 03 |       | 114   | 2   | 1       | 5       | HNBG306 | 15/03/2021 - 15/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG306 | 16/03/2021 - 16/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |
|         |                                                            |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG306 | 17/03/2021 - 17/03/2021                            | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**  
**Bộ môn: Chính trị (30 3001)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|------------------|
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN | 03 |       | 114   | 5   | 1       | 5       | HNBG306 | 18/03/2021 - 18/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG306 | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG202 | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN | 04 |       | 139   | 2   | 1       | 5       | HNBG306 | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
|         |                                               |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG306 | 30/03/2021 - 30/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG306 | 31/03/2021 - 31/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG306 | 01/04/2021 - 01/04/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG306 | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG202 | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám    |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN | 05 |       | 138   | 2   | 1       | 5       | HNBG302 | 12/04/2021 - 12/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                                               |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG306 | 13/04/2021 - 13/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG206 | 14/04/2021 - 14/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG306 | 15/04/2021 - 15/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG206 | 16/04/2021 - 16/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG302 | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN | 06 |       | 139   | 2   | 1       | 5       | HNBG306 | 26/04/2021 - 26/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                                               |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG306 | 27/04/2021 - 27/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG306 | 28/04/2021 - 28/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG306 | 29/04/2021 - 29/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG306 | 30/04/2021 - 30/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**

**Bộ môn: Quân sự (30 3002)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN | 06 |       | 139   | 7   | 1       | 5       | HNBG202 | 01/05/2021 - 01/05/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN | 07 |       | 162   | 2   | 6       | 5       | HNBG206 | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                               |    |       |       | 3   | 6       | 5       | HNBG206 | 23/03/2021 - 23/03/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNBG302 | 24/03/2021 - 24/03/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 6       | 5       | HNBG302 | 25/03/2021 - 25/03/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 9       | 5       | HNBG306 | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG206 | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN | 08 |       | 160   | 2   | 6       | 5       | HNBG302 | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 3   | 6       | 5       | HNBG302 | 23/03/2021 - 23/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNBG202 | 24/03/2021 - 24/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 9       | 5       | HNBG202 | 25/03/2021 - 25/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNBG302 | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 5       | HNBG302 | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
| 7300103 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN | 09 |       | 123   | 2   | 1       | 5       | HNAD101 | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNAD101 | 23/03/2021 - 23/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNAD101 | 24/03/2021 - 24/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNAD101 | 25/03/2021 - 25/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNAD101 | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNAD101 | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh                | 01 |       | 139   | 2   | 1       | 5       | HNBG202 | 22/02/2021 - 22/02/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**  
**Bộ môn: Chính trị (30 3001)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 01 |       | 139   | 3   | 1          | 5       | HNBG202 | 23/02/2021 - 23/02/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG202 | 24/02/2021 - 24/02/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG202 | 25/02/2021 - 25/02/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG202 | 26/02/2021 - 26/02/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 27/02/2021 - 27/02/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 02 |       | 139   | 2   | 1          | 5       | HNBG306 | 08/03/2021 - 08/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 3   | 1          | 5       | HNBG306 | 09/03/2021 - 09/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG306 | 10/03/2021 - 10/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG306 | 11/03/2021 - 11/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG306 | 12/03/2021 - 12/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG306 | 13/03/2021 - 13/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 03 |       | 114   | 2   | 1          | 5       | HNBG306 | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 3   | 1          | 5       | HNBG306 | 23/03/2021 - 23/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG306 | 24/03/2021 - 24/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG306 | 25/03/2021 - 25/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG306 | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
|         |                                |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 3001-01      | Phạm Quốc Đám     |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 04 |       | 139   | 2   | 1          | 5       | HNBG306 | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                                |    |       |       | 3   | 1          | 5       | HNBG306 | 06/04/2021 - 06/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                                |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG306 | 07/04/2021 - 07/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG306 | 08/04/2021 - 08/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG306 | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                                |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 05 |       | 138   | 2   | 1          | 5       | HNBG306 | 19/04/2021 - 19/04/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                |    |       |       | 3   | 1          | 5       | HNBG306 | 20/04/2021 - 20/04/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG306 | 21/04/2021 - 21/04/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG306 | 22/04/2021 - 22/04/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG306 | 23/04/2021 - 23/04/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 24/04/2021 - 24/04/2021 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 06 |       | 140   | 2   | 1          | 5       | HNBG306 | 03/05/2021 - 03/05/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**  
**Bộ môn: Chính trị (30 3001)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 06 |       | 140   | 3   | 1          | 5       | HNBG306 | 04/05/2021 - 04/05/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường  |
|         |                                |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG306 | 05/05/2021 - 05/05/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường  |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG306 | 06/05/2021 - 06/05/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường  |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG306 | 07/05/2021 - 07/05/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường  |
|         |                                |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 08/05/2021 - 08/05/2021 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường  |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 07 |       | 162   | 2   | 1          | 5       | HNBG302 | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 3002-03      | Trần Văn Độ        |
|         |                                |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG306 | 30/03/2021 - 30/03/2021 | 3002-03      | Trần Văn Độ        |
|         |                                |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG302 | 31/03/2021 - 31/03/2021 | 3002-03      | Trần Văn Độ        |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG206 | 01/04/2021 - 01/04/2021 | 3002-03      | Trần Văn Độ        |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG206 | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 3002-03      | Trần Văn Độ        |
|         |                                |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG202 | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 3002-03      | Trần Văn Độ        |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 08 |       | 160   | 2   | 6          | 5       | HNBG206 | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong   |
|         |                                |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG206 | 30/03/2021 - 30/03/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong   |
|         |                                |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG202 | 31/03/2021 - 31/03/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong   |
|         |                                |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNBG206 | 01/04/2021 - 01/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong   |
|         |                                |    |       |       | 6   | 6          | 5       | HNBG306 | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong   |
|         |                                |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG302 | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong   |
| 7300104 | Công tác quốc phòng và an ninh | 09 |       | 123   | 2   | 1          | 5       | HNAD101 | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay       |
|         |                                |    |       |       | 3   | 1          | 5       | HNAD101 | 30/03/2021 - 30/03/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay       |
|         |                                |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNAD101 | 31/03/2021 - 31/03/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay       |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNAD101 | 01/04/2021 - 01/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay       |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNAD101 | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay       |
|         |                                |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAD101 | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 3002-04      | Vũ Quang Hay       |
| 8020101 | Triết học                      | 01 |       | 82    | 2   | 11         | 3       | HNAB303 | 28/12/2020 - 28/12/2020 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                |    |       |       | 6   | 11         | 3       | HNAA208 | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAD402 | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB404 | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAA208 | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAA208 | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
| 8020101 | Triết học                      | 11 |       | 39    | 2   | 11         | 3       |         |                         | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8020101 | Triết học   | 11 |       | 39    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
| 8020101 | Triết học   | 13 |       | 73    | 2   | 11         | 3       |       | 28/12/2020 - 28/12/2020 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 8020101 | Triết học   | 15 |       | 19    | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
| 8020101 | Triết học   | 16 |       | 22    | 2   | 11         | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
| 8020101 | Triết học   | 17 |       | 31    | 2   | 11         | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 8020101 | Triết học   | 18 |       | 18    | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8020101 | Triết học   | 18 |       | 18    | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 8020101 | Triết học   | 19 |       | 9     | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
| 8020101 | Triết học   | 20 |       | 10    | 2   | 11         | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 8020101 | Triết học   | 21 |       | 27    | 2   | 11         | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
| 8020101 | Triết học   | 23 |       | 12    | 2   | 11         | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
| 8020101 | Triết học   | 26 |       | 30    | 2   | 11         | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8020101 | Triết học                                                  | 26 |       | 30    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
| 8020101 | Triết học                                                  | 27 |       | 31    | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
| 8020101 | Triết học                                                  | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương  |
| 8020101 | Triết học                                                  | 36 |       | 18    | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 8020101 | Triết học                                                  | 38 |       | 15    | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 8030104 | Nâng cao chất lượng khoáng sản trong khai thác mỏ lộ thiên | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác lộ thiên (03 0301)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|--------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8030104 | Nâng cao chất lượng khoáng sản trong khai thác mỏ lộ thiên               | 10 |       | 21    | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
| 8030105 | Ổn định bờ mỏ và sườn dốc                                                | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
| 8030106 | Phương pháp khai thác đá khối                                            | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0301-07      | Phạm Văn Hòa    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0301-07      | Phạm Văn Hòa    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0301-07      | Phạm Văn Hòa    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0301-07      | Phạm Văn Hòa    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0301-07      | Phạm Văn Hòa    |
| 8030107 | Các phương pháp khai thác mỏ vật liệu xây dựng                           | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa  |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa  |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa  |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa  |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa  |
| 8030108 | Các phương pháp chuẩn bị đất đá bằng cơ giới trong khai thác mỏ lộ thiên | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0301-09      | Nguyễn Đình An  |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0301-09      | Nguyễn Đình An  |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0301-09      | Nguyễn Đình An  |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0301-09      | Nguyễn Đình An  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác lộ thiên (03 0301)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|--------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8030108 | Các phương pháp chuẩn bị đất đá bằng cơ giới trong khai thác mỏ lộ thiên | 10 |       | 9     | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0301-09      | Nguyễn Đình An  |
| 8030109 | Các mô hình tối ưu hoá biên giới mỏ lộ thiên                             | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
| 8030110 | Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong khai thác mỏ lộ thiên     | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0301-04      | Bùi Xuân Nam    |
| 8030111 | Những phương pháp khai thác lộ thiên đặc biệt                            | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
| 8030112 | Mô hình hóa môi trường trong khai thác mỏ                                | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0301-17      | Trần Đình Bảo   |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0301-17      | Trần Đình Bảo   |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0301-17      | Trần Đình Bảo   |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0301-17      | Trần Đình Bảo   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác lộ thiên (03 0301)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|--------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8030112 | Mô hình hóa môi trường trong khai thác mỏ                          | 10 |       | 9     | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0301-17      | Trần Đình Bảo   |
| 8030113 | An toàn sóng chấn động và sóng đập không khí trong công tác nổ mìn | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
|         |                                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
|         |                                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
|         |                                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
|         |                                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0301-14      | Trần Quang Hiếu |
| 8030114 | Tối ưu hóa các công trình mỏ lộ thiên                              | 10 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
|         |                                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
|         |                                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
|         |                                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
|         |                                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn |
| 8030205 | Hoàn thiện sơ đồ mở vỉa và chuẩn bị ruộng mỏ                       | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng   |
|         |                                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng   |
|         |                                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng   |
|         |                                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng   |
|         |                                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng   |
| 8030206 | Các quy trình công nghệ khai thác quặng hầm lò                     | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0302-16      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0302-16      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0302-16      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0302-16      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0302-16      | Lê Tiến Dũng    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8030207 | Các phương pháp khai thác hầm lò phi truyền thống                       | 10 |       | 21    | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0302-17      | Bùi Mạnh Tùng    |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0302-17      | Bùi Mạnh Tùng    |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0302-17      | Bùi Mạnh Tùng    |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0302-17      | Bùi Mạnh Tùng    |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0302-17      | Bùi Mạnh Tùng    |
| 8030208 | Ứng dụng tin học trong xác định các tham số mỏ hầm lò                   | 10 |       | 21    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
| 8030209 | Đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong khai thác mỏ hầm lò | 10 |       | 21    | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
| 8030209 | Đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong khai thác mỏ hầm lò | 33 |       | 9     | 6   | 11         | 3       |       | 16/04/2021 - 16/04/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8030210 | Phòng ngừa các hiểm họa trong khai thác mỏ hầm lò                | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
| 8030211 | Hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất trong khai thác mỏ hầm lò   | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0302-05      | Trần Văn Thanh   |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0302-05      | Trần Văn Thanh   |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0302-05      | Trần Văn Thanh   |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0302-05      | Trần Văn Thanh   |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0302-05      | Trần Văn Thanh   |
| 8030212 | Công nghệ khai thác cơ giới hóa đồng bộ hạ trần thu hồi than nóc | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
| 8030213 | Xử lý số liệu thực nghiệm thông gió mỏ                           | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
| 8030214 | Nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất mỏ                          | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0302-14      | Nguyễn Phi Hùng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0302-14      | Nguyễn Phi Hùng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0302-14      | Nguyễn Phi Hùng  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8030214 | Nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất mỏ        | 10 |       | 21    | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0302-14      | Nguyễn Phi Hùng |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0302-14      | Nguyễn Phi Hùng |
| 8030216 | Công nghệ tiên tiến trong thi công giếng đứng  | 10 |       | 21    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
| 8040101 | Địa kiến tạo                                   | 04 |       | 5     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
| 8040101 | Địa kiến tạo                                   | 08 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 14/12/2020 - 14/12/2020 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
| 8040102 | Phân tích và giải đoán cấu tạo địa chất        | 04 |       | 5     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
| 8040103 | Các phương pháp nghiên cứu thành phần vật chất | 04 |       | 5     | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất (04 0401)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|----------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8040103 | Các phương pháp nghiên cứu thành phần vật chất     | 04 |       | 5     | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
| 8040104 | Địa mạo - tân kiến tạo                             | 04 |       | 5     | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
| 8040106 | Địa chất biển                                      | 04 |       | 5     | 2   | 11         | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi |
| 8040107 | Các vấn đề về địa kiến tạo Việt Nam                | 04 |       | 5     | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
| 8040108 | Luận giải và thiết lập mô hình cấu trúc - kiến tạo | 04 |       | 5     | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0401-06      | Trần Thanh Hải  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất (04 0401)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|-----------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|---------------|--------------|----------------|
| 8040108 | Luận giải và thiết lập mô hình cấu trúc - kiến tạo                    | 04 |       | 5     | 8   | 1       | 5       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
| 8040109 | Thạch luận nguồn gốc trên cơ sở thành phần vật chất                   | 04 |       | 5     | 2   | 11      | 3       |       |               | 0401-13      | Ngô Xuân Thành |
|         |                                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0401-13      | Ngô Xuân Thành |
|         |                                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0401-13      | Ngô Xuân Thành |
|         |                                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0401-13      | Ngô Xuân Thành |
|         |                                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0401-13      | Ngô Xuân Thành |
|         |                                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0401-13      | Ngô Xuân Thành |
| 8040111 | Ứng dụng viễn thám và GIS trong luận giải địa chất khu vực ở Việt Nam | 04 |       | 5     | 2   | 11      | 3       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
| 8040113 | Các phương pháp phân tích và vẽ bản đồ cấu trúc sâu                   | 04 |       | 5     | 2   | 11      | 3       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |
|         |                                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0401-06      | Trần Thanh Hải |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất (04 0401)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8040114 | Cấu tạo nhỏ và ứng dụng                               | 04 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |         |                         | 0401-26      | Bùi Vinh Hậu      |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |         |                         | 0401-26      | Bùi Vinh Hậu      |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |         |                         | 0401-26      | Bùi Vinh Hậu      |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |         |                         | 0401-26      | Bùi Vinh Hậu      |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |         |                         | 0401-26      | Bùi Vinh Hậu      |
| 8040201 | Nghiên cứu và dự báo định lượng tài nguyên khoáng sản | 03 |       | 12    | 2   | 11      | 3       | HNAB506 | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAB204 | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNAB506 | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       | HNAB504 | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       | HNAB204 | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       | HNAB204 | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
| 8040202 | Các quá trình tạo quặng                               | 03 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |         |                         | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc      |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |         |                         | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc      |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |         |                         | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc      |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |         |                         | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc      |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |         |                         | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc      |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |         |                         | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc      |
| 8040203 | Nghiên cứu và dự báo định lượng tài nguyên khoáng sản | 03 |       | 12    | 2   | 11      | 3       | HNAB506 | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAB204 | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNAB506 | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       | HNAB504 | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       | HNAB204 | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       | HNAB204 | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
| 8040204 | Phương pháp xử lý thông tin địa chất                  | 03 |       | 12    | 2   | 11      | 3       | HNAB506 | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Tìm kiếm thăm dò (04 0402)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|-----------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------|--------------|-----------------------|
| 8040204 | Phương pháp xử lý thông tin địa chất                            | 03 |       | 12    | 6   | 11         | 3       | HNAB204 | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang     |
|         |                                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB506 | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang     |
|         |                                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB504 | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang     |
|         |                                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAB204 | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang     |
|         |                                                                 |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAB204 | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang     |
| 8040205 | Các phương pháp nghiên cứu thành phần vật chất quặng            | 03 |       | 12    | 2   | 11         | 3       | HNAB506 | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 11         | 3       | HNAB204 | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB506 | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB504 | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAB204 | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                 |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAB204 | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
| 8040206 | Mô hình hóa các tính chất của khoáng sản và phương pháp thăm dò | 03 |       | 12    | 2   | 11         | 3       | HNAB506 | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 11         | 3       | HNAB204 | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB506 | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB504 | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAB204 | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                 |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAB204 | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
| 8040207 | Khoáng chất công nghiệp                                         | 03 |       | 12    | 2   | 11         | 3       | HNAB506 | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 11         | 3       | HNAB204 | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB506 | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB504 | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAB204 | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                 |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAB204 | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
| 8040208 | Tin học ứng dụng và địa thống kê                                | 03 |       | 8     | 2   | 11         | 3       | HNAA303 |                         | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Tìm kiếm thăm dò (04 0402)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------|--------------|-----------------------|
| 8040208 | Tin học ứng dụng và địa thống kê                                 | 03 |       | 8     | 6   | 11         | 3       | HNAA303 |                         | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB204 |                         | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB204 |                         | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAB204 |                         | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAB204 |                         | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc         |
| 8040209 | Địa chất và Khoáng sản biển                                      | 03 |       | 8     | 2   | 11         | 3       | HNAA303 |                         | 0407-10      | Nguyễn Khắc Du        |
|         |                                                                  |    |       |       | 6   | 11         | 3       | HNAA303 |                         | 0407-10      | Nguyễn Khắc Du        |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB204 |                         | 0407-10      | Nguyễn Khắc Du        |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB204 |                         | 0407-10      | Nguyễn Khắc Du        |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAB204 |                         | 0407-10      | Nguyễn Khắc Du        |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAB204 |                         | 0407-10      | Nguyễn Khắc Du        |
| 8040211 | Phương pháp xây dựng và phân tích các dự án đầu tư phát triển mỏ | 03 |       | 8     | 6   | 11         | 3       | HNAA303 | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB204 | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB204 | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAB204 | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAB204 | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0402-07      | Phan Viết Sơn         |
| 8040212 | Luật và chính sách về khoáng sản – môi trường                    | 03 |       | 12    | 6   | 11         | 3       |         |                         | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       |         |                         | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6          | 7       |         |                         | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1          | 5       |         |                         | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6          | 7       |         |                         | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
| 8040213 | Phương pháp nghiên cứu khoáng sản ẩn                             | 03 |       | 8     | 2   | 11         | 3       | HNAA303 | 28/12/2020 - 28/12/2020 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng      |
|         |                                                                  |    |       |       | 6   | 11         | 3       | HNAA303 | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng      |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB204 | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng      |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB204 | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Tìm kiếm thăm dò (04 0402)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|----------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8040213 | Phương pháp nghiên cứu khoáng sản ẩn                           | 03 |       | 8     | 8   | 1       | 5       | HNAB204 | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       | HNAB204 | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
| 8040213 | Phương pháp nghiên cứu khoáng sản ẩn                           | 30 |       | 12    | 2   | 11      | 3       | HNAB506 | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAB204 | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNAB506 | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       | HNAB504 | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       | HNAB204 | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       | HNAB204 | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng  |
| 8040214 | Ứng dụng GIS và viễn thám trong nghiên cứu địa chất khoáng sản | 03 |       | 8     | 2   | 11      | 3       | HNAA303 | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAA303 | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNAB204 | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       | HNAB204 | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       | HNAB204 | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       | HNAB204 | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
| 8040215 | Địa chất các mỏ than Việt Nam và phương pháp thăm dò           | 03 |       | 8     | 2   | 11      | 3       | HNAA303 | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAA303 | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNAB204 | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       | HNAB204 | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       | HNAB204 | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       | HNAB204 | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0402-04      | Lương Quang Khang |
| 8040217 | Thiết lập cơ sở dữ liệu địa chất – khoáng sản                  | 03 |       | 8     | 2   | 11      | 3       | HNAA303 | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAA303 | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNAB204 | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Tìm kiếm thăm dò (04 0402)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8040217 | Thiết lập cơ sở dữ liệu địa chất – khoáng sản | 03 |       | 8     | 7   | 6       | 7       | HNAB204 | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       | HNAB204 | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       | HNAB204 | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
| 8040303 | Trần tích luận                                | 04 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |         |                         | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi   |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |         |                         | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi   |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |         |                         | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi   |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |         |                         | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi   |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |         |                         | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi   |
| 8040305 | Địa hóa ứng dụng                              | 03 |       | 8     | 2   | 11      | 3       | HNAA303 | 14/12/2020 - 14/12/2020 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAA303 | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNAB204 | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       | HNAB204 | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       | HNAB204 | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       | HNAB204 | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
| 8040307 | Khoáng vật ứng dụng                           | 08 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
| 8040308 | Địa hoá đồng vị                               | 08 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |         |                         | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
| 8040309 | Vô phong hoá và các phương pháp nghiên cứu    | 08 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |         | 07/12/2020 - 07/12/2020 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |         |                         | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Khoáng thạch - Địa hóa (04 0403)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8040309 | Vô phong hoá và các phương pháp nghiên cứu           | 08 |       | 4     | 7   | 1          | 5       |         |                         | 0403-16      | Đặng Thị Vinh   |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |         |                         | 0403-16      | Đặng Thị Vinh   |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |         |                         | 0403-16      | Đặng Thị Vinh   |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |         |                         | 0403-16      | Đặng Thị Vinh   |
| 8040316 | Địa chất thủy văn trong các đá kết tinh              | 25 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |         |                         | 0403-03      | Tô Xuân Bản     |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |         |                         | 0403-03      | Tô Xuân Bản     |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |         |                         | 0403-03      | Tô Xuân Bản     |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |         |                         | 0403-03      | Tô Xuân Bản     |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |         |                         | 0403-03      | Tô Xuân Bản     |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |         |                         | 0403-03      | Tô Xuân Bản     |
| 8040325 | Thạch luận các đá magma và biến chất                 | 03 |       | 8     | 2   | 11         | 3       | HNAA303 | 07/12/2020 - 07/12/2020 | 0403-04      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       | HNAA303 |                         | 0403-04      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNAB204 |                         | 0403-04      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       | HNAB204 |                         | 0403-04      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       | HNAB204 |                         | 0403-04      | Lê Tiến Dũng    |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       | HNAB204 |                         | 0403-04      | Lê Tiến Dũng    |
| 8040401 | Sinh khoáng học                                      | 08 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |         | 21/12/2020 - 21/12/2020 | 0402-08      | Khương Thế Hùng |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |         | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0402-08      | Khương Thế Hùng |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |         | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0402-08      | Khương Thế Hùng |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |         | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0402-08      | Khương Thế Hùng |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |         | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0402-08      | Khương Thế Hùng |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |         | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0402-08      | Khương Thế Hùng |
| 8040402 | Các quá trình tạo quặng                              | 08 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |         | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc    |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |         | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc    |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |         | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc    |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |         | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc    |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |         | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0404-09      | Ngô Xuân Đắc    |
| 8040403 | Các phương pháp nghiên cứu thành phần vật chất quặng | 08 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |         | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Tìm kiếm thăm dò (04 0402)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8040403 | Các phương pháp nghiên cứu thành phần vật chất quặng                     | 08 |       | 4     | 7   | 1          | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc     |
| 8040405 | Khoáng sản biển                                                          | 04 |       | 5     | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp   |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp   |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp   |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp   |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp   |
| 8040501 | Lý thuyết cổ kết, lưu biến và ổn định của đất                            | 02 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
| 8040502 | Lý thuyết chung và cơ sở phương pháp luận nghiên cứu địa chất công trình | 02 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0405-16      | Phạm Thị Việt Nga |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng Hạ tầng cơ sở (10 1003)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8040503 | Cơ sở toán cơ địa chất công trình và lý thuyết biến đổi tính chất của đất đá            | 02 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh     |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh     |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh     |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh     |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh     |
| 8040504 | Thí nghiệm địa kỹ thuật ngoài trời                                                      | 02 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
|         |                                                                                         |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
| 8040505 | Tính chất động học của đất                                                              | 02 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng |
|         |                                                                                         |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng |
| 8040506 | Sự hình thành tính chất địa chất công trình của đất đặc biệt và các phương pháp cải tạo | 02 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn     |
|         |                                                                                         |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn     |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn     |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn     |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8040506 | Sự hình thành tính chất địa chất công trình của đất đặc biệt và các phương pháp cải tạo | 02 |       | 4     | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn      |
| 8040506 | Sự hình thành tính chất địa chất công trình của đất đặc biệt và các phương pháp cải tạo | 29 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn      |
|         |                                                                                         |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn      |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn      |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn      |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn      |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn      |
| 8040507 | Kỹ thuật xử lý nền đất yếu và vật liệu địa kỹ thuật tổng hợp                            | 02 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                                         |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
|         |                                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0405-01      | Nguyễn Huy Phương |
| 8040508 | Phương pháp đánh giá chất lượng và gia cố khối đá                                       | 02 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn    |
|         |                                                                                         |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn    |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn    |
|         |                                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------|
| 8040508 | Phương pháp đánh giá chất lượng và gia cố khối đá | 02 |       | 6     | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn |
| 8040509 | Sự cố công trình xây dựng và các giải pháp xử lý  | 02 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
| 8040510 | Vật liệu xây dựng khoáng tự nhiên                 | 02 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ  |
| 8040514 | Mô hình số địa kỹ thuật công trình FLAC3D         | 02 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0405-14      | Nhữ Việt Hà    |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0405-14      | Nhữ Việt Hà    |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0405-14      | Nhữ Việt Hà    |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0405-14      | Nhữ Việt Hà    |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0405-14      | Nhữ Việt Hà    |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0405-14      | Nhữ Việt Hà    |
| 8040518 | Quan trắc địa kỹ thuật                            | 02 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8040518 | Quan trắc địa kỹ thuật                                                            | 02 |       | 6     | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn   |
|         |                                                                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn   |
|         |                                                                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0405-10      | Bùi Trường Sơn   |
| 8040519 | Ứng dụng công nghệ tin học giải các bài toán thiết kế nền móng và công trình ngầm | 02 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |       | 21/12/2020 - 21/12/2020 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
| 8040519 | Ứng dụng công nghệ tin học giải các bài toán thiết kế nền móng và công trình ngầm | 29 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
|         |                                                                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà      |
| 8040522 | Nền và móng công trình                                                            | 02 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------------|
| 8040522 | Nền và móng công trình                                | 02 |       | 4     | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng     |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng     |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng     |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng     |
| 8040523 | Trượt lở, lũ bùn đá và các giải pháp phòng chống      | 02 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương   |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương   |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương   |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương   |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương   |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0405-22      | Nguyễn Thành Dương   |
| 8040601 | Tính toán địa chất thủy văn                           | 25 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
| 8040602 | Tìm kiếm, thăm dò và đánh giá trữ lượng nước dưới đất | 25 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
| 8040603 | Phương pháp mô hình trong địa chất thủy văn           | 25 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|-----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------------|
| 8040603 | Phương pháp mô hình trong địa chất thủy văn               | 25 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
| 8040604 | Các quá trình hình thành thành phần hoá học nước dưới đất | 25 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
| 8040605 | Địa chất thủy văn nhiễm bẩn                               | 25 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
| 8040607 | Xử lý nước và các phương pháp phân tích nước hiện đại     | 25 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0406-11      | Trần Vũ Long          |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0406-11      | Trần Vũ Long          |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0406-11      | Trần Vũ Long          |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0406-11      | Trần Vũ Long          |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0406-11      | Trần Vũ Long          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------------|
| 8040607 | Xử lý nước và các phương pháp phân tích nước hiện đại    | 25 |       | 4     | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0406-11      | Trần Vũ Long         |
| 8040608 | Đánh giá tác động môi trường                             | 25 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
| 8040609 | Địa chất thủy văn kart                                   | 25 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
| 8040612 | Tin học ứng dụng và địa thống kê trong địa chất thủy văn | 25 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo     |
| 8040613 | Địa chất thủy văn môi trường                             | 25 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
| 8040614 | Địa chất thủy văn phục vụ xây dựng các công trình ngầm   | 02 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 07/12/2020 - 07/12/2020 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|--------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------------|
| 8040614 | Địa chất thủy văn phục vụ xây dựng các công trình ngầm | 02 |       | 4     | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
| 8040614 | Địa chất thủy văn phục vụ xây dựng các công trình ngầm | 25 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
| 8040615 | Động thái và cân bằng nước                             | 25 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                                        |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
| 8040616 | Quản lý tài nguyên nước đới bờ và cửa sông             | 25 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                                        |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                                        |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                                        |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                                        |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
| 8040617 | Địa hóa và ô nhiễm nước                                | 25 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                        |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                        |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|--------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------------|
| 8040617 | Địa hóa và ô nhiễm nước                          | 25 |       | 4     | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
| 8040701 | Khoáng chất công nghiệp                          | 08 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0407-03      | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
| 8050101 | Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình | 19 |       | 12    | 2   | 11         | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
| 8050101 | Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình | 20 |       | 7     | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0501-01      | Trần Khánh            |
| 8050101 | Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình | 21 |       | 19    | 2   | 11         | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0501-11      | Nguyễn Hà             |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0501-11      | Nguyễn Hà             |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0501-11      | Nguyễn Hà             |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050101 | Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình          | 21 |       | 19    | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
| 8050102 | Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa | 02 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
| 8050102 | Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa | 19 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
| 8050102 | Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa | 20 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
| 8050102 | Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa | 21 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050102 | Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa | 21 |       | 19    | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
| 8050102 | Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa | 22 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
| 8050103 | Thiết kế tối ưu lưới trắc địa công trình                  | 19 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
| 8050103 | Thiết kế tối ưu lưới trắc địa công trình                  | 29 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
| 8050104 | Trắc địa công trình biển                                  | 19 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 07/12/2020 - 07/12/2020 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050104 | Trắc địa công trình biển                                  | 19 |       | 9     | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh |
| 8050104 | Trắc địa công trình biển                                  | 29 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
| 8050105 | Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng                   | 19 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
| 8050105 | Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng                   | 29 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà       |
| 8050106 | Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình | 19 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
| 8050106 | Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình | 29 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-01      | Trần Khánh      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên   |
|---------|----------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------|
| 8050106 | Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình            | 29 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-01      | Trần Khánh  |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-01      | Trần Khánh  |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-01      | Trần Khánh  |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-01      | Trần Khánh  |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-01      | Trần Khánh  |
| 8050107 | Ứng dụng GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng                             | 19 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 14/12/2020 - 14/12/2020 | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
| 8050107 | Ứng dụng GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng                             | 29 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-11      | Nguyễn Hà   |
| 8050108 | Công tác trắc địa trong thi công xây dựng công trình có tính đặc thù | 19 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0501-10      | Lê Đức Tình |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0501-10      | Lê Đức Tình |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0501-10      | Lê Đức Tình |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|----------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050108 | Công tác trắc địa trong thi công xây dựng công trình có tính đặc thù | 19 |       | 9     | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
| 8050108 | Công tác trắc địa trong thi công xây dựng công trình có tính đặc thù | 29 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-10      | Lê Đức Tình     |
| 8050109 | Quan trắc chuyển dịch biến dạng công trình bằng thiết bị cảm biến    | 19 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 28/12/2020 - 28/12/2020 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà  |
|         |                                                                      |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà  |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà  |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà  |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà  |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà  |
| 8050110 | Ứng dụng công nghệ trạm CORS trong trắc địa công trình               | 19 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                                      |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
| 8050110 | Ứng dụng công nghệ trạm CORS trong trắc địa công trình               | 29 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|---------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050110 | Ứng dụng công nghệ trạm CORS trong trắc địa công trình        | 29 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-12      | Phạm Trung Dũng |
| 8050111 | Quản lý và giám sát các công trình xây dựng trong sử dụng đất | 11 |       | 3     | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
| 8050112 | Ứng dụng công nghệ UAV trong trắc địa công trình              | 19 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
| 8050112 | Ứng dụng công nghệ UAV trong trắc địa công trình              | 29 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8050112 | Ứng dụng công nghệ UAV trong trắc địa công trình | 29 |       | 19    | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà   |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà   |
| 8050201 | Định vị không gian                               | 19 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
| 8050201 | Định vị không gian                               | 20 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
| 8050201 | Định vị không gian                               | 21 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
| 8050212 | Hệ thống trạm GNSS quan trắc liên tục-CORS       | 19 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
| 8050212 | Hệ thống trạm GNSS quan trắc liên tục-CORS       | 20 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa cao cấp (05 0502)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8050212 | Hệ thống trạm GNSS quan trắc liên tục-CORS                       | 20 |       | 7     | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
| 8050212 | Hệ thống trạm GNSS quan trắc liên tục-CORS                       | 21 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
| 8050219 | Ứng dụng hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai | 11 |       | 3     | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
| 8050219 | Ứng dụng hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai | 27 |       | 14    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
| 8050301 | Công nghệ viễn thám                                              | 01 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 15/03/2021 - 15/03/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám (05 0503)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8050301 | Công nghệ viễn thám        | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
| 8050301 | Công nghệ viễn thám        | 24 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0503-13      | Trần Xuân Trường |
| 8050302 | Công nghệ mới trong đo ảnh | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
| 8050302 | Công nghệ mới trong đo ảnh | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
| 8050303 | Công nghệ GIS              | 01 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
| 8050303 | Công nghệ GIS              | 24 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**  
**Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám (05 0503)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8050303 | Công nghệ GIS                                    | 24 |       | 10    | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0503-10      | Trần Thanh Hà    |
| 8050304 | Ứng dụng viễn thám và GIS trong thành lập bản đồ | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
| 8050304 | Ứng dụng viễn thám và GIS trong thành lập bản đồ | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
| 8050305 | Ứng dụng công nghệ GNSS trong đo ảnh             | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
| 8050305 | Ứng dụng công nghệ GNSS trong đo ảnh             | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0503-05      | Trần Trung Anh   |
| 8050306 | Kỹ thuật LiDAR                                   | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám (05 0503)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8050306 | Kỹ thuật LiDAR              | 01 |       | 9     | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
| 8050306 | Kỹ thuật LiDAR              | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
| 8050308 | Viễn thám Radar và ứng dụng | 01 |       | 5     | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
| 8050308 | Viễn thám Radar và ứng dụng | 24 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
| 8050309 | Mô hình số độ cao           | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
| 8050309 | Mô hình số độ cao           | 40 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0503-04      | Trần Văn Anh     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**  
**Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám (05 0503)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8050313 | Viễn thám và GIS trong nghiên cứu thực phủ và sử dụng đất | 01 |       | 9     | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
| 8050313 | Viễn thám và GIS trong nghiên cứu thực phủ và sử dụng đất | 24 |       | 10    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
| 8050315 | Thống kê và mô hình dữ liệu viễn thám                     | 01 |       | 5     | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
| 8050315 | Thống kê và mô hình dữ liệu viễn thám                     | 24 |       | 10    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0503-07      | Trần Hồng Hạnh   |
| 8050316 | Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai                  | 11 |       | 39    | 6   | 11         | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                           |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |
|         |                                                           |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám (05 0503)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8050316 | Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai | 26 |       | 30    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
| 8050316 | Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai | 27 |       | 14    | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
| 8050323 | Lý thuyết khốp ảnh                       | 12 |       | 6     | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
| 8050325 | Công nghệ 3S                             | 25 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
| 8050401 | Tính toán bình sai trắc địa              | 19 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
| 8050401 | Tính toán bình sai trắc địa              | 20 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa phổ thông (05 0504)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8050401 | Tính toán bình sai trắc địa | 20 |       | 7     | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà     |
| 8050401 | Tính toán bình sai trắc địa | 21 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà     |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0504-01      | Hoàng Ngọc Hà     |
| 8050406 | Mô hình hóa bề mặt địa hình | 19 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
| 8050406 | Mô hình hóa bề mặt địa hình | 20 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
| 8050406 | Mô hình hóa bề mặt địa hình | 21 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0504-07      | Dương Thành Trung |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0504-07      | Dương Thành Trung |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0504-07      | Dương Thành Trung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0504-07      | Dương Thành Trung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0504-07      | Dương Thành Trung |
| 8050409 | Trắc địa nâng cao           | 11 |       | 39    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
| 8050409 | Trắc địa nâng cao           | 26 |       | 30    | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa phổ thông (05 0504)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|--------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8050409 | Trắc địa nâng cao                                                        | 26 |       | 30    | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa |
| 8050409 | Trắc địa nâng cao                                                        | 27 |       | 14    | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0504-02      | Đinh Công Hòa |
| 8050501 | Các phương pháp trắc địa - bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường | 19 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
| 8050501 | Các phương pháp trắc địa - bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường | 20 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
| 8050501 | Các phương pháp trắc địa - bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường | 21 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8050501 | Các phương pháp trắc địa - bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường | 21 |       | 19    | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà     |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà     |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà     |
| 8050502 | Ứng dụng kỹ thuật Laser trong trắc địa mỏ                                | 20 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
| 8050502 | Ứng dụng kỹ thuật Laser trong trắc địa mỏ                                | 21 |       | 27    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
| 8050502 | Ứng dụng kỹ thuật Laser trong trắc địa mỏ                                | 22 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 28/12/2020 - 28/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
| 8050502 | Ứng dụng kỹ thuật Laser trong trắc địa mỏ                                | 30 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8050502 | Ứng dụng kỹ thuật Laser trong trắc địa mỏ | 30 |       | 19    | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
| 8050503 | Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ | 20 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       | 21/12/2020 - 21/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
| 8050503 | Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ | 21 |       | 27    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
| 8050503 | Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ | 22 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8050503 | Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ                                | 22 |       | 9     | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
| 8050503 | Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ                                | 30 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
| 8050504 | Xây dựng cơ sở dữ liệu mỏ - địa chất bằng công nghệ GIS                  | 22 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn      |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn      |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn      |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn      |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn      |
| 8050505 | Ứng dụng công nghệ mới nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá bề mặt mỏ | 19 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
| 8050505 | Ứng dụng công nghệ mới nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá bề mặt mỏ | 20 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8050505 | Ứng dụng công nghệ mới nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá bề mặt mỏ | 20 |       | 7     | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |
| 8050505 | Ứng dụng công nghệ mới nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá bề mặt mỏ | 21 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0505-06      | Nguyễn Viết Nghĩa |
| 8050506 | Quan trắc liên tục chuyển dịch biến dạng công trình theo thời gian thực  | 20 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       | 28/12/2020 - 28/12/2020 | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
| 8050506 | Quan trắc liên tục chuyển dịch biến dạng công trình theo thời gian thực  | 21 |       | 27    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|-------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------|
| 8050506 | Quan trắc liên tục chuyển dịch biến dạng công trình theo thời gian thực | 30 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải |
|         |                                                                         |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-04      | Phạm Công Khải |
| 8050507 | Ứng dụng kỹ thuật trắc địa - bản đồ trong quy hoạch môi trường          | 22 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 14/12/2020 - 14/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
| 8050508 | Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường                              | 20 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
| 8050508 | Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường                              | 21 |       | 27    | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8050508 | Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường                                                 | 21 |       | 27    | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
| 8050508 | Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường                                                 | 30 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
| 8050509 | Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược | 20 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
| 8050509 | Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược | 21 |       | 27    | 2   | 11      | 3       |       | 28/12/2020 - 28/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8050509 | Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược | 21 |       | 27    | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
| 8050509 | Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược | 22 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 07/12/2020 - 07/12/2020 | 0505-01      | Võ Chí Mỹ     |
|         |                                                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-01      | Võ Chí Mỹ     |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-01      | Võ Chí Mỹ     |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-01      | Võ Chí Mỹ     |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-01      | Võ Chí Mỹ     |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-01      | Võ Chí Mỹ     |
| 8050509 | Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược | 30 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8050509 | Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược | 30 |       | 19    | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà    |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà    |
| 8050511 | Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất                                                   | 20 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
| 8050511 | Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất                                                   | 21 |       | 27    | 2   | 11      | 3       |       | 07/12/2020 - 07/12/2020 | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
| 8050511 | Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất                                                   | 22 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
| 8050511 | Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất                                                   | 30 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
| 8050512 | Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mố lộ thiên                                       | 20 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-03      | Vương Trọng Kha  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|---------------|--------------|-----------------|
| 8050512 | Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên | 20 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
| 8050512 | Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên | 21 |       | 27    | 2   | 11      | 3       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
| 8050512 | Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên | 22 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |               | 0505-10      | Phạm Văn Chung  |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0505-10      | Phạm Văn Chung  |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0505-10      | Phạm Văn Chung  |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0505-10      | Phạm Văn Chung  |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0505-10      | Phạm Văn Chung  |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0505-10      | Phạm Văn Chung  |
| 8050512 | Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên | 30 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0505-03      | Vương Trọng Kha |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050512 | Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mố lộ thiên                                         | 30 |       | 19    | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-03      | Vương Trọng Kha |
| 8050515 | Phương pháp phân tích không gian và mô hình GIS trong dự báo biến động tài nguyên môi trường | 20 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
| 8050515 | Phương pháp phân tích không gian và mô hình GIS trong dự báo biến động tài nguyên môi trường | 21 |       | 27    | 2   | 11      | 3       |       | 14/12/2020 - 14/12/2020 | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0505-09      | Phạm Thị Làn    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8050515 | Phương pháp phân tích không gian và mô hình GIS trong dự báo biến động tài nguyên môi trường | 21 |       | 27    | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
| 8050515 | Phương pháp phân tích không gian và mô hình GIS trong dự báo biến động tài nguyên môi trường | 22 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
| 8050515 | Phương pháp phân tích không gian và mô hình GIS trong dự báo biến động tài nguyên môi trường | 30 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
|         |                                                                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0505-09      | Phạm Thị Làn  |
| 8050520 | Thiết kế quy hoạch, cấu tạo công trình ngầm                                                  | 20 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050520 | Thiết kế quy hoạch, cấu tạo công trình ngầm           | 20 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng   |
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 11 |       | 3     | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 19 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       | 12/04/2021 - 12/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 20 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 20 |       | 7     | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 21 |       | 19    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 26 |       | 30    | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 27 |       | 14    | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 27 |       | 14    | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050601 | Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai | 34 |       | 39    | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050602 | Mô hình hoá và phân tích dữ liệu không gian GIS       | 11 |       | 39    | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
| 8050602 | Mô hình hoá và phân tích dữ liệu không gian GIS       | 26 |       | 30    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
| 8050602 | Mô hình hoá và phân tích dữ liệu không gian GIS       | 27 |       | 14    | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8050602 | Mô hình hoá và phân tích dữ liệu không gian GIS | 27 |       | 14    | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
| 8050603 | Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu thông tin đất đai       | 11 |       | 39    | 2   | 11         | 3       |       | 19/04/2021 - 19/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 16/04/2021 - 16/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
| 8050603 | Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu thông tin đất đai       | 26 |       | 30    | 2   | 11         | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
| 8050603 | Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu thông tin đất đai       | 27 |       | 14    | 2   | 11         | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
| 8050604 | Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS          | 11 |       | 39    | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam      |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam      |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam      |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam      |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|---------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050604 | Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS      | 11 |       | 39    | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
| 8050604 | Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS      | 26 |       | 30    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
| 8050604 | Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS      | 27 |       | 14    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam    |
| 8050605 | Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai | 11 |       | 39    | 2   | 11      | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050605 | Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai | 26 |       | 30    | 2   | 11      | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050605 | Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai   | 26 |       | 30    | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050605 | Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai   | 27 |       | 14    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
| 8050606 | Thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai. | 11 |       | 39    | 6   | 11      | 3       |       | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
| 8050606 | Thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai. | 19 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
| 8050606 | Thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai. | 20 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050606 | Thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai.     | 20 |       | 7     | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
| 8050606 | Thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai.     | 21 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
| 8050606 | Thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai.     | 26 |       | 30    | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
| 8050606 | Thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai.     | 27 |       | 14    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công |
| 8050608 | Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất | 11 |       | 3     | 2   | 11      | 3       |       | 12/04/2021 - 12/04/2021 | 0506-13      | Trần Xuân Miễn  |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 0506-13      | Trần Xuân Miễn  |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0506-13      | Trần Xuân Miễn  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8050608 | Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất | 11 |       | 3     | 7   | 6       | 7       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
| 8050608 | Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất | 26 |       | 30    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
| 8050608 | Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất | 27 |       | 14    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-13      | Trần Xuân Miến     |
| 8050611 | Hệ thống quản lý đất đai phát triển               | 26 |       | 30    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
| 8050613 | Quản lý địa giới hành chính                       | 11 |       | 3     | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8050613 | Quản lý địa giới hành chính | 11 |       | 3     | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
| 8050613 | Quản lý địa giới hành chính | 26 |       | 30    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
| 8050613 | Quản lý địa giới hành chính | 27 |       | 14    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
| 8050616 | Quy hoạch không gian        | 11 |       | 39    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
| 8050616 | Quy hoạch không gian        | 26 |       | 30    | 2   | 11      | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
| 8050616 | Quy hoạch không gian        | 27 |       | 14    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-----------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050618 | Tin học trong quản lý đất đai     | 11 |       | 3     | 2   | 11         | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
| 8050618 | Tin học trong quản lý đất đai     | 26 |       | 30    | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
| 8050618 | Tin học trong quản lý đất đai     | 27 |       | 14    | 2   | 11         | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
| 8050618 | Tin học trong quản lý đất đai     | 34 |       | 39    | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh  |
| 8050620 | Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu | 11 |       | 39    | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0506-03      | Trần Thùy Dương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-----------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|---------------|--------------|--------------------|
| 8050620 | Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu | 26 |       | 30    | 2   | 11      | 3       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
| 8050620 | Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu | 27 |       | 14    | 2   | 11      | 3       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0506-03      | Trần Thùy Dương    |
| 8050621 | Sử dụng đất nông nghiệp bền vững  | 11 |       | 39    | 2   | 11      | 3       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
| 8050621 | Sử dụng đất nông nghiệp bền vững  | 26 |       | 30    | 2   | 11      | 3       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
| 8050621 | Sử dụng đất nông nghiệp bền vững  | 27 |       | 14    | 2   | 11      | 3       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Bản đồ (05 0507)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8050701 | Bản đồ học hiện đại và mô hình hoá bản đồ        | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050701 | Bản đồ học hiện đại và mô hình hoá bản đồ        | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050702 | Công nghệ mới trong thiết kế và thành lập bản đồ | 01 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050702 | Công nghệ mới trong thiết kế và thành lập bản đồ | 24 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Bản đồ (05 0507)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8050702 | Công nghệ mới trong thiết kế và thành lập bản đồ      | 24 |       | 10    | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050703 | Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ                    | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050705 | Thành lập và sử dụng bản đồ trong lĩnh vực môi trường | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050705 | Thành lập và sử dụng bản đồ trong lĩnh vực môi trường | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050706 | Thành lập và sử dụng bản đồ trong du lịch             | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050706 | Thành lập và sử dụng bản đồ trong du lịch             | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Bản đồ (05 0507)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8050706 | Thành lập và sử dụng bản đồ trong du lịch | 24 |       | 10    | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050707 | Bản đồ và Atlas điện tử                   | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050707 | Bản đồ và Atlas điện tử                   | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050708 | Công nghệ mới trong phát hành bản đồ      | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050708 | Công nghệ mới trong phát hành bản đồ      | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050709 | Bản đồ hóa dữ liệu không gian             | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050710 | Bản đồ điện toán                          | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Bản đồ (05 0507)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8050710 | Bản đồ điện toán                                   | 01 |       | 5     | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050711 | Công nghệ cung cấp dịch vụ dựa trên vị trí địa lý  | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050711 | Công nghệ cung cấp dịch vụ dựa trên vị trí địa lý  | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050712 | Ứng dụng GIS thành lập bản đồ tai biến thiên nhiên | 01 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050712 | Ứng dụng GIS thành lập bản đồ tai biến thiên nhiên | 24 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Bản đồ (05 0507)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8050712 | Ứng dụng GIS thành lập bản đồ tại biển thiên nhiên | 24 |       | 10    | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050713 | GIS ứng dụng                                       |    |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050713 | GIS ứng dụng                                       | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050713 | GIS ứng dụng                                       | 24 |       | 10    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 8050714 | Xây dựng và quản lý dự án GIS                      | 01 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050714 | Xây dựng và quản lý dự án GIS                      | 24 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 8050716 | Xử lý đám mây điểm                                 | 01 |       | 5     | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Bản đồ (05 0507)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8050716 | Xử lý đám mây điểm                 | 01 |       | 5     | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý    |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý    |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý    |
| 8050718 | GIS ứng dụng trong quản lý đất đai | 11 |       | 3     | 6   | 11         | 3       |       | 16/04/2021 - 16/04/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý    |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý    |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý    |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý    |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý    |
| 8060128 | Địa vật lý trong địa chất thủy văn | 25 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0601-07      | Kiều Duy Thông  |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0601-07      | Kiều Duy Thông  |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0601-07      | Kiều Duy Thông  |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0601-07      | Kiều Duy Thông  |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0601-07      | Kiều Duy Thông  |
| 8060301 | Nhiệt động học nâng cao            | 05 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
| 8060302 | Kỹ thuật truyền khối năng cao      | 05 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
| 8060303 | Kỹ thuật truyền nhiệt năng cao     | 05 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
|         |                                    |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8060303 | Kỹ thuật truyền nhiệt nâng cao                           | 05 |       | 6     | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
| 8060304 | Kỹ thuật phản ứng hóa học nâng cao                       | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
| 8060305 | Các phương pháp thực nghiệm nghiên cứu cấu trúc vật chất | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
| 8060306 | Mô phỏng các quá trình công nghệ hoá học                 | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0603-07      | Phạm Trung Kiên |
| 8060307 | Kỹ thuật hệ thống công nghệ hoá học                      | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------------|
| 8060307 | Kỹ thuật hệ thống công nghệ hoá học          | 05 |       | 6     | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
| 8060308 | Hóa học công nghiệp                          | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0603-05      | Ngô Thanh Hải        |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-05      | Ngô Thanh Hải        |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-05      | Ngô Thanh Hải        |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-05      | Ngô Thanh Hải        |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-05      | Ngô Thanh Hải        |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-05      | Ngô Thanh Hải        |
| 8060309 | Các hợp chất hoạt động bề mặt                | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
| 8060312 | Kiểm soát môi trường trong công nghệ hóa học | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
| 8060313 | Hóa học xanh                                 | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
| 8060314 | Năng lượng xanh                              | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------------|
| 8060314 | Năng lượng xanh                                | 05 |       | 6     | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
| 8060315 | Công nghệ mới trong chế biến dầu khí           | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
| 8060316 | Kiểm soát môi trường trong công nghiệp dầu khí | 05 |       | 6     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
| 8060318 | Công nghệ vật liệu nano                        | 05 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0603-14      | Ngô Hà Sơn           |
| 8060401 | Lý thuyết phá hủy đá                           | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0604-19      | Nguyễn Tiến Hùng     |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0604-19      | Nguyễn Tiến Hùng     |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0604-19      | Nguyễn Tiến Hùng     |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0604-19      | Nguyễn Tiến Hùng     |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0604-19      | Nguyễn Tiến Hùng     |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0604-19      | Nguyễn Tiến Hùng     |
| 8060402 | Nước rửa và xử lý xi măng trám giếng           | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0604-02      | Trần Đình Kiên       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Khoan khai thác dầu khí (06 0604)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8060402 | Nước rửa và vữa xi măng trám giếng                             | 28 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0604-02      | Trần Đình Kiên     |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0604-02      | Trần Đình Kiên     |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0604-02      | Trần Đình Kiên     |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0604-02      | Trần Đình Kiên     |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0604-02      | Trần Đình Kiên     |
| 8060403 | Lý thuyết các phương pháp khoan                                | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
| 8060404 | Lý thuyết khai thác tài nguyên lòng - khí                      | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0604-07      | Lê Quang Duyệt     |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0604-07      | Lê Quang Duyệt     |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0604-07      | Lê Quang Duyệt     |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0604-07      | Lê Quang Duyệt     |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0604-07      | Lê Quang Duyệt     |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0604-07      | Lê Quang Duyệt     |
| 8060407 | Thiết kế chế độ khoan                                          | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn   |
| 8060408 | Giếng khoan ngang và đa đáy                                    | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
| 8060411 | Kiểm soát lưu lượng, nhiệt độ, áp suất trong khoan - khai thác | 28 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0605-07      | Nguyễn Thị Hải Yến |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Thiết bị đầu khí và công trình (06 0605)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8060411 | Kiểm soát lưu lượng, nhiệt độ, áp suất trong khoan - khai thác | 28 |       | 9     | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0605-07      | Nguyễn Thị Hải Yến |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0605-07      | Nguyễn Thị Hải Yến |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0605-07      | Nguyễn Thị Hải Yến |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0605-07      | Nguyễn Thị Hải Yến |
| 8060414 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong khoan - khai thác           | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0604-17      | Trương Văn Từ      |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0604-17      | Trương Văn Từ      |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0604-17      | Trương Văn Từ      |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0604-17      | Trương Văn Từ      |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0604-17      | Trương Văn Từ      |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0604-17      | Trương Văn Từ      |
| 8060415 | Xử lý, làm sạch chất lưu-u khai thác                           | 28 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh    |
| 8060601 | Phương pháp luận thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan            | 28 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng     |
|         |                                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng     |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng     |
|         |                                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng     |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng     |
|         |                                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Thiết bị dầu khí và công trình (06 0605)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|---------------|--------------|------------------|
| 8060602 | Lý thuyết khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí | 28 |       | 9     | 2   | 11         | 3       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
| 8060604 | Tổ hợp thiết bị khoan biển nước sâu                  | 28 |       | 9     | 2   | 11         | 3       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
| 8060605 | Phương pháp luận thiết kế thiết bị khai thác dầu khí | 28 |       | 9     | 2   | 11         | 3       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |               | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
| 8060606 | Ổn định đường ống dẫn dầu khí                        | 28 |       | 9     | 2   | 11         | 3       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |               | 0605-04      | Nguyễn Văn Thịnh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Thiết bị đầu khí và công trình (06 0605)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8060607 | Động cơ đẩy trong công tác khoan           | 28 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng    |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng    |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng    |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng    |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0605-11      | Hoàng Anh Dũng    |
| 8060608 | Phương pháp luận thiết kế giàn khoan biển  | 28 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0605-09      | Triệu Hùng Trường |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0605-09      | Triệu Hùng Trường |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0605-09      | Triệu Hùng Trường |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0605-09      | Triệu Hùng Trường |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0605-09      | Triệu Hùng Trường |
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 09 |       | 26    | 2   | 11      | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 15 |       | 18    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 16 |       | 16    | 2   | 11      | 3       |       | 07/12/2020 - 07/12/2020 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 17 |       | 31    | 2   | 11         | 3       |       | 14/12/2020 - 14/12/2020 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 18 |       | 18    | 2   | 11         | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 22 |       | 17    | 2   | 11         | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 23 |       | 12    | 2   | 11         | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 37 |       | 22    | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8070101 | Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế | 38 |       | 15    | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế                | 09 |       | 22    | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0701-01      | Nhâm Văn Toán |
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế                | 15 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế                | 16 |       | 16    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế                | 17 |       | 15    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế                | 18 |       | 11    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |
|         |                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------------|
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế              | 18 |       | 11    | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế              | 22 |       | 17    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế              | 23 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
| 8070103 | Quản trị kinh doanh quốc tế              | 31 |       | 13    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0701-01      | Nhâm Văn Toán        |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0701-01      | Nhâm Văn Toán        |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0701-01      | Nhâm Văn Toán        |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0701-01      | Nhâm Văn Toán        |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0701-01      | Nhâm Văn Toán        |
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 09 |       | 26    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 15 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 16 |       | 22    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------------|
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 16 |       | 22    | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 17 |       | 31    | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 18 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 22 |       | 17    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 23 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
| 8070104 | Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế | 38 |       | 15    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 8070201 | Quản lý chiến lược                       | 09 |       | 26    | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân  |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân  |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân  |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|--------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070201 | Quản lý chiến lược | 09 |       | 26    | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070201 | Quản lý chiến lược | 15 |       | 18    | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070201 | Quản lý chiến lược | 16 |       | 22    | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
| 8070201 | Quản lý chiến lược | 17 |       | 26    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070201 | Quản lý chiến lược | 18 |       | 18    | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
| 8070201 | Quản lý chiến lược | 22 |       | 17    | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070201 | Quản lý chiến lược               | 22 |       | 17    | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
| 8070201 | Quản lý chiến lược               | 23 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                  |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070202 | Tâm lý học trong quản lý kinh tế | 09 |       | 26    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
| 8070202 | Tâm lý học trong quản lý kinh tế | 15 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0702-01      | Đặng Huy Thái       |
| 8070202 | Tâm lý học trong quản lý kinh tế | 23 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
| 8070203 | Quản lý chi phí                  | 09 |       | 22    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |
|         |                                  |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |
| 8070203 | Quản lý chi phí                  | 15 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8070203 | Quản lý chi phí      | 15 |       | 19    | 7   | 6          | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
| 8070203 | Quản lý chi phí      | 17 |       | 15    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
| 8070203 | Quản lý chi phí      | 18 |       | 11    | 6   | 11         | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
| 8070203 | Quản lý chi phí      | 22 |       | 17    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
| 8070203 | Quản lý chi phí      | 23 |       | 12    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
| 8070203 | Quản lý chi phí      | 31 |       | 13    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh |
| 8070204 | Kinh tế học lao động | 09 |       | 22    | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn      |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên    |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------|
| 8070204 | Kinh tế học lao động | 09 |       | 22    | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
| 8070204 | Kinh tế học lao động | 15 |       | 19    | 6   | 11         | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
| 8070204 | Kinh tế học lao động | 16 |       | 16    | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
| 8070204 | Kinh tế học lao động | 17 |       | 15    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
| 8070204 | Kinh tế học lao động | 18 |       | 11    | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
| 8070204 | Kinh tế học lao động | 22 |       | 17    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
| 8070204 | Kinh tế học lao động | 23 |       | 12    | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070204 | Kinh tế học lao động                               | 23 |       | 12    | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
| 8070204 | Kinh tế học lao động                               | 31 |       | 13    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
| 8070205 | Quản lý sự thay đổi và khủng hoảng của các tổ chức | 16 |       | 22    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 8070206 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế      | 15 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 8070206 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế      | 17 |       | 15    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070206 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | 22 |       | 17    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
| 8070206 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | 23 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 8070206 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | 31 |       | 13    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0702-03      | Đào Anh Tuấn        |
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa                       | 09 |       | 26    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa                       | 15 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên   |
|---------|-------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------|
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa | 15 |       | 18    | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa | 16 |       | 22    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa | 17 |       | 31    | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa | 18 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa | 22 |       | 17    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa | 23 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa | 38 |       | 15    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|-------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8070301 | Quản lý dự trữ hàng hóa | 38 |       | 15    | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng   |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng   |
| 8070302 | Dự báo kinh tế          | 09 |       | 26    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
| 8070302 | Dự báo kinh tế          | 15 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
| 8070302 | Dự báo kinh tế          | 16 |       | 22    | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
| 8070302 | Dự báo kinh tế          | 17 |       | 31    | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
| 8070302 | Dự báo kinh tế          | 18 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
| 8070302 | Dự báo kinh tế          | 22 |       | 17    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8070302 | Dự báo kinh tế                                    | 22 |       | 17    | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
| 8070302 | Dự báo kinh tế                                    | 23 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-07      | Lê Minh Thống |
| 8070302 | Dự báo kinh tế                                    | 38 |       | 15    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0703-07      | Lê Minh Thống |
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 09 |       | 26    | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 15 |       | 18    | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 16 |       | 22    | 2   | 11         | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 17 |       | 31    | 2   | 11         | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 18 |       | 18    | 2   | 11         | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0702-05      | Đồng Thị Bích |
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 22 |       | 17    | 2   | 11         | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 22 |       | 17    | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 23 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 8070303 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao | 38 |       | 15    | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 8070304 | Quản lý tài nguyên và môi trường                  | 15 |       | 19    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070304 | Quản lý tài nguyên và môi trường                  | 16 |       | 16    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070304 | Quản lý tài nguyên và môi trường                         | 16 |       | 16    | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070304 | Quản lý tài nguyên và môi trường                         | 17 |       | 15    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070304 | Quản lý tài nguyên và môi trường                         | 18 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070304 | Quản lý tài nguyên và môi trường                         | 22 |       | 17    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 8070304 | Quản lý tài nguyên và môi trường                         | 23 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070304 | Quản lý tài nguyên và môi trường                         | 31 |       | 13    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 8070305 | Các phương pháp định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp | 09 |       | 22    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070305 | Các phương pháp định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp | 09 |       | 22    | 7   | 1          | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 8070305 | Các phương pháp định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp | 15 |       | 19    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 8070305 | Các phương pháp định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp | 16 |       | 16    | 6   | 11         | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 8070306 | Kỹ thuật Marketing nâng cao                              | 09 |       | 22    | 6   | 11         | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
| 8070306 | Kỹ thuật Marketing nâng cao                              | 15 |       | 19    | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070306 | Kỹ thuật Marketing nâng cao           | 15 |       | 19    | 8   | 6          | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 8070306 | Kỹ thuật Marketing nâng cao           | 17 |       | 15    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 8070306 | Kỹ thuật Marketing nâng cao           | 18 |       | 11    | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
| 8070306 | Kỹ thuật Marketing nâng cao           | 22 |       | 17    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 8070306 | Kỹ thuật Marketing nâng cao           | 23 |       | 12    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 8070306 | Kỹ thuật Marketing nâng cao           | 31 |       | 13    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
| 8070307 | Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế | 09 |       | 23    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070307 | Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế   | 09 |       | 23    | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 8070307 | Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế   | 15 |       | 18    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 8070307 | Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế   | 16 |       | 16    | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 8070307 | Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế   | 18 |       | 11    | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 8070307 | Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế   | 22 |       | 17    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 8070307 | Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế   | 31 |       | 13    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 8070308 | Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế | 09 |       | 26    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070308 | Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế | 09 |       | 26    | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070308 | Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế | 15 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070308 | Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế | 16 |       | 16    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070308 | Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế | 18 |       | 18    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070308 | Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế | 22 |       | 17    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070308 | Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế | 31 |       | 13    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính             | 09 |       | 26    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                         |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính | 09 |       | 26    | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính | 15 |       | 18    | 2   | 11         | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính | 16 |       | 22    | 2   | 11         | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính | 17 |       | 31    | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính | 18 |       | 18    | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính | 22 |       | 17    | 2   | 11         | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính                                             | 22 |       | 17    | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 8070401 | Tổ chức nguồn lực tài chính                                             | 23 |       | 12    | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
| 8070402 | Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường | 09 |       | 22    | 6   | 11         | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
| 8070402 | Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường | 15 |       | 19    | 6   | 11         | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
| 8070402 | Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường | 16 |       | 16    | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|-------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------|
| 8070402 | Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường | 17 |       | 15    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
| 8070402 | Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường | 18 |       | 11    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
| 8070402 | Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường | 22 |       | 17    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0704-01      | Nguyễn Duy Lạc |
| 8070402 | Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường | 31 |       | 13    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070403 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 09 |       | 22    | 2   | 11         | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
| 8070403 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 17 |       | 31    | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
| 8070403 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 18 |       | 11    | 2   | 11         | 3       |       | 28/12/2020 - 28/12/2020 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
| 8070403 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 23 |       | 12    | 2   | 11         | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi     |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh        | 09 |       | 0     | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh        | 15 |       | 18    | 2   | 11         | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------------|
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh | 15 |       | 18    | 6   | 11         | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh | 16 |       | 0     | 6   | 11         | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh | 17 |       | 26    | 2   | 11         | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh | 18 |       | 0     | 6   | 11         | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga  |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh | 22 |       | 17    | 2   | 11         | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh | 23 |       | 12    | 2   | 11         | 3       |       |                         | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                      |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|----------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------------|
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh       | 23 |       | 12    | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh       | 32 |       | 23    | 2   | 11         | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                            |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0704-02      | Bùi Thị Thu Thủy     |
| 8070404 | Pháp luật kinh doanh       | 39 |       | 18    | 2   | 11         | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                            |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 8070405 | Quản lý Ngân sách Nhà nước | 09 |       | 22    | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng     |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng     |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng     |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng     |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng     |
| 8070407 | Quản lý Thuế               | 09 |       | 22    | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
| 8070407 | Quản lý Thuế               | 15 |       | 19    | 6   | 11         | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
|         |                            |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |
|         |                            |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8070407 | Quản lý Thuế         | 17 |       | 15    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 8070407 | Quản lý Thuế         | 18 |       | 11    | 6   | 11         | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 8070407 | Quản lý Thuế         | 22 |       | 17    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 8070407 | Quản lý Thuế         | 23 |       | 12    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 8070407 | Quản lý Thuế         | 31 |       | 13    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 8070408 | Quản lý tài sản công | 09 |       | 23    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư     |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư     |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư     |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư     |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 8070408 | Quản lý tài sản công | 15 |       | 19    | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
| 8070408 | Quản lý tài sản công | 16 |       | 16    | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà  |
| 8070408 | Quản lý tài sản công | 18 |       | 11    | 6   | 11         | 3       |       | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
| 8070409 | Tiền tệ ngân hàng    | 09 |       | 22    | 6   | 11         | 3       |       | 19/02/2021 - 19/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 20/02/2021 - 20/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 20/02/2021 - 20/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 21/02/2021 - 21/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 21/02/2021 - 21/02/2021 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư |
| 8070409 | Tiền tệ ngân hàng    | 18 |       | 10    | 6   | 11         | 3       |       | 16/04/2021 - 16/04/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
| 8070409 | Tiền tệ ngân hàng    | 23 |       | 12    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
|         |                      |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |
|         |                      |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-10      | Phạm Thu Hương  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------|
| 8070410 | Quản lý tài chính công | 09 |       | 22    | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
| 8070410 | Quản lý tài chính công | 15 |       | 19    | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
| 8070410 | Quản lý tài chính công | 17 |       | 15    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
| 8070410 | Quản lý tài chính công | 18 |       | 11    | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
| 8070410 | Quản lý tài chính công | 23 |       | 12    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
| 8070410 | Quản lý tài chính công | 31 |       | 13    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8070411 | Các định chế tài chính | 09 |       | 26    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
| 8070411 | Các định chế tài chính | 15 |       | 19    | 6   | 11         | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
| 8070411 | Các định chế tài chính | 16 |       | 16    | 6   | 11         | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
| 8070411 | Các định chế tài chính | 23 |       | 12    | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       |                         | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng   |
| 8080301 | Công nghệ WebGIS       | 12 |       | 9     | 2   | 11         | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0803-03      | Nguyễn Quang Khánh |
|         |                        |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0803-03      | Nguyễn Quang Khánh |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0803-03      | Nguyễn Quang Khánh |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0803-03      | Nguyễn Quang Khánh |
|         |                        |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0803-03      | Nguyễn Quang Khánh |
|         |                        |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0803-03      | Nguyễn Quang Khánh |
| 8080302 | Lập trình GIS          | 12 |       | 9     | 2   | 11         | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên  |
|         |                        |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên  |
|         |                        |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên  |
|         |                        |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Trắc địa (08 0803)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8080302 | Lập trình GIS                             | 12 |       | 9     | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
| 8080303 | Xử lý ảnh số viễn thám                    | 12 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
| 8080304 | Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia | 12 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
| 8080305 | Công nghệ quét laser mặt đất              | 12 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
| 8080306 | Khai phá dữ liệu cho địa tin học          | 12 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
| 8080307 | Khoa học dữ liệu không gian               | 12 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Trắc địa (08 0803)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8080307 | Khoa học dữ liệu không gian | 12 |       | 6     | 8   | 1          | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
| 8080307 | Khoa học dữ liệu không gian | 35 |       | 9     | 2   | 11         | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
| 8080308 | Lập trình Python nâng cao   | 12 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long   |
| 8080309 | Dữ liệu lớn                 | 41 |       | 9     | 6   | 11         | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
| 8080309 | Dữ liệu lớn                 | 41 | 01    | 9     | 7   | 1          | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
| 8080309 | Dữ liệu lớn                 | 41 | 02    | 0     | 7   | 6          | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
| 8080309 | Dữ liệu lớn                 | 41 | 03    | 0     | 8   | 1          | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
| 8080309 | Dữ liệu lớn                 | 41 | 04    | 0     | 8   | 6          | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
| 8080309 | Dữ liệu lớn                 | 41 | 05    | 0     | 2   | 11         | 3       |       | 29/03/2021 - 29/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
| 8080311 | Địa thống kê                | 12 |       | 6     | 2   | 11         | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0804-01      | Trương Xuân Luận    |
|         |                             |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0804-01      | Trương Xuân Luận    |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0804-01      | Trương Xuân Luận    |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0804-01      | Trương Xuân Luận    |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0804-01      | Trương Xuân Luận    |
|         |                             |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0804-01      | Trương Xuân Luận    |
| 8080312 | Siêu dữ liệu                | 12 |       | 9     | 6   | 11         | 3       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                             |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                             |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                             |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Trắc địa (08 0803)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8080312 | Siêu dữ liệu                                | 12 |       | 9     | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
| 8080315 | An ninh mạng                                | 12 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0801-09      | Diêm Công Hoàng     |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0801-09      | Diêm Công Hoàng     |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0801-09      | Diêm Công Hoàng     |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0801-09      | Diêm Công Hoàng     |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0801-09      | Diêm Công Hoàng     |
| 8080316 | Cơ sở lý thuyết tích hợp GNSS/ INS          | 12 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 19/04/2021 - 19/04/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 16/04/2021 - 16/04/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 17/04/2021 - 17/04/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 18/04/2021 - 18/04/2021 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
| 8080317 | Điện toán di động và ứng dụng               | 12 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
| 8080318 | Thuật toán và Mô hình trong GIS             | 12 |       | 6     | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
| 8080320 | Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng | 12 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Công nghệ phần mềm (08 0801)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8080320 | Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng    | 12 |       | 6     | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0801-01      | Lê Văn Hưng        |
| 8080321 | Mô hình thành phố 3D                           | 12 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 12/04/2021 - 12/04/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân |
| 8080325 | Dự án Địa Tin học                              | 12 |       | 9     | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long  |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long  |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long  |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long  |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0803-11      | Nguyễn Hoàng Long  |
| 8090101 | Ứng dụng thiết bị biến đổi trong hệ thống điện | 13 |       | 16    | 2   | 11      | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý           |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý           |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý           |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý           |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý           |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0901-08      | Đỗ Như ý           |
| 8090102 | Tổ chức cung cấp điện                          | 13 |       | 16    | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa   |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa   |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa   |
|         |                                                |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa   |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa   |
|         |                                                |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa   |
| 8090103 | Bảo vệ role kỹ thuật số trong hệ thống điện mô | 13 |       | 16    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8090103 | Bảo vệ role kỹ thuật số trong hệ thống điện mô                | 13 |       | 16    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa |
| 8090104 | Phân tích lưới điện                                           | 13 |       | 16    | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
| 8090105 | Kỹ thuật an toàn điện và phòng cháy nổ                        | 13 |       | 16    | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
| 8090106 | Phương pháp đo và xử lý số liệu thông số của hệ thống điện mô | 13 |       | 16    | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
|         |                                                               |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
| 8090107 | Tối ưu hóa hệ thống cung cấp điện                             | 13 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|----------------|
| 8090107 | Tối ưu hóa hệ thống cung cấp điện                        | 13 |       | 12    | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0901-04      | Lê Xuân Thành  |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0901-04      | Lê Xuân Thành  |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0901-04      | Lê Xuân Thành  |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0901-04      | Lê Xuân Thành  |
| 8090108 | Mô phỏng hệ thống cung cấp điện mô                       | 13 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn |
| 8090109 | Các phần tử tự động trong hệ thống điện mô               | 13 |       | 16    | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn |
| 8090110 | Ứng dụng thiết bị FACTS trong truyền tải điện xoay chiều | 13 |       | 73    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0901-08      | Đỗ Như ý       |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0901-08      | Đỗ Như ý       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0901-08      | Đỗ Như ý       |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0901-08      | Đỗ Như ý       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0901-08      | Đỗ Như ý       |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0901-08      | Đỗ Như ý       |
| 8090111 | Quy hoạch và quản lý lưới điện                           | 13 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun    |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8090111 | Quy hoạch và quản lý lưới điện                             | 13 |       | 12    | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 8090113 | Chạm đất một pha trong mạng điện 6-35kV                    | 13 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 8090115 | Trang bị điện tự động các quá trình công nghệ khai thác mỏ | 13 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 8090202 | Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao                      | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                            |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 8090203 | Truyền động điện nâng cao                                  | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8090203 | Truyền động điện nâng cao                   | 14 |       | 6     | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0902-03      | Phan Minh Tạo    |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0902-03      | Phan Minh Tạo    |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0902-03      | Phan Minh Tạo    |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0902-03      | Phan Minh Tạo    |
| 8090204 | Mạng truyền thông công nghiệp nâng cao      | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
| 8090205 | Tự động hoá quá trình nâng cao              | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 22/03/2021 - 22/03/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình  |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình  |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình  |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình  |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình  |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình  |
| 8090206 | Điện tử công suất nâng cao                  | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong  |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong  |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong  |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong  |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong  |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0902-08      | Khổng Cao Phong  |
| 8090207 | Vi xử lý và vi điều khiển trong công nghiệp | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8090207 | Vi xử lý và vi điều khiển trong công nghiệp     | 14 |       | 6     | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 8090208 | Tin học công nghiệp nâng cao                    | 13 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 8090208 | Tin học công nghiệp nâng cao                    | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
| 8090212 | Cảm biến và các thuật toán trong đo lường       | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 8090213 | Xử lý tín hiệu số và ứng dụng trong công nghiệp | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|---------------|--------------|---------------------|
| 8090214 | Trí tuệ nhân tạo                            | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 8090217 | Năng lượng tái tạo                          | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |               | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 8090219 | Mạng cảm biến không dây và ứng dụng         | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 8090220 | Hệ thống giám sát và điều khiển công nghiệp | 14 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |               | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |               | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |               | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |               | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 8090310 | Nguồn ổn áp điện tử kiểu đóng cắt           | 13 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |               | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh   |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |               | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh   |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |               | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Kỹ thuật điện - Điện tử (09 0903)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 8090310 | Nguồn ổn áp điện tử kiểu đóng cắt        | 13 |       | 12    | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 8090311 | Điện tử ứng dụng trong công nghiệp mô    | 13 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
| 8090401 | Tối ưu hóa quá trình cắt gọt             | 08 |       | 3     | 2   | 11      | 3       |       | 15/02/2021 - 15/02/2021 | 0904-07      | Phạm Đức Thiên    |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0904-07      | Phạm Đức Thiên    |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0904-07      | Phạm Đức Thiên    |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0904-07      | Phạm Đức Thiên    |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0904-07      | Phạm Đức Thiên    |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0904-07      | Phạm Đức Thiên    |
| 8090402 | Thiết kế tối ưu và quy hoạch thực nghiệm | 08 |       | 3     | 2   | 11      | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung   |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung   |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung   |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung   |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung   |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung   |
| 8090403 | Lý thuyết biến dạng dẻo kim loại         | 08 |       | 3     | 2   | 11      | 3       |       | 11/01/2021 - 11/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
|         |                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
| 8090408 | Phương pháp xây dựng bề mặt cho CAD/CAM  | 08 |       | 3     | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Khoa: Cơ điện

Bộ môn: Kỹ thuật cơ khí (09 0904)

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8090408 | Phương pháp xây dựng bề mặt cho CAD/CAM                 | 08 |       | 3     | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân      |
|         |                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân      |
|         |                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0904-17      | Trần Đức Huân      |
| 8100101 | Mô hình hoá các tính chất của đá và khối đá             | 07 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn      |
|         |                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn      |
|         |                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn      |
|         |                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn      |
|         |                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn      |
| 8100102 | Áp lực đất đá và tải trọng tác dụng lên công trình ngầm | 07 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành   |
|         |                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành   |
|         |                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành   |
|         |                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành   |
|         |                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành   |
| 8100103 | Cơ học công trình ngầm và tính toán kết cấu chống giữ   | 07 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       | 18/01/2021 - 18/01/2021 | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                         |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                         |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                         |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                         |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                         |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
| 8100104 | Ổn định và bền vững công trình ngầm                     | 07 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8100104 | Ổn định và bền vững công trình ngầm                                          | 07 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
| 8100105 | Vật liệu, kết cấu chống mối trong xây dựng công trình ngầm                   | 07 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
|         |                                                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng |
| 8100106 | Tự động hoá, tối ưu hoá thiết kế công trình ngầm và hệ thống công trình ngầm | 07 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
| 8100107 | Các biện pháp nâng cao hiệu quả xây dựng công trình ngầm                     | 07 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh  |
|         |                                                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh  |
|         |                                                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh  |
|         |                                                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh  |
|         |                                                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8100108 | Dự báo, phòng ngừa, khắc phục các tai biến kỹ thuật trong xây dựng công trình ngầm | 07 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh        |
|         |                                                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh        |
|         |                                                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh        |
|         |                                                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh        |
|         |                                                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh        |
| 8100109 | Ứng dụng các quá trình vật lý trong xây dựng công trình ngầm                       | 07 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0303-10      | Đặng Văn Kiên      |
|         |                                                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0303-10      | Đặng Văn Kiên      |
|         |                                                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0303-10      | Đặng Văn Kiên      |
|         |                                                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0303-10      | Đặng Văn Kiên      |
|         |                                                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0303-10      | Đặng Văn Kiên      |
| 8100110 | Bệnh học công trình và vấn đề sửa chữa, khôi phục công trình ngầm                  | 07 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                                                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
|         |                                                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0303-17      | Nguyễn Duyên Phong |
| 8100111 | Công nghệ, kỹ thuật, thiết bị khoan nổ mìn mới trong xây dựng công trình ngầm      | 07 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 21/12/2020 - 21/12/2020 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên    |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------|
| 8100111 | Công nghệ, kỹ thuật, thiết bị khoan nổ mìn mới trong xây dựng công trình ngầm         | 07 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh  |
|         |                                                                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh  |
|         |                                                                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh  |
|         |                                                                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh  |
|         |                                                                                       |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh  |
| 8100112 | Quy hoạch mặt bằng và công trình bề mặt phục vụ cho xây dựng, sử dụng công trình ngầm | 07 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào |
|         |                                                                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào |
|         |                                                                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào |
|         |                                                                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào |
|         |                                                                                       |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào |
| 8100113 | Xây dựng công trình ngầm trong các điều kiện đặc biệt                                 | 07 |       | 4     | 2   | 11         | 3       |       | 04/01/2021 - 04/01/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh |
|         |                                                                                       |    |       |       | 6   | 11         | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh |
|         |                                                                                       |    |       |       | 7   | 1          | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh |
|         |                                                                                       |    |       |       | 7   | 6          | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh |
|         |                                                                                       |    |       |       | 8   | 1          | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh |
|         |                                                                                       |    |       |       | 8   | 6          | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0303-04      | Đào Văn Canh |
| 8100114 | Bảo vệ môi trường trong xây dựng, sử dụng công trình ngầm, mỏ và công trình đặc biệt  | 07 |       | 4     | 6   | 11         | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 1001)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8100114 | Bảo vệ môi trường trong xây dựng, sử dụng công trình ngầm, mỏ và công trình đặc biệt | 07 |       | 4     | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào  |
|         |                                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào  |
|         |                                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào  |
|         |                                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0303-05      | Ngô Doãn Hào  |
| 8100115 | Xây dựng giếng đứng, đường hầm và hầm trạm tiết diện lớn và rất lớn                  | 07 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0303-10      | Đặng Văn Kiên |
|         |                                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0303-10      | Đặng Văn Kiên |
|         |                                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0303-10      | Đặng Văn Kiên |
|         |                                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0303-10      | Đặng Văn Kiên |
|         |                                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0303-10      | Đặng Văn Kiên |
| 8100116 | Những tiến bộ trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm bằng phương pháp lộ thiên      | 07 |       | 4     | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                                      |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                                      |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                                      |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                                      |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |
|         |                                                                                      |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0303-19      | Đỗ Ngọc Thái  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|------------------|
| 8100118 | Những tiến bộ trong lĩnh vực thi công công trình ngầm bằng máy đào hầm | 07 |       | 7     | 2   | 11      | 3       |       | 05/04/2021 - 05/04/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
|         |                                                                        |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
|         |                                                                        |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
|         |                                                                        |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
|         |                                                                        |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
|         |                                                                        |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
| 8100119 | Kỹ thuật đo đạc quan trắc trong thi công công trình ngầm               | 07 |       | 7     | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
|         |                                                                        |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
|         |                                                                        |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
|         |                                                                        |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
|         |                                                                        |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
| 8100120 | Quản lý dự án xây dựng công trình ngầm                                 | 07 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
|         |                                                                        |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
|         |                                                                        |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
|         |                                                                        |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
|         |                                                                        |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
| 8100124 | Cơ học đá và các áp lực tác dụng lên công trình ngầm                   | 02 |       | 6     | 2   | 11      | 3       |       |                         | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |
|         |                                                                        |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |
|         |                                                                        |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |
|         |                                                                        |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |
|         |                                                                        |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8100124 | Cơ học đất và các áp lực tác dụng lên công trình ngầm | 02 |       | 6     | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |
| 8110102 | Tai biến thiên nhiên và đánh giá rủi ro môi trường    | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
| 8110105 | GIS trong nghiên cứu môi trường                       | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
| 8110105 | GIS trong nghiên cứu môi trường                       | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
| 8110105 | GIS trong nghiên cứu môi trường                       | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
| 8110106 | Cơ sở kinh tế tài nguyên và môi trường                | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                       |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
| 8110106 | Cơ sở kinh tế tài nguyên và môi trường                | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Môi trường cơ sở (11 1101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8110106 | Cơ sở kinh tế tài nguyên và môi trường       | 13 |       | 10    | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
| 8110106 | Cơ sở kinh tế tài nguyên và môi trường       | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
| 8110107 | Biến đổi khí hậu và môi trường               | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
| 8110107 | Biến đổi khí hậu và môi trường               | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
| 8110108 | Môi trường chiến lược và phát triển bền vững | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 18/12/2020 - 18/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 19/12/2020 - 19/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                              |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 20/12/2020 - 20/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
| 8110108 | Môi trường chiến lược và phát triển bền vững | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Môi trường cơ sở (11 1101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8110108 | Môi trường chiến lược và phát triển bền vững             | 13 |       | 10    | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
| 8110108 | Môi trường chiến lược và phát triển bền vững             | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
| 8110110 | Khai thác và bảo vệ các nguồn nước khoáng nước nước nóng | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 25/12/2020 - 25/12/2020 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 26/12/2020 - 26/12/2020 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 27/12/2020 - 27/12/2020 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
| 8110110 | Khai thác và bảo vệ các nguồn nước khoáng nước nước nóng | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
| 8110110 | Khai thác và bảo vệ các nguồn nước khoáng nước nước nóng | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                          |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Địa chất (08 0804)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|-----------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8110110 | Khai thác và bảo vệ các nguồn nước khoáng nước nóng | 14 |       | 9     | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
|         |                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc |
| 8110118 | Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và môi trường  | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
| 8110118 | Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và môi trường  | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
| 8110118 | Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và môi trường  | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
| 8110118 | Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và môi trường  | 31 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 09/04/2021 - 09/04/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |
|         |                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Môi trường cơ sở (11 1101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8110118 | Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và môi trường | 31 |       | 12    | 7   | 6       | 7       |       | 10/04/2021 - 10/04/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương       |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 11/04/2021 - 11/04/2021 | 0402-01      | Nguyễn Phương       |
| 8110211 | Thủy văn và ô nhiễm môi trường                     | 06 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       | 08/02/2021 - 08/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
| 8110217 | Sinh thái môi trường và phát triển bền vững        | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
| 8110217 | Sinh thái môi trường và phát triển bền vững        | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
| 8110217 | Sinh thái môi trường và phát triển bền vững        | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                    |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8110217 | Sinh thái môi trường và phát triển bền vững | 14 |       | 9     | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
| 8110220 | Ứng dụng đồng vị trong môi trường           | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
| 8110221 | Công nghệ xử lý đất ô nhiễm                 | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 05/02/2021 - 05/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 06/02/2021 - 06/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 07/02/2021 - 07/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
| 8110221 | Công nghệ xử lý đất ô nhiễm                 | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
| 8110221 | Công nghệ xử lý đất ô nhiễm                 | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0804-13      | Đinh Bảo Ngọc      |
| 8110222 | Phóng xạ môi trường                         | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                             |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
| 8110222 | Phóng xạ môi trường                         | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Kỹ thuật môi trường (11 1103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8110222 | Phóng xạ môi trường                               | 13 |       | 10    | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
| 8110222 | Phóng xạ môi trường                               | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
| 8110223 | Môi trường trong xây dựng công trình ngầm         | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0303-01      | Võ Trọng Hùng      |
| 8110301 | Đánh giá và kiểm soát chất gây ô nhiễm môi trường | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
| 8110303 | Hóa học môi trường bề mặt trái đất                | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
|         |                                                   |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
| 8110304 | Ứng dụng mô hình hóa trong kỹ thuật môi trường    | 06 |       | 12    | 2   | 11      | 3       |       | 01/02/2021 - 01/02/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 8110304 | Ứng dụng mô hình hóa trong kỹ thuật môi trường                      | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân      |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân      |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân      |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân      |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân      |
| 8110309 | Quan trắc và xử lý ô nhiễm môi trường                               | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 19/03/2021 - 19/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 20/03/2021 - 20/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 21/03/2021 - 21/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
| 8110309 | Quan trắc và xử lý ô nhiễm môi trường                               | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
| 8110312 | Lý thuyết tính toán và công nghệ xử lý khí độc hại                  | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 1103-09      | Nguyễn Phương Đông |
| 8110313 | Đặc tính và các biện pháp xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 26/03/2021 - 26/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 27/03/2021 - 27/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Kỹ thuật môi trường (11 1103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11/01/2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                                         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 8110313 | Đặc tính và các biện pháp xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại | 06 |       | 12    | 8   | 1       | 5       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuận      |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 28/03/2021 - 28/03/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuận      |
| 8110315 | Cơ sở kỹ thuật làm sạch dầu tràn                                    | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 08/01/2021 - 08/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuận      |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuận      |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 09/01/2021 - 09/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuận      |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuận      |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 10/01/2021 - 10/01/2021 | 0408-02      | Đào Đình Thuận      |
| 8110316 | Kỹ thuật điều hòa không khí                                         | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
| 8110316 | Kỹ thuật điều hòa không khí                                         | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 15/01/2021 - 15/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 16/01/2021 - 16/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 17/01/2021 - 17/01/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
| 8110316 | Kỹ thuật điều hòa không khí                                         | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 12/02/2021 - 12/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 13/02/2021 - 13/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 14/02/2021 - 14/02/2021 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
| 8110319 | Vi hóa sinh ứng dụng trong môi trường                               | 06 |       | 12    | 6   | 11      | 3       |       | 02/04/2021 - 02/04/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                                     |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 03/04/2021 - 03/04/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
|         |                                                                     |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 04/04/2021 - 04/04/2021 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương  |
| 8110320 | Ứng dụng kỹ thuật đồng vị trong môi trường nước                     | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Môi trường cơ sở (11 1101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|-------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|-------|-------------------------|--------------|---------------|
| 8110320 | Ứng dụng kỹ thuật đồng vị trong môi trường nước | 06 |       | 4     | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       |                         | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
| 8110320 | Ứng dụng kỹ thuật đồng vị trong môi trường nước | 13 |       | 10    | 6   | 11      | 3       |       | 11/12/2020 - 11/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 12/12/2020 - 12/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 13/12/2020 - 13/12/2020 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
| 8110320 | Ứng dụng kỹ thuật đồng vị trong môi trường nước | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       | 01/01/2021 - 01/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 02/01/2021 - 02/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 03/01/2021 - 03/01/2021 | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận  |
| 8110321 | Các nguyên lý sản xuất sạch hơn                 | 06 |       | 4     | 6   | 11      | 3       |       | 29/01/2021 - 29/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       | 30/01/2021 - 30/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 6       | 7       |       | 31/01/2021 - 31/01/2021 | 0408-12      | Trần Anh Quân |
| 8110321 | Các nguyên lý sản xuất sạch hơn                 | 14 |       | 9     | 6   | 11      | 3       |       |                         | 0408-12      | Trần Anh Quân |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 1       | 5       |       |                         | 0408-12      | Trần Anh Quân |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 7       |       |                         | 0408-12      | Trần Anh Quân |
|         |                                                 |    |       |       | 8   | 1       | 5       |       |                         | 0408-12      | Trần Anh Quân |

## THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 11 01 2021 (Tuần 24)

| Mã MH   | Tên môn học                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BĐ | Số tiết | Phòng | Thời gian học | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|---------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|-------|---------------|--------------|---------------|
| 8110321 | Các nguyên lý sản xuất sạch hơn | 14 |       | 9     | 8   | 6          | 7       |       |               | 0408-12      | Trần Anh Quân |

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu